

Tác Giả và Tác Phẩm

Vĩnh Hảo

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn-Phước Vĩnh-Hảo
Sinh 30.11.1958 tại Nha Trang, Khánh Hòa. Nguyên quán: Phú Vang, Thừa Thiên.
Hiện ngụ cư tại California, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Núi xanh mây hồng, Cởi trói, Giấu mơ và huyền thoại, Con đường ngược dòng.



Mục Lục

Quét lá - 2

Sân ngoài còn lá – 15

Cuốn sách nào đã ảnh hưởng nhiều nhất tới tôi? – Viên Linh - 28

Nghề đuổi quạ - 30

Chú bé Phật – 41

Phụ đính:

Về một bài thơ thiền mùa xuân – 46

Cây đa chùa cũ - 57

Những ván cờ - 78

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Quét lá

Thầy trụ trì vóc người gầy gò, xương xẩu như một nhà tu khổ hạnh nhưng thầy làm việc rất mau mắn, tươm tất. Cứ đến chùa mà nhìn cách thầy điều động công việc trong một ngày lễ lớn thì biết thầy có óc tổ chức và giỏi dang như thế nào. Thầy sống bình dị, hiền hòa, ai gặp cũng thấy cảm mến. Nhờ vậy mà ngôi chùa nhỏ trở nên rất cần thiết cho cái xóm lao động nghèo khổ này. Năm ngoài có vài bốn đạo ở thị xã đến viếng chùa và muốn cúng tiền để thầy cất lều cao lên. Thầy không nhận. Nguyên do rất đơn giản: thầy không muốn mái chùa cao khỏi những mái nhà ọp ẹp chung quanh cũng như vượt quá tầm nhìn của những con người lam lũ trong xóm. Thầy chú trọng việc cảm hóa, dạy dỗ kẻ khác trong việc học đạo cũng như giúp đỡ họ lúc khó khăn hơn là xây dựng chùa tháp đồ sộ nguy nga để rồi không lợi ích gì thiết thực cho những con người đau khổ.

Một hôm, trời hazy còn mờ sáng, thầy đang ngồi đọc sách thì thấy thắp thoáng ngoài vườn chùa một chú bé trai đầu chùng mười hai tuổi đang đi dạo trong sân, quanh tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Giờ này ít có ai đến chùa. Sự hiện diện của chú bé vào lúc mờ sáng như vậy khiến thầy cảm thấy có một cái gì khác thường. Trông chú bé mặt mày sáng láng thông minh, ăn bận tươm tất chứ không lem luốc như lũ trẻ hàng xóm. Từ trong nhìn ra, thầy thấy rõ chú bé, nhưng chú bé không nhìn thấy thầy. Tự dưng thầy lưu tâm đến chú bé như đọc được nơi chú cái nét đặc biệt mà lại quen thuộc nào đó. Thầy nhớ năm xưa khi thầy còn bé sắp sửa đi tu, thầy cũng đến chùa và lẩn quẩn quanh sân với một vẻ triu mến như vậy. Lúc đó, thầy thấy thế giới của chùa trở thành ngôi nhà thân yêu quen thuộc của mình. Cảm giác đầu tiên của thầy bấy giờ khi bước chân vào chùa chẳng khác gì cảm giác của một gã giang hồ lâu năm trở về căn nhà xưa của mình vậy. Nay hình ảnh chú bé dạo sân chùa gợi lại nơi thầy kỷ niệm dễ thương của ngày cũ. Chú bé dừng lại trước tượng Quán Thế Âm, ngược mắt lên nhìn đức Bồ Tát như đang muốn nói lên ước nguyện nào đó của chú. Thầy xúc động nhớ lại rõ ràng cách đây ba mươi năm trước thầy cũng đứng trước tượng Bồ Tát để cầu nguyện cho sự xuất gia của mình được thành tựu. Có lẽ chú bé đang dự tính xuất gia như thầy xưa kia, thầy nghĩ thầm như vậy. Thầy xếp sách lại, từ từ bước ra khỏi phòng để ra sân chùa. Ngang nhà bếp, thầy nhặt cây chổi có cán dài mang ra sân. Sân hazy còn ướt nước vì thầy đã tưới cây và rửa nước sân từ hồi năm giờ sáng sau khi tụng thời công phu khuya. Bấy giờ thầy quét, đất không lên bụi. Lâu nay, vì chùa không có chú tiểu nào, thầy đảm trách luôn việc quét sân chùa.

Thầy quét từ hiên bếp dần ra sân trước. Vừa quét thầy vừa nhớ lại năm xưa sự phụ của thầy cũng quét sân và thầy là chú bé đến làm quen với sự phụ để học cách quét lá đa và xin tham dự vào hàng ngũ những thiên thần quét lá. Lần đầu gặp sự phụ, thầy đã thấy cảm mến lạ thường, như thể thầy tìm lại được một người thân lâu ngày xa cách. Sự phụ nhận thầy làm đệ tử mà không cần sự cho phép của cha mẹ, bởi vì thầy là một đứa bé mồ côi trốn từ cô nhi viện ra. Sau khi thế phật cho thầy trở thành một chú tiểu, sự phụ đến cô nhi viện để thông báo cho dì phước ở đó biết rằng chú bé tên Nguyễn đã xuất gia đầu Phật. Dì phước biết tiếng sự phụ là một vị chân tu và cũng là một mạnh thường quân thường quan tâm đến trẻ mồ côi, đã từng ủng hộ vừa tâm lực vừa sản vật cho cô nhi viện nên dì hoan hỷ và lo giúp đỡ mọi thủ tục cho sự xuất viện của chú Nguyễn, xem như chú đã có người xin nhận làm con nuôi. Quả vậy, bao nhiêu tình cảm, sự phụ dành trọn cho chú, chăm sóc chú từ cơm ăn áo mặc, học hành cho đến công phu tu niệm—cái tình đó so với tình phụ tử e còn nặng hơn. Vì không có cha mẹ nên chú Nguyễn không tưởng ra được tình phụ tử và mẫu tử to lớn ra sao. Nhưng chú nghĩ nếu chú có cha mẹ thì cha mẹ chú cũng chỉ lo cho chú ăn học (như sự phụ chú từng làm) chứ không thể chăm sóc được cho vườn tâm của chú bằng sự giáo dục tâm linh qua giáo lý và công phu tu tập. Từ sự phụ, chú Nguyễn tìm lại được vòm trời đã mất của chú. Chẳng may, năm chú Nguyễn thọ đại giới, tức là chính thức trở thành một vị tỳ kheo, tăng sĩ của giáo hội, thì sự phụ

viên tịch. Lúc đó chú mới tròn hai mươi tuổi. Chú thay sư phụ đảm nhận chức trụ trì ngôi chùa cho đến ngày hôm nay. Hơn hai mươi năm rồi, chú Nguyên, tức là thầy trụ trì bây giờ, đã tu tập một mình như vậy giữa xóm nghèo này chứ không có một bạn đồng tu hay một đệ tử xuất gia nào để chia sẻ niềm vui học đạo. Thầy không hiểu sao từ sư phụ rồi đến lượt thầy nữa, lại không có cái duyên thu nạp nhiều đệ tử xuất gia như những tăng sĩ ở các chùa khác. Có lẽ trong đạo cũng như ngoài thế tục, mỗi người đều có một lối đi, một đời sống riêng (mà trong đạo gọi là biệt nghiệp), không ai giống ai, nhưng đôi khi: cha nào con nấy như ở thế tục, và thầy nào trò nấy như ở trong đạo. Bây giờ nhìn thấy chú bé trước sân chùa, thầy bỗng có linh cảm rằng chú bé sẽ là kẻ tiếp nối thầy trong sứ mệnh hoằng dương Phật pháp tại ngôi chùa này.

Thầy quét gần tới sân trước thì chú bé nhìn thấy thầy. Chú hơi bối rối một thoáng rồi đứng chắp tay cúi đầu chào thầy từ xa khi thấy thầy nhìn mình. Thầy rất hoan hỷ đón nhận cái chào rất đúng phép của chú. Thầy nghĩ bụng, "chắc chú ấy đã từng đi chùa với cha mẹ chứ không phải như mình hồi trước. Mình ở cô nhi viện của nhà thờ nên chỉ biết cầu nguyện, làm dấu thánh giá và hát Thánh ca của Thiên Chúa giáo chứ đâu có biết chắp tay chào sư phụ như chú bé này." Thầy đáp lễ chú bằng cách gật đầu chào lại. Rồi thầy cúi xuống quét tiếp. Chú bé liền bước đến chỗ thầy, lễ phép nói:

"Bạch thầy, để con quét sân giúp thầy."

"Con biết quét không?" thầy vừa hỏi vừa ngạc nhiên khám phá rằng chú bé nói năng như người biết lễ nghi trong chùa.

"Bạch thầy, biết. Quét sân chùa cũng giống như quét sân ở nhà."

"Giống mà thật ra không giống con ạ."

"Vậy thầy dạy con quét sân chùa đi."

"Con thực sự muốn học không? Được, con lắng nghe nhé. Khi quét chùa miệng đọc câu:

[Cần tảo già-lam địa](#)
[Thời thời phước huệ sanh](#)
[Tuy vô tân khách chí](#)
[Diệc hữu Thánh nhân hành.](#)

tức là: siêng năng quét đất già-lam thì phước đức và trí tuệ càng ngày càng thêm lớn. Dù không có khách khứa đến chùa thì cũng có thánh nhân hay thiện thần qua lại. Ngoài ra, quét chùa phải quét trong chánh niệm, tức là chỉ chú tâm vào việc quét chứ không để tâm lan man nghĩ đến chuyện khác. Còn nữa, quét rác phải quét kỹ lưỡng, không để sót lại cọng rác hay chiếc lá nào. Những cọng rác lớn nhỏ kẹt trong hốc đá như vậy phải moi ra cho được, không để rác rưởi ần nấp, tụ lại. Chưa hết, quét không để lại dấu vết nào trên đất, tức là không để lại những vết tích của chổi kéo thành lằn vế, thành đường ranh trên đất. Gặp chỗ đất cát như chỗ này, bắt buộc phải để lại dấu vết thì phải để lại những dấu vết ngay hàng thẳng lối chứ không quét qua quét lại một cách cầu thả, lười biếng. Quét như vậy cũng y như là con cầm bút mà vẽ một bức tranh vậy. Nhưng bức tranh ở đây, nơi cửa chùa, chỉ cần những nét ngay thẳng chứ không cần những nét ngửa nghiêng xô lệch. Tâm con sẽ hiện rõ trên từng đường chổi lướt đi trên nền đất. Cứ nhìn cái sân sau khi quét là thấy được cái tâm của người quét. Còn rất nhiều điều mà con cần học trong việc quét chùa. Thầy chỉ nói sơ lược cho con biết mà thôi. Sao, con thấy quét chùa thế nào và có thấy là khác với quét sân nhà không?"

"Bạch thầy, khác. ở nhà, khi chị ở bị bệnh, mẹ con bảo con ra quét sân, con chỉ quét mau cho xong chứ không nghĩ gì hết," chú bé ngưng một lúc rồi nói tiếp "quét chùa khó quá thầy há, nhưng con sẽ quét được."

"Con muốn quét chùa lắm sao?" thầy hỏi với giọng xúc động, hồi hộp.

"Dạ... con muốn," chú bé đáp.

"Con ở đâu đến đây?"

"Bạch thầy, con ở phố," chú bé đáp với chút ngập ngừng. Thầy hỏi tiếp:

"Sao mới sáng sớm mà con đã đến đây? con đi với ai hay đi một mình?"

"Bạch thầy... con đi một mình."

"Con mấy tuổi rồi? sao dám đi một mình từ phố xuống xóm này?"

"Dạ con mười hai tuổi. Tết rồi mẹ con có dẫn con đi hành hương vào lễ chùa này nên con biết đường."

"Con đi sớm như vậy... ủa, con đi bằng cách nào mà có mặt ở đây giờ này?"

Chú bỗng bật khóc. Thầy vỗ vai xoa đầu chú, khuyên giải:

"Nín đi con, con có chuyện gì cứ kể thầy nghe để thầy giúp cho."

Khóc như tức tưởi một hồi chú bé mới dịu dần rồi nói:

"Con trốn nhà để đi tu. Ba mẹ con không cho con đi tu nên con trốn."

"Vậy sao! Con trốn đi hồi nào?"

"Bạch thầy con mới đi hồi khuya này thôi. ở nhà ai cũng còn ngủ nên không biết con đi."

Thầy thấy khó xử, suy tính một lúc rồi nói:

"Nếu con thật sự muốn đi tu thì đến đây tu với thầy. Nhưng... phải có sự đồng ý của ba mẹ con mới được. Luật ở chùa chỉ nhận người xuất gia dưới mười tám tuổi nếu có sự cho phép của cha mẹ hoặc anh chị lớn. Riêng thầy, thầy rất vui mừng đón nhận con vào chùa. Con nghĩ là con có thể xin phép ba mẹ được không?"

Chú bé ngẫm nghĩ như đang tìm câu trả lời, rồi chú nói:

"Nếu con xin phép được thì con đâu có trốn nhà."

"Ừ nhỉ, vậy mà thầy nghĩ không ra. Ba mẹ con nói sao mà không cho con đi tu?"

Chú bé ôn lại lời ba mẹ đã nói với mình:

"Ba mẹ con nói đi tu khổ lắm, con không tu nổi đâu. Ba mẹ con còn nói là con còn con nít, biết

cái gì đâu mà đòi tu. Vớ lại... ba mẹ con nói là ở nhà đâu có thiếu cơm thiếu gạo, sao mà đòi đi tu."

Thầy phì cười:

"Đâu phải thiếu cơm thiếu gạo mới đi tu. Cũng không phải là con nít không biết tu, người lớn mới biết tu. Hồi thầy đi tu, thầy mới có mười hai tuổi, tuổi của con bây giờ. Không có gì trở ngại trong việc lớn tuổi hay nhỏ tuổi cả. Lớn tuổi đi tu cũng được mà nhỏ tuổi đi tu cũng được. Sao cũng tốt cả. Điều quan trọng là tu mà thôi. Có điều, theo kinh nghiệm của thầy, thầy thấy rằng tuổi nhỏ xuất gia dễ thành công hơn. Những người lớn... cái đầu họ già đi rồi: đầy ắp những thành kiến, những định kiến, những thói tật, những cố chấp, bảo thủ, những... à, chắc con không hiểu những danh từ đó. Tóm lại là người lớn có cái đầu chai sạn, khó mà vào được cửa đạo một cách thông dong nhẹ nhàng như tuổi thơ vô tư của con được. Còn nữa, những cái như oai-nghi tế-hạnh, à... con cũng không hiểu danh từ này.. tóm lại là sự trau luyện kỹ luật và đức hạnh, tức là hạnh kiểm đó, chỉ có thể trau luyện một cách hoàn hảo qua thời gian ấu thơ. Các thầy lớn tuổi mới xuất gia không có được những oai nghi tế hạnh mà những thầy khác luyện tập từng giờ từng phút từ thuở nhỏ. Cũng có người lớn tuổi đi tu thành công, nhưng đa phần là các vị đồng chơn xuất gia, tức là những người đi tu từ nhỏ, trở thành rường cột của đạo pháp. À, nói vậy chắc con không hiểu. Thầy nói tóm cho con... rằng đi tu lúc nhỏ tuổi có cơ hội thành công nhiều hơn là để lớn tuổi mới đi tu. Kia, con nhìn lên trời xem, con thấy mây bay không. Đó, cái gì nhẹ thì mới bay được trong không gian bao la. Phật pháp cũng vậy, là vòm trời cao rộng mà chỉ có những tâm hồn nhẹ nhàng như mây trắng mới bay qua nổi. Tuổi thơ, như sợi mây mỏng, như cánh chim hiền, không cố gắng nhiều mà tâm hồn lúc nào cũng có thể cùng với trời cao hòa chung một nhịp. Con chim nếu không tập bay lúc nhỏ thì khi lớn chỉ biết đi chứ không biết bay. Đưa bé không tập đi thì khi lớn lên cũng chỉ biết bò chứ không biết đi, dù có hai chân rắn chắc. Những chuyện dễ dàng như thế mà không chịu tập từ nhỏ thì lớn cũng đã trở thành chuyện khó khăn, khổ nhọc cho mình. Huống chi, tu là tập bay giữa vũ trụ bao la bát ngát, là tập đi trên con đường thăng thang không cửa không lối! Đi tu là gì? Là trở về với tuổi ấu thơ của mình. Chờ cho lớn tuổi, cho già khụ đi mới tính chuyện trở về thì xa lắm, khó lòng về tới nơi tới chốn được. Cho nên đi tu lúc bé chính là giữ cho cái hồn nhiên thiên thần của mình không bị mất đi. Bảo vệ vật quý trong túi của con dù gì cũng dễ hơn là đánh mất nó rồi lại đi tìm nó, phải không? Người lớn đi tu cũng được chứ chẳng phải không, nhưng... nếu không có tuệ căn và chí nguyện xuất trần cực mạnh, nếu không dốc lòng cầu đạo, khổ nhọc tu tập như thái tử Tất-Đạt-Đa thì một đời xuất gia kể như uổng phí mà thôi."

Thầy nói ngang đó thì ngưng lại, sực nhớ rằng nãy giờ mình nói với một chú bé mà như nói với một người bạn ngang tuổi mình. Tuy vậy, qua đôi mắt thông minh của chú bé, thầy như cảm nhận rằng chú ấy có thể vượt lời mà hiểu được ý thầy. Thầy triu mến hỏi:

"Con tên gì?"

"Bạch thầy, con tên Thông."

"Tại sao con muốn đi tu đến độ cha mẹ không cho lại trốn nhà mà đi?"

Thông suy nghĩ một lúc rồi trả lời thầy:

"Bạch thầy, con không biết sao nữa. Con chỉ thấy... con chỉ thấy con thích đi tu quá, rồi con xin ba mẹ đi tu."

"Con đến chùa, thấy thích chùa rồi đòi đi tu, hay là con đang ở nhà bỗng dưng thấy thích đi tu?"

Thông cười như được thầy hiểu và nói trúng ý mình, đáp ngay:

"Dạ, con đi chùa với mẹ, thấy cảnh chùa tự nhiên con muốn đi tu chứ không biết sao nữa."

Thầy gật gù, rồi cười tủm tỉm, nghĩ thầm: "Đơn giản như vậy thôi. Thế giới của con chim là bầu trời, nó được thấy bầu trời thì nó thích. Đâu có cần phải hiểu vì sao. Còn những chàng thanh niên nhiệt huyết của thế gian thường đến chùa học đạo hoặc xin xuất gia thì mang theo họ những lý tưởng, những hoài bão, những ước nguyện cao xa lắm: nào là học làm Phật làm Tổ, nào là đốn ngộ thiền tâm, nào là hoàng dương Phật Pháp, nào là liễu sinh thoát tử v.v... nhưng rồi, qua một vài năm nỗ lực đã bị đánh rơi lại phía sau như những chiếc lá mùa thu vàng rụng. Họ đến với sự hăm hở nồng nhiệt như thể một ngày hai ngày là với ngay đến được mục tiêu tối hậu; nhưng đến khi ra đi thì lặng lẽ tiêu điều như thể cửa chùa không đủ chất liệu để đáp ứng cho nhu cầu tâm linh của họ vậy! Lý do rất dễ hiểu: bầu trời này quá xa lạ với họ. Bỗng dưng phải nhảy vào trời mà bay, dĩ nhiên là khó khăn rồi. Trong khi những kẻ đồng chơn xuất gia ung dung qua lại giữa rừng giới luật và các oai-nghi tế-hạnh như đi dạo mát xem hoa, thì họ, những kẻ trung niên xuất gia hay bán thể xuất gia, như bị ném vào một thế giới mới mẻ đầy những ngõ ngách âm u và chằng chịt những lối đi hiểm hóc, không biết đâu mà dò. Chỉ những kẻ đã đánh mất đi sự hồn nhiên của mình mới thấy cần thiết phải vẽ ra những con đường, những lý tưởng, những mục tiêu này nọ để thánh-hóa con đường xuất gia của mình; còn những thiên thần cao khiết như bé Thông thì không cần sự vẽ vời đó. Cảm thấy thích chùa nên muốn đi tu. Chỉ vậy thôi. Đúng, chỉ vậy thôi, là đủ rồi. Nhất giả, phát tâm xuất gia, hoài bội đạo cố (Tiên khởi, phát tâm xuất gia là vì cảm mến đạo). Điều thứ nhất trong Năm Đức của các chú Sa-di (các chú tiểu) đã nêu ra như vậy mà. Nay bé Thông nói thích chùa và muốn đi tu là đúng với đức thứ nhất đó, có gì là lạ đâu. Chính mình năm xưa cũng xuất gia với lý do đơn giản như vậy: cảm mến đạo, cảm mến chùa ngay từ lúc đầu bước chân vào."

Thầy lại hỏi:

"Con nói con mới trốn đi hồi khuya, vậy con đi bằng gì đến đây?"

"Bạch thầy... con đi bằng xe ngựa."

"Bằng xe ngựa?" thầy hỏi rồi bật cười, "xe đông khách không vậy con?"

Thông ngạc nhiên không hiểu sao thầy lại thắc mắc chi tiết đó. Ngẫm nghĩ một lúc, chú đáp:

"Bạch thầy, lúc đó còn sớm chưa có ai đi nên chỉ có con với bác đánh xe ngựa thôi."

Thầy bật cười vui vẻ:

"Năm xưa thái tử Tất-Đạt-Đa rời bỏ cung điện xuất gia và cỡi con ngựa tên là Kiên-Trắc để vượt thành. Chỉ có một người hầu cận đi theo thái tử thôi. Con bỏ đi giữa khuya trên chiếc xe ngựa trông cũng giống thái tử xuất gia quá hả! Người hầu cận của con là bác đánh xe đó."

Thông cười sung sướng như được thầy tán đồng và khích lệ việc trốn nhà đi tu của mình vậy. Chú hỏi:

"Bạch thầy, con trốn nhà đi tu... có được không?"

"Ý con muốn hỏi là... việc đó đúng hay sai hả?"

"Bạch thầy, phải. Con hỏi là đi tu như vậy có đúng không."

Thầy ngập ngừng một lúc:

"Vì chí xuất gia của con quá mạnh mà gia đình cản trở mới khiến con bỏ nhà đi tu như vậy. Điều đó không phải là sai vì nếu sai thì thái tử Tất-Đạt-Đa cũng đã sai: ngài đã bỏ nhà đi tu một cách lén lút vào giữa khuya, gia đình ngài không ai hay biết. Tuy nhiên, hoàn cảnh của con không giống như hoàn cảnh của thái tử. Con còn bé, khi con bỏ nhà đi tu, ba mẹ con không biết có thực là con đã vào chùa hay con đi lạc ở nơi chốn nào. Lúc thái tử đi tu thì ngài đã trưởng thành, gia đình không lo là ngài bị lạc đường lạc lối. Ngài cũng là người học nhiều hiểu rộng, có chí khí, có bản lĩnh, có lập trường, nên gia đình không sợ ngài đi bụi đời hoặc rong chơi lêu lổng. Vậy mà khi vào rừng rồi, ngài cũng không quên gửi lại mái tóc và đôi lời nhắn nhủ với gia đình nhờ người hầu cận đem về. Còn con, bác đánh xe ngựa có nhắn tin dùm con không? Chắc là không rồi. Cho nên, gia đình con sẽ lo âu, mọi người sẽ đổ ra đường đi tìm kiếm con, sợ con bị bắt cóc hoặc đi lạc đường, hoặc bị bạn xấu rủ đi bụi đời, phải không? Trước khi đi con có viết thư để lại cho ba mẹ không?"

"Bạch thầy, có. Con có viết cho ba mẹ con lá thư, nói rằng con muốn đi tu, ba mẹ đừng lo lắng cho con và đừng tìm kiếm con."

"Chà, viết như vậy thôi thì ba mẹ con làm sao yên tâm nổi."

"Chứ viết sao, bạch thầy?"

Thầy gãi đầu ngẫm nghĩ, rồi nói:

"Thầy cũng chẳng biết viết sao. Hồi đó thầy đi tu cũng trốn đi nhưng trốn cô nhi viện chứ không có trốn nhà như con. Thầy không có ba mẹ nên... thầy không biết là phải viết làm sao. Hơn nữa, thầy đâu biết tính ba mẹ con ra sao. Con biết rõ ba mẹ thì con mới viết được. À, con có nói là con sẽ đi tu ở chùa nào không?"

"Bạch thầy, không. Vì con không muốn ba mẹ con tới đây," Thông đáp liền.

"Bộ con sợ ba mẹ con lắm hả? Ba mẹ con hay đánh đập con lắm sao?"

"Bạch thầy, không phải. Ba mẹ con hiền lắm, không bao giờ đánh con. Nhưng... con không muốn ba mẹ đến đây rồi bắt con trở về nhà."

"Tại sao con không nghĩ rằng khi ba mẹ thấy con quyết chí, ba mẹ sẽ đồng ý cho con đi tu chứ không ngăn cản con nữa?"

"Bạch thầy, con nghĩ ba mẹ sẽ không đồng ý vì hồi trước con có người chị cũng khóc lóc đòi đi tu, ba mẹ con đã cho phép đi. Chị ấy đi tu chưa được một năm thì đòi về nhà, không chịu ở chùa nữa. Ba mẹ con thấy vậy nên không thích nghe con nói chuyện đi tu nữa. Ba mẹ con sợ con sẽ giống như chị con."

"Ồ, ba mẹ con lắm rồi. Con trai với con gái khác nhau chứ, con đồng ý không? Ngay cả chuyện trốn nhà đi tu, cũng chỉ có con trai mới dám làm chứ con gái hầu như không. Theo thầy thấy, ba mẹ không nên cản trở con."

Mắt Thông sáng lên. Chú vui mừng vì thầy biểu đồng tình với mình. Chú nói:

"Vậy con đâu có sai hở thầy?"

"Ừ, thầy đã nói khi nãy rồi, rằng trốn nhà đi tu không có sai. Tuy nhiên, phải làm sao cho gia đình yên lòng kéo tội nghiệp họ. Con có biết là... ba mẹ và các anh chị em ở nhà thương con lắm không? Con bỏ đi, gia đình lo lắng buồn rầu lắm."

"Vậy con phải làm sao, bạch thầy?"

Thầy suy nghĩ hồi lâu, đột nhiên hỏi:

"Sao con không đến đây hỏi thầy trước về chuyện đi tu rồi sau đó hãy tính đến chuyện trốn nhà!" Nói đến đó, thầy thấy mình lỡ lời, có vẻ như khuyến khích chuyện trốn nhà của Thông vậy. Thầy bèn chữa:

"Ý thầy nói là nếu con đến đây thưa chuyện với thầy trước biết đâu thầy có cách hay để chỉ bày cho con, khỏi phải trốn nhà."

Thông im lặng như hồi tiếc. Thầy xoa đầu Thông rồi nắm tay dắt chú đi vòng vòng sân chùa. Vừa đi thầy vừa nói:

"Chuyện đi tu của con thầy nghĩ cũng dễ thôi chứ không khó. Con xin không được nhưng thầy xin dùm có lẽ là được."

"Thật hở thầy?" Thông mừng rỡ.

"Thật, nhưng bây giờ thầy trò mình chưa kịp về nhà con thì ba mẹ con kéo đến đây rồi."

Thông giựt mình, trở mắt lên nhìn thầy như muốn hỏi vì sao thầy nói vậy. Thầy mỉm cười nói:

"Ngoài chùa này ra con có biết ngôi chùa nào khác không?"

"Con chỉ biết một chùa ở gần nhà với chùa này thôi," Thông ngây thơ đáp.

Thầy cười cười nói:

"Vậy thì ba mẹ con sẽ đến ngôi chùa gần nhà xem thử có con ở đó không; nếu không có, họ sẽ đến đây, phải không?"

Lúc đó Thông mới sực nghĩ ra là chú muốn nhảy một bước xa thật xa nhưng cũng không xa khỏi tầm tay níu kéo ràng buộc của gia đình. Khả năng trốn nhà của chú cũng chỉ đến đó là cùng. Chú không thể trốn xa hơn. Chú chỉ biết tìm đến ngôi chùa ở thôn quê duy nhất mà chú có đến một lần trước đây. Bây giờ chú mới biết rằng chuyện đi tu của chú chưa có gì làm chắc chắn. Lúc tìm đến chùa này, chú chỉ nghĩ thật đơn giản là nội trong ngày hôm nay, chú sẽ thưa với thầy ý nguyện xuất gia của mình; thầy sẽ đồng ý, và chú sẽ trở thành một chú tiểu ở chùa, không ai có thể ngăn cản được chú. Hóa ra sự việc không dễ dàng như chú nghĩ. Đi tu là chuyện tốt mà cũng phải có sự đồng ý của cha mẹ nữa sao! Vậy thì trốn nhà làm gì! Trước đây chú còn nghĩ rằng chùa là một nơi chốn của tự do, chùa rất rộng rãi, dễ dãi và sẵn sàng đón tiếp mọi người. Vậy mà nay chú đến chùa xin xuất gia thì thầy nói phải có sự cho phép của gia đình mới được chấp nhận. Chú thất vọng, mặt chú sầm xuống, buồn bã. Đôi mắt long lanh của

chú bây giờ trông tội nghiệp như đôi mắt của một con nai con bị lạc bầy mà chẳng ai giúp đỡ. Thấy Thông bắt đầu bồn chồn, líu quíu như kẻ chạy trốn sợ bị đuổi kịp, thầy thương cảm ôm vai chú, nói:

"Con đừng lo. Xuất gia là việc lớn. Chính vì lớn mà gặp nhiều trở ngại gian nan. Nếu con giữ chí bền chặt thì lo gì không vượt khỏi những nghịch cảnh."

"Bạch thầy, xin thầy giúp con. Ba mẹ con mà đến đây con không biết làm sao... Con muốn đi tu..."

Thông vừa nói đến đó thì thấy thầy nhướng mắt nhìn ra ngoài cổng chùa. Thông liền quay lại và thấy ba mẹ mình vừa mới đến. Ba Thông đang dựng chiếc xe gắn máy ở trước cổng chùa. Mẹ Thông vội vàng xuống xe. Cả hai nhìn vào chùa và thấy ngay đứa con mình đang đứng với vị thầy trụ trì mà họ từng gặp trước đây vào mỗi kỳ lễ lớn. Thấy được đứa con trai bé bỏng là hai ông bà vui mừng, thõn nhẹ. Phản ứng của Thông lúc đó rất tội nghiệp: chú định quay mình bỏ chạy. Thầy nắm tay giữ chú lại, nói vừa đủ cho chú nghe trong khi ba mẹ chú đang bước vào cổng chùa, cách chỗ hai thầy trò một khoảng sân rộng:

"Con yên tâm đi, ba mẹ thương con sẽ đồng ý cho con đi tu mà. Thầy sẽ nói giúp con chuyện xuất gia nhé. Đừng sợ, hãy đến với ba mẹ con đi."

"Thầy nhớ xin giùm con..." vừa nói Thông vừa rời tay thầy, lững thững tiến về hướng cha mẹ.

Mẹ Thông bước nhanh tới, ôm chầm lấy Thông mà khóc. Ba Thông trầm tĩnh hơn, bước đến sau, đứng bên cạnh hai mẹ con, lấy một tay xoa đầu con. Người mẹ ôm chặt lấy con như sợ vuột mất lần nữa, vừa mếu vừa nói giọng trách yêu:

"Sao con dại quá vậy con, có gì thì cũng thủng thỉnh để ba mẹ tính chứ."

Thông chẳng nói gì. Chú cũng không khóc dù chú rất cảm thương ba mẹ. Điều chú mong đợi lúc này là ba mẹ cho phép chú xuất gia chứ không ngăn cản nữa. Chú ngoái đầu lại tìm thầy. Chú hy vọng thầy sẽ xin được cho chú xuất gia. Lúc chú ngoái lui thì thầy cũng vừa bước đến. Mẹ Thông đứng dậy chấp tay chào thầy. Ba chú cũng bắt chước, chấp tay chào theo nhưng trông ông lúng ta lúng túng như thể đây là lần đầu ông chào một người khác bằng cách chấp tay vậy. Thầy chấp tay chào lại hai vợ chồng:

"Chào ông bà. Tôi vừa nói với chú ấy là ông bà sẽ đến đây tìm chú. Tôi và chú đều có ý đợi chờ ông bà đó."

"Bạch thầy, cháu Thông của chúng con dại quá. Chúng con không ngờ cháu dám bỏ đi một mình giữa đêm khuya như vậy. Chắc cháu nó làm phiền thầy..." mẹ Thông ái ngại nói.

Thầy xoa tay:

"Đâu có gì phiền, tôi thích nói chuyện với chú ấy lắm. Sáng giờ hai thầy trò tôi nói chuyện với nhau chờ quý vị đến đó. Thôi mời ông bà vào trong phòng khách, chúng ta nói về chuyện chú ấy."

Mẹ Thông quay lại nhìn chồng như hỏi ý. Người chồng khẽ gật đầu. Hai vợ chồng dặt tay Thông bước theo thầy. Thầy bước vài bước bỗng dừng, quay lại nói với Thông:

"Con ở chơi quanh sân, để thầy nói chuyện với ba mẹ con nhé. Còn nữa, thầy dạy con cái gì sáng nay, con thử thực tập xem sao."

Nghe thầy nói, tự dưng Thông thấy như việc xuất gia của mình đã thành tựu. Chú hân hoan đáp lời thầy ngay:

"Dạ."

Nhưng ba mẹ chú có vẻ như không yên lòng khi để chú ở ngoài một mình. Thầy hiểu ý, trấn an họ:

"Ông bà đừng quá lo. Chú ấy không bay xa hơn nữa đâu. Chú ấy đang chờ đợi kết quả mà."

Rồi họ cùng vào trong, bỏ lại Thông ngoài sân. Thông hí hửng đi tìm cây chổi quét sân. Cầm chổi trên tay, chú ôn lại lời thầy dạy khi này về cách quét sân chùa. Chú không nhớ bài kệ thầy đọc, nhưng thầy dạy cách quét sân như thế nào thì chú không quên. Bắt đầu quét, chú thầm nguyện:

"Con quét sân chùa, nguyện cầu ba mẹ con cho con đi tu."

Rồi chú quét.

Bên trong phòng khách, thầy và ba mẹ chú đã ngồi vào bàn. Thầy châm trà mời khách. Hai ông bà có vẻ bồn chồn, ngồi không yên. Người vợ mở lời trước:

"Bạch thầy, chúng con không muốn cho cháu xuất gia."

Thầy chỉ cười nhẹ, nói:

"Tôi không bắt chú ấy xuất gia. Ông bà cũng không bắt chú ấy xuất gia. Tự chú ấy muốn như vậy."

"Dạ, chúng tôi biết cháu nó tự nguyện, nhưng... không phải cháu muốn là mình phải đáp ứng," người chồng nói.

"Dĩ nhiên ông bà có quyền sắp xếp cuộc sống của con theo ý mình. Nhưng chắc ông bà cũng thấy rằng trăm ngàn đứa bé mới có một đứa phát tâm xuất gia, tự nguyện dẫn mình vào con đường thoát tục. Và sự tự nguyện phát tâm này là một vấn đề đáng quan tâm chứ không phải chỉ cảm đoán là yên chuyện."

"Bạch thầy, chúng con biết xuất gia là tốt, là điều phúc cho gia đình nhưng thật sự là chúng con không đủ can đảm để thả con ra khỏi vòng tay mình khi nó còn non dại," người vợ nói như phân trần.

Thầy gật gù:

"Cha mẹ nào cũng muốn con mình được sống cuộc sống bình an, êm ấm, vì vậy chẳng ai an lòng cho con vào chùa xuất gia. Tôi biết đó là lý do khiến ông bà không cho phép chú Thông xuất gia dù rằng chú ấy đã nài nỉ ông bà nhiều lần. Tôi rất thông cảm tâm trạng của ông bà. Nhưng mặt khác, tôi cũng rất thông cảm tâm trạng của chú Thông: một đứa bé phát tâm xuất gia. Tôi chưa bao giờ khuyên người khác xuất gia dù rằng đối với tôi, dĩ nhiên xuất gia là việc

tốt. Nhưng tôi cũng không thể không cảm động khi thấy một đứa trẻ trốn nhà xuất gia. Ông bà không thấy cái điểm khác thường nơi một đứa bé trốn nhà đi tu sao? Tôi muốn ứa nước mắt khi tưởng tượng chú ấy nửa khuya rón rén rời khỏi nhà để một thân một mình ra bến xe ngựa, tìm đến chùa này xin xuất gia. Trong việc trốn đi của chú có cái vẻ quyết tâm đáng sợ mà chúng ta không tưởng tượng ra nổi. Người ta nói đời sống trẻ thơ là đời sống thuần tình cảm; tình thương đối với trẻ thơ rất cần thiết. Vậy tại sao chú ấy đang sống trong gia đình êm ấm với tình thương yêu của cha mẹ và anh chị em mà lại bỏ đi để tìm một cuộc sống khác? Với lứa tuổi mười hai, tôi không tin là chú ấy buồn chán gì gia đình cả. Chú ấy chỉ đi tìm một cuộc sống mới thích hợp với tâm hồn và ước nguyện sâu xa nào đó của chú mà thôi."

Người chồng nói chen vào:

"Tuổi trẻ có những ước mơ đôi khi bốc đồng. Có thể cháu nó nông nổi tưởng tượng ra một nếp sống thần tiên ở ngoài mái ấm gia đình của nó."

"Tôi đồng ý là tuổi trẻ bồng bột. Nhưng bồng bột trong những ước vọng thế tục thì nhiều, còn bồng bột trong ước nguyện xuất gia thì tôi chưa thấy. Tôi cũng đồng ý rằng trốn nhà đi tu mà chưa biết ở chùa có chấp nhận mình hay không là cái bồng bột của chú Thông; nhưng thái độ quyết tâm đạt được ước nguyện của mình vào cái tuổi bé nhỏ đó thì không phải là bồng bột. Và khi quyết tâm thành đạt ước nguyện của mình, chú ấy bất kể mọi trở lực. Không ai cưỡng ép chú chọn lựa con đường xuất gia và cũng không sợi dây nào trói buộc được chú với đời sống gia đình thế tục."

Người chồng vẫn chưa đồng ý:

"Lý tưởng của một đứa trẻ mười hai là một lý tưởng đáng ngờ lắm. Không ai tin rằng một đứa bé như thế có thể tự tìm tự vạch cho mình một lý tưởng sống."

Thầy cười nói:

"Ước nguyện xuất gia của một đứa bé thực ra không phải là một lý tưởng—vì lý tưởng chỉ là con đẻ của lý trí—trong khi bé Thông, con của ông bà, đã không sử dụng lý trí để chọn lựa lối đi của nó. Và lại, mọi manh động của lý trí đều trở nên vô ích và phải bị đánh rơi trước khi đặt chân vào lộ trình thênh thang dẫn đến đạo quả giải thoát. Chú Thông đã đến với cửa thiền bằng con đường ngắn nhất mà những kẻ giàu lý trí, ưa chuộng lý trí, muôn đời không thực hiện nổi. Chú đến đây với một tình cảm thuần chất không pha lẫn chút lý trí nào."

Người vợ định nói gì đó nhưng người chồng đã nhanh miệng nói:

"Theo tôi thì những ước mơ của một đứa bé chưa trưởng thành cần phải được cha mẹ nó phân xét, quyết định. Và chúng tôi quyết định rằng giữ nó ở nhà, cấm nó ra khỏi nhà, tăng lờ mọi yêu cầu của nó, một thời gian thôi, mọi ước mơ, mọi mong cầu nông nổi của nó cũng sẽ chết tiệt và đi vào quên lãng."

Thầy lại cười nhẹ nói:

"Điều quan trọng là tạo nên hạnh phúc cho đứa con mà mình thương yêu chứ không phải là lo bảo vệ sự ổn cố, bình yên của mình. Ông bà nghĩ rằng với sự cấm đoán, ông bà sẽ giữ chân được con và khiến cho nó được hạnh phúc sao? hay là suốt đời nó cứ thao thức ôm mãi một ước nguyện chưa tròn? Và ông bà có thể ngăn cản chú ấy được mãi hay không? Bây giờ chú mới mười hai mà đã dám bỏ nhà ra đi rồi. Một hai năm nữa, khôn lanh hơn, nghị lực hơn, liều

lĩnh hơn, quen thuộc đường sá hơn, biết cách xoay sở hơn, liệu ông bà có còn cảm chân chú ấy nổi hay không? Đừng cho rằng chuyện chú ấy xin ông bà cho xuất gia cũng giống như lúc chú ấy xin miếng bánh hay cây kẹo. Một đứa bé tự động xin xuất gia không phải là một sự kiện con con có thể bỏ qua, không quan tâm được. Đó không phải là một nhu cầu vật chất mà là một nhu cầu tâm linh. Chúng ta không thể dửng dưng bỏ mặc một đứa con nít kêu khóc vì đói bụng; cũng vậy, chúng ta không thể phớt lờ sự đói khát tâm linh của nó. Tôi biết gia đình ông bà là một gia đình Phật tử thuần thành nên tôi mới dám có đề nghị với ông bà là hãy nhìn kỹ lại cái ước nguyện cao đẹp của con mình. Ước nguyện đó rất khác với những ước vọng thông thường của tuổi trẻ như muốn trở thành ca sĩ, kỹ sư, bác sĩ, triệu phú v.v... Một bên thì bỏ tất cả, một bên thì muốn tất cả. Ông bà sợ con mình bỏ tất cả để rồi không có tương lai đối với cuộc sống, phải không? Nhưng ông bà đừng quên rằng khi một đứa trẻ không đòi được cái gì nó thích thì nó cũng đã mất tất cả ngay tự lúc đó chứ không phải chờ đến tương lai, phải vậy không?"

Người chồng im lặng một chốc, nhìn vợ dò phản ứng; thấy vợ như không biết phải nói gì, ông liền nêu câu hỏi với giọng cay chua:

"Thưa thầy, vậy có nghĩa rằng thầy rất tán đồng sự kiện con chúng tôi bỏ nhà đi tu?"

Thầy từ tốn giải thích:

"Tôi tán đồng sự kiện một đứa bé tự nguyện xuất gia. Còn chuyện nó bỏ nhà ra đi chỉ là phản ứng trong hoàn cảnh đặc biệt của nó mà thôi. Nếu có sự thương lượng một cách hòa hợp giữa đôi bên thì không có chuyện nó bỏ nhà ra đi. Sự kiện bỏ nhà đi tu là một cách để biểu lộ mức độ khao khát của đứa bé đó. Sự kiện không quan trọng; mục tiêu mới là điểm chính yếu. Khi đứa trẻ nói lên ước nguyện của nó mà người lớn không đáp ứng, nó sẽ tìm mọi cách để người lớn quan tâm cái ước nguyện chính đáng của nó. Sự kiện trốn nhà có vẻ như là một hành vi hoang đường, ngỗ nghịch, nhưng thực ra đó chỉ là cách để biểu lộ sự phản kháng mãnh liệt của một đứa trẻ đối với môi trường sống của nó hoặc nó muốn bày tỏ ước nguyện của nó một cách cụ thể và khẳng định hơn."

"Ý thầy muốn nói rằng chúng tôi đã đối xử không được tốt đẹp đối với con cái khiến cho một đứa phải tỏ thái độ phản kháng?"

"Không, xin ông bà đừng hiểu lầm. Như tôi đã nói khi nãy: tôi không nghĩ rằng chú Thông đã buồn chán gì gia đình mà bỏ đi. Sự chăm sóc của ông bà với những sinh hoạt vui vẻ và tiện nghi trong một gia đình thế tục đương nhiên là đầy đủ và hấp dẫn trẻ con hơn cuộc sống thanh bần đạm bạc buồn tẻ của thiền môn chứ. Nhưng điều này không ngăn cản được ý thích xuất gia của nó. Khi người lớn chọn lựa một lý tưởng, một nếp sống, họ suy tính thiệt hơn, so đo từng chi tiết; còn đứa trẻ thì không chọn lựa lý tưởng mà chỉ chọn lấy một cách vô tư những gì nó thích. Nó thích đến chùa, nó thích ở chùa, đơn giản vậy thôi. Không nhất thiết là phải chán cái này mới tìm đến cái khác mà có khi chỉ vì quá thích một cái khác mà người ta bỏ rơi những gì hiện có."

Người chồng lắng nghe xong, thờ dài. Một thoáng buồn trên mặt ông. Ông nhìn ra ngoài sân qua khung cửa lưới nhỏ của phòng khách: con ông đang cầm chổi quét sân chùa. Bộ tịch con ông coi có vẻ vui tươi, phấn khởi lắm. Nhưng ông chỉ thấy buồn, và hơi bất mãn. Ông nghĩ thầm, "không lý nào con mình lại trở thành một chú tiểu, ăn rồi chỉ biết làm ba cái việc lật vật trong chùa thôi sao! Chưa đi tu mà nó đã bị sai quét sân rồi hướng chi vào chùa ở hẳn thì phải biết! Chắc là bao nhiêu cực nhọc đổ lên đầu nó!" Không kèm được sự bất mãn của mình, ông đặt vấn đề với thầy:

"Một đứa trẻ vào tu ở chùa sẽ làm gì, học gì và... tương lai của nó thế nào?"

Thầy bình thản nói:

"Chùa là trường trau luyện đời sống tâm linh đức hạnh. Kẻ nào chấp nhận vào chùa là chấp nhận sự trau luyện đó. Tất nhiên sẽ không có ngoại lệ nào dù là ngoại lệ cho một chú tiểu."

"Nghĩa là chú tiểu cũng chịu đựng tất cả những thử thách, những khổ nhọc như một người lớn tuổi trong chùa?" người chồng khó chịu hỏi.

Thầy bật cười:

"Tôi không hiểu sao mọi người đều nghĩ rằng cuộc sống trong chùa là một cuộc sống đầy ải, khổ nhọc. Thực ra điều đó cũng đúng nếu ta đứng ở ngoài mà nhìn vào: chẳng hạn một người ham ngủ sẽ không thích giờ giấc ngủ nghỉ quá ít của thiền môn rồi cho rằng tu thật là khổ, khổ vì ít ngủ; kẻ ham tiền bạc tài sản cũng sẽ không thích đời sống thanh đạm bản hàn lấy trí tuệ làm sự nghiệp của người tăng sĩ, rồi họ cho rằng cuộc sống tu hành là khổ, khổ vì nó không cho phép họ chạy theo sự nghiệp làm giàu; kẻ tham nữ sắc, thích cuộc sống lứa đôi ràng buộc gắn bó với nhau cũng sẽ không chịu đựng nổi cái cảnh tự nguyện độc thân suốt đời của người tu sĩ, từ đó họ cho rằng tu là khổ nhọc, khổ vì phải sống độc thân v.v... Chung qui, cũng vì những ham muốn của họ đều bị tước mất khi vào cửa chùa mà họ cho rằng tu là khổ. Nhưng cái thực tế khổ nhọc đó thật không đúng chút nào với những kẻ tự nguyện dấn bước vào chùa. Nó lại càng không đúng với những đứa trẻ hồn nhiên, những tâm hồn trong trắng thanh cao như thiên thần. Những đứa trẻ đó vì chưa vướng bận mùi tục lụy nên không đau tiếc tục lụy, vì chưa tham đắm trần duyên nên không cần phải xả bỏ trần duyên, và vì chưa có óc chiếm hữu, vị kỷ nên không có tâm bảo thủ, cố chấp. Cho nên, chúng không cần cố gắng mà vẫn bước vào thanh qui và nề nếp của thiền môn một cách dễ dàng. Chúng không thấy đời sống ở chùa là khổ sở như những người lớn của thế tục thường nghĩ. Ngược lại, nếp sống thiền môn đối với chúng là một nếp sống hạnh phúc. Và khi chúng cảm thấy hạnh phúc, người ta không có gì cần phải bàn về các sinh hoạt và những vấn đề thứ yếu khác của chúng nữa, phải không?"

Người chồng chưa thỏa mãn, lại cất vấn:

"Đó chỉ là mặt lý thuyết. Còn trên thực tế thì sao? Chúng tôi muốn biết một đứa trẻ sẽ làm gì, và học được gì từ những việc làm mà chúng phải gánh lấy khi vào chùa? Chẳng hạn như... việc quét tước dọn dẹp ở ngoài sân kia," nói đến đây thì ông đưa tay chỉ con mình đang cầm chổi quét phía ngoài, gần khung cửa sổ.

Thầy vẫn nở nụ cười hiền hòa, an nhẫn:

"Trong cửa thiền, mọi sinh hoạt đều không ngoài công phu trau luyện tâm đức. Bài học vỡ lòng tôi dạy chú ấy sáng nay là bài học về quét sân. Chú ấy đang thực tập bài học đó. Thôi, bây giờ tôi đề nghị chúng ta hãy cùng thăm viếng thế giới của chú Thông để từ đó ông bà dễ dàng quyết định hơn," vừa nói thầy vừa kéo ghế đứng lên, đưa tay ra dấu mời hai vợ chồng cùng ra sân. Người vợ ngó chồng hỏi ý. Người chồng do dự một lúc rồi đứng dậy, theo thầy ra ngoài.

Cái sân rộng đã được Thông quét gần hết, chỉ còn một khoảnh ở quanh cây me phía phải của sân chùa. Thông chăm chú quét lá. Chú đưa chổi đi từng đường ngay hàng thẳng lối. Chú quét một cách thận trọng, không để sót một cọng rác hay một chiếc lá con con nào. Những sỏi đá lộn cọn nổi lên trên nền đất cũng được chú dọn lại, hốt sạch rồi đem đổ dưới gốc cây me.

Những chiếc lá me nhỏ kẹt trong các hốc đá hay ẩn nấp dưới các chậu kiềng cũng được chú bươi móc ra, cào dồn rồi hốt đi đổ. Chỗ nào không dùng chổi được, chú lấy tay lượm từng chiếc lá nhỏ bỏ vào đồ xúc rác. Chú tần mẩn tỉ mỉ dọn sạch vườn chùa với tâm hồn và nét mặt hân hoan, thư thái. Thầy và ba mẹ chú bước ra sân, quan sát chú làm việc mà chú cũng không hay biết. Chú cứ cặm cụi quét dọn. Chút mồ hôi rịn chảy thành hai dòng hai bên má chú mà chú vẫn không bận tâm. Chú cứ cười tươi và chăm chú làm việc một mình. Quét xong rồi, chú nhìn lại toàn bộ cái sân rồi lom khom đi lượm những chiếc lá còn sót lại hoặc mới rụng xuống. Khi chú lần dò kiểm soát trở lại chỗ chú bắt đầu quét, chú mới phát giác sự quan sát lặng lẽ của thầy và ba mẹ mình. Chú nở một nụ cười tươi tắn hồn nhiên như một lời chào hướng về ba người. Chú ngược nhìn họ, có vẻ như muốn hỏi tại sao họ lại đứng yên lặng để nhìn chú quét, và có vẻ như muốn dò biết cuộc nói chuyện giữa ba người đã đưa đến kết quả nào cho sự xuất gia của chú. Chú e dè đứng lại một khắc rồi chắp hai tay, thưa với thầy bằng ngôn ngữ ẩn dụ mà thầy nói chuyện với chú ban sáng:

"Bạch thầy, tâm con đã dọn xong."

Thầy hài lòng khen:

"Tâm con đẹp lắm. Năm xưa thầy phải tốn ba bốn tháng thực tập mới dọn được một vườn tâm đẹp như vườn tâm của con. Con thật xứng đáng là đứa con ngoan của ba mẹ mà còn là đệ tử giỏi của Phật nữa đó."

Chú quay lại nhìn công trình quét lá của mình lần nữa. Quả thật, thầy đã không quá khen. Sân chùa bây giờ quá đẹp và sạch mà trông như chẳng có dấu vết gì cho thấy là mới được quét dọn. Ba mẹ chú trở mắt nhìn cái sân rộng rồi nhìn đứa con trai bé bỏng của mình. Chú thấy cõi lòng tràn ngập hạnh phúc. Mặt chú tươi lên như một cánh hoa mới nở đón chào tia nắng sớm. Rồi chú nhìn vào mắt thầy, vào mắt ba mẹ, chờ đợi. Chú chưa biết họ đã quyết định thế nào. Thầy chỉ lặng thinh nhìn chú, vừa xúc động vừa thấy thương chú vô cùng. Mẹ chú cũng không nói gì, chỉ ứa hai giọt lệ hãnh diện. Còn ba chú thì lẩm bẩm một mình:

"Sân nhà mình chưa bao giờ được chăm sóc kỹ như vậy. Chị ở hay bất cứ người lớn nào ở đời cũng không thể nào dọn được một cái sân như con mình đã làm. Quả thật đây không phải chỉ là quét sân mà là một sự trau luyện."

Hai vợ chồng đều cảm thấy con mình đã bước thật xa, ra khỏi vòng tay mình. Thế giới của Thông là đây. Niềm vui của Thông là đây. Nhìn nét mặt hân hoan của Thông thì thấy. Chưa bao giờ Thông tươi tắn rạng rỡ như hôm nay. Hạnh phúc nơi Thông thật khác lạ: hạnh phúc nhẹ nhàng và tự nhiên, không thể tìm thấy ở nơi nào khác. Như một loài hoa quý chỉ có thể thích hợp duy nhất với một loại đất, hay một khí hậu đặc biệt nào đó, Thông có vẻ như chỉ thích hợp với đất này, không khí này. Không thể bứng cây hoa này đi đâu khác. Ba Thông gọi chú đến với mình, ông nói:

"Con muốn đi tu thật hờ Thông?"

Không chút ngập ngừng, Thông đáp:

"Dạ, con muốn đi tu."

"Con không muốn sống với ba mẹ nữa sao?"

Thông lặng thinh không đáp. Ba Thông kéo chú vào lòng, ôm chú, xiết nhẹ lấy chú với đầy

thương yêu. Rồi ông nói với mẹ chú:

"Thầy nói đúng đó em. Chúng ta sẽ không ngăn cản bước đi của con được đâu."

Mẹ Thông nói:

"Em cũng tính nói với anh điều đó. Ngay bây giờ, em biết chúng ta phải hy sinh để biểu lộ lòng thương của mình chứ không phải giữ gìn con trong vòng tay để rồi nó phải quay quắt một đời với một ước nguyện chưa thành. Đến đây với mẹ, con."

Người mẹ ôm con vào lòng, khóc.

Sau khi gửi gắm Thông nơi thầy rồi dặn dò con đủ thứ, họ bằng lòng để Thông ở lại với thầy. Đợi ba mẹ bước ra khỏi cổng chùa rồi, Thông nói với thầy:

"Con cảm ơn thầy. Thầy nói sao mà ba mẹ con nhận lời vậy hở thầy?"

Thầy xoa đầu chú, cười nói:

"Người lớn nói chuyện với nhau chỉ bày vẽ chuyện lý luận mà cuối cùng cũng chẳng đưa đến đâu. Chỉ có cái sân do chính tay con quét dọn và chỉ có niềm hạnh phúc an lạc trong con mới đủ khả năng thay đổi sự kiên quyết của ba mẹ con mà thôi. Thầy không có công lao gì hết. Tất cả là nhờ chính con. Với một cây chổi cùn, con có thể vẽ nên ước nguyện cao xa của con. Và nếu con luôn giữ tâm con sạch đẹp như sân chùa hôm nay thì việc gì con cũng sẽ thành tựu."

Tám năm sau, chú tiểu Thông thọ đại giới. Hai năm sau nữa, thầy chú viên tịch. Chú thay thầy trụ trì ngôi chùa nhỏ đó. Cũng như thầy, chú không ham xây cất chùa to Phật lớn. Chú chỉ đặt hết tâm mình vào việc tu niệm và sốt sắng góp công sức vào những việc từ thiện xã hội mà chú thấy là đem lại những lợi ích cụ thể cho cuộc đời. Và cũng như sư tổ (sư phụ của thầy), cũng như vị thầy khả kính của mình, chú luôn luôn sử dụng cây chổi như một cây bút, vẽ nên bức tranh cao đẹp chân chất của thiền môn.

Sân ngoài còn lá

Có một chú tiểu đầu chùng mười ba tuổi thôi, mà đã bỏ chùa của thầy tổ lên tinh tu trên một ngọn núi cao, cao đến nỗi không ai nhọc công lên đến chỗ chú ở.

Chú tu trên núi đã được bốn năm. Nay chú đã trở thành một chàng thanh niên tu sĩ cao lớn, mạnh khỏe. Lâu lâu chú xuống núi một lần để về nhà thăm mẹ và đưa em trai trong làng. Mỗi lần chú xuống núi, trong làng ai thấy chú cũng xì xầm những lời khen ngợi hoặc xuýt xoa như tiếc rằng chú đi tu là làm uổng phí mất một thanh niên đẹp trai của làng xã.

Chỗ chú ở là một hang đá lẩn khuất đầu đó gần đỉnh núi. Cây cối to lớn, cỏ gai rậm rịt, bít hết mọi chỗ trống, chẳng thấy đâu là con đường đi lên. Những hiểm trở, gai góc, vách đá cheo leo của ngọn núi như là một thái độ rõ rệt của chú đối với tục lụy. Chưa hết, từ ngọn núi mà chú ẩn dật đi đến một làng gần nhất cũng phải đi băng qua một cánh rừng hoang mà nơi đó chỉ có đời sống của muông thú chứ không có bóng dáng của loài người. Qua khỏi cánh rừng hoang đó, phải đi bộ khoảng nửa ngày đường nữa mới đến được những bụi tre làm ranh giới của một ngôi làng, mà trong làng này, có căn nhà nhỏ của bà mẹ già của chú.

Thường thường, chú xuống núi thăm mẹ vào dịp tết trung nguyên rằm tháng bảy, nhằm vào ngày lễ Vu Lan. Chú đi xuất gia không phụng dưỡng mẹ già được nên mỗi năm cứ vào dịp lễ Vu Lan—mà người ta quen gọi là Mùa Báo Hiếu—thì xuống núi để thăm mẹ đồng thời giảng thuyết đạo lý của Phật cho mẹ nghe.

Năm nay, còn nửa tháng nữa mới đến rằm tháng bảy nhưng chú linh tính có chuyện bất tường, bèn khăn gói lên đường xuống núi sớm hơn mọi năm. Chú phải mất một ngày để xuống khỏi núi và hai ngày để ra khỏi rừng, sau đó là nửa ngày để đến làng của mẹ già. Vừa đến đầu làng, đã có mấy người láng giềng hối hả chạy đến chỗ chú, vừa vái chào vừa thưa với giọng ái ngại:

"Thưa chú... thưa chú... có chuyện chẳng lành..."

Chú hỏi mau:

"Chuyện gì vậy?"

"Dạ... cậu Tú em chú bị... rắn độc cắn chết. Mẹ chú đau khổ quá, bỏ ăn bỏ uống, chẳng ai dỗ dành gì được. May có chú về..."

"Em tôi mất bao lâu rồi?"

"Thưa cũng ba tuần rồi. Mẹ chú ngồi thẩn thờ suốt ngày này qua ngày kia..."

Chú lặng người đi một lúc, không nói gì. Rồi vội vàng về nhà tìm mẹ.

Bà mẹ đang ngồi lặng câm bên thềm cửa, nhìn xa xăm. Thấy chú, đứa con trai yêu dấu của mình trở về, mắt bà sáng hẳn lên, nở một nụ cười, đứng dậy. Chú bước vội đến bên mẹ. Hai mẹ con ôm nhau. Bà mẹ khóc òa lên, chẳng nói được lời nào. Chú thì ôm mẹ một cách ngượng ngập tuy nhiên nỗi thương cảm của chú lại dâng trào mãnh liệt. Chú thấy thương, thấy tội nghiệp cho mẹ quá. Chú không ngờ chú đã bỏ mẹ đi tu bảy năm rồi, mà giờ đây, trước tình huống này, bao nhiêu tình cảm thế tục lại quay về dào dạt như thể chú vẫn cứ là một đứa con lâu nay khảng khái chưa rời mẹ nửa bước. Một sơn tăng ẩn cư trên núi cao, quyết chí đạt đạo thì không có những xung động tình cảm ủy mị như vậy. Lâu nay chú tưởng rằng lòng mình đã nguội lạnh với tình trần, ngay cả tình huynh đệ, phụ tử, hay mẫu tử. Nay, trước cái chết thảm thương của đứa em trai và nỗi sầu thảm đơn chiếc của người mẹ già, chú nhận thức thật rõ ràng bảy năm xuất gia học đạo của mình vẫn chưa đạt được kết quả gì đáng kể. Kẻ ôm chí xuất trần trước tiên phải ý thức tính cách vô thường, mong manh, giả tạo của thế gian. Nhờ ý thức đó mà vượt thoát cái đau khổ thường tình của biệt ly chia cách. Nhờ ý thức đó mà vươn lên khỏi cuộc đời. Nhưng hôm nay, đứng bên người mẹ già đau khổ, chú thấy mình chìm lìm trong nỗi thống khổ vô vàn của thế nhân. Chú đứng im, ôm mẹ, không nói gì. Bà mẹ thì chỉ khóc nức nở. Lâu lâu bà lại gào lên, gọi tên đứa con trai đã chết. Giọng bà nghe thật bi thảm khiến chú không khỏi bùi ngùi, quặn đau trong lòng.

"Nín đi mẹ, con đưa mẹ vào trong nhé!"

Rồi chú dìu bà mẹ vào nhà. Ngồi trên chiếc chõng tre, bà mẹ vẫn cứ sụt sùi khóc. Chú ngồi kế bên bà, chẳng biết nói gì. Lâu nay, cứ mỗi lần về thăm mẹ, chú có thể giảng cho bà nghe đạo lý vô thường, nhân quả, v.v... nhưng bây giờ chú chẳng biết nói gì. Chú không hiểu sao mình lại có thể thụ động, cứng nhắc và vô dụng trong những trường hợp đặc biệt mà sự khổ đau được biểu lộ rõ rệt như vậy. Không phải chú đã từng quán sát về khổ đau, quán sát về tính hư huyền,

tạm bợ của thế gian đó sao! Công phu thiền quán lâu nay, coi như không kết quả gì trước thực tế đau thương đang diễn ra trước mắt.

Rồi cũng từ đau thương này, chú biết mình đang đứng trước một hoàn cảnh mới, hoàn cảnh khó xử cho một người đã từ bỏ gia đình xuất gia. Trước kia, người em trai của chú hãy còn, chú có thể yên tâm rời nhà xuất gia, tìm nơi ẩn tu để đạt đạo giải thoát. Nay đứa em đã mất, chú không thể để mẹ mình phải sống đơn côi quanh quẽ trong tuổi già, không người phụng dưỡng dâng cơm dâng nước. Huống chi, từ ngày chồng mất, mẹ chú tuy không nói ra nhưng hẳn nhiên là trong lòng cũng mong đợi hai anh em sẽ làm tròn chức năng của những đứa con trai, không để cho dòng họ phải tuyệt tự. Nghĩ đến đó, chú không khỏi rùng mình và đau xót cho chí nguyện xuất gia của mình. Chú không ngờ cuối cùng rồi chú cũng phải đương đầu với nghịch cảnh ghê rợn nhất đối với một người xuất gia: lập gia đình. Rõ ràng như vậy. Chú phải lập gia đình để có con nối dõi tông đường. Không bao lâu đâu, mẹ chú sẽ mở lời yêu cầu về chuyện đó. ở làng này, và ở trong tộc họ nhà chú, chuyện nối dõi tông đường là một bổn phận thiêng liêng mà không người trai nào có thể và có quyền từ chối, trừ phi kẻ ấy xuất gia. Nhưng nếu là đứa con trai độc nhất trong gia đình thì chuyện xuất gia hầu như không bao giờ được chấp nhận như là một chọn lựa hợp lý. Trong làng, người ta rất quý mến những người xuất gia; nhưng quan niệm về sự nối dõi vẫn mạnh mẽ, thâm căn, lâu đời hơn, khiến người làng không thể chấp nhận một đứa con trai làm ngõ trước sự tuyệt tự của một gia tộc. Mọi người đều có thể chọn lựa một cách nhanh chóng thay cho chú, rằng chú phải trở về phụng dưỡng mẹ già và lập gia đình, có con cái để giữ giống. Nhưng chú, dù gì đi nữa, cũng đã xuất gia một thời gian, chú thấy khó xử. Chú đau lòng nếu phải từ bỏ cuộc sống ẩn tu để trở về với thế tục, và nhất là phải cưới vợ. ở tuổi của chú, trai trong làng đã có vợ có con cả rồi. Còn chú, đi tu đã lâu, cho dù đến tuổi trưởng thành, cơ thể nảy nở, sinh lý phát triển tự nhiên, chú cũng không và hầu như chưa hề có ý niệm gì về chuyện yêu thương ai nói chi chuyện cưới vợ. Mỗi khi vào làng, chú cứ theo luật chùa dạy, nhìn dưới đất ngay trước mặt, cách mình ba bước, cứ vậy mà đi thẳng, không liếc ngó hai bên. Cho nên, có vào làng chú cũng chẳng bắt gặp ai. Giới luật bảo vệ chú, tránh cho chú những rung động về ái và dục. Giờ này đây, chú biết là chú sắp mở cái rào cản giới luật ra để chạm trán, đối diện với cuộc đời tục lụy. Chú không biết rõ lắm là khi cưới vợ chú sẽ làm gì để mà có con nối dõi. Chú chỉ hiểu rất đại khái rằng khi người nam người nữ (không phải là anh chị em ruột của nhau) mà sống chung với nhau thì... một ngày nào đó, người nữ tức là cái người mà người ta gọi là vợ, sẽ mang thai và cuối cùng đẻ ra con. Thực là chán ngán. Chú thậm nghĩ như vậy. Khó lòng mà chấp nhận một cuộc sống chung với một người khác phái để rồi có con cái nheo nhóc, đủ thứ rối rắm của cuộc đời. Hình ảnh những cặp vợ chồng già, trẻ ở trong làng không hề gây chút hứng cảm gì nơi chú. Đôi lúc nhìn thấy họ, chú chỉ thấy tội nghiệp dùm.

Mấy năm đầu mới xuất gia, chưa lên núi ẩn tu, chú được thầy dạy cho rằng muốn đạt đạo giải thoát thì điều tiên quyết là phải xa lìa ái dục. Chú khát khao giải thoát đến độ một đêm nọ, chú quyết định lạy thầy mà xin lên núi ẩn tu. Thầy ngăn cản, nói rằng chú chưa được chín chắn và chưa đủ bản lĩnh để sống cuộc sống độc cư. Nhưng chú vẫn không nghe lời thầy, lặng lẽ bỏ đi. Năm đó chú mới mười ba tuổi, còn bé xíu mà đã dám một mình độc cư trên núi. Mấy năm trên núi, trồng rau hái quả, đêm ngày ngồi thiền, tụng kinh, chú nào biết ái dục là cái gì. Từ ngoại cảnh cho đến nội tâm, chẳng có gì quấy nhiễu chú cả. Chú nghĩ vậy là đã giải thoát rồi còn gì! Vậy đó, mà nay đứng trước gia cảnh bi thương, chú mới ý thức được rằng giải thoát không phải chỉ đơn giản như là chú từng quan niệm. Không phải chỉ bỏ mặc thế gian ngoài tai là đã giải thoát.

Chú nhìn mẹ, thấy mắt bà đã ráo lệ nhưng nỗi đau khổ vẫn cứ còn hiện rõ trên khuôn mặt nhăn nheo và xám nắng. Chú thương mẹ lắm. Chưa bao giờ chú thấy thương mẹ như lúc này. Chú biết chú nên ở lại bên bà để phụng dưỡng, không thể bỏ đi được nữa. Việc này, chú dễ dàng

chấp nhận cho dù từ bỏ cuộc sống xuất gia là một điều thật đau xót đối với chú. Tuy nhiên, nếu về nhà phụng dưỡng mẹ rồi lại lo cưới vợ để nối dõi tông đường thì chú thấy tâm lý mình chưa thích nghi để đồng ý một cách thoải mái được. Nói dõi tông đường, theo chú nghĩ, chỉ là hành động kéo dài cái giây oan nghiệt sâu não của cuộc đời ra mà thôi. Nhưng bây giờ, chú đang được khuyến khích, được yêu cầu đi vào con đường đó. Chú có cảm giác mình như một con bò bị kéo vào lò sát sinh. Cuộc đời, với những phiền toái của nhân tình thế thái, với những tham muốn, những sân hận, si mê v.v... là một cái gì rất kinh khiếp đối với chú thì giờ này chú bước lòng phải bước vào đó!

Chú đi quanh trong nhà mấy vòng để suy nghiệm về hoàn cảnh của mình, rồi chú lại đến ngồi bên mẹ. Người mẹ im lặng không nói gì. Bà cũng đã hết thút thít than vãn. Bà quay nhìn chú một thoáng rồi cúi mặt nhìn xuống đất. Có lẽ bà đang do dự là có nên mở lời yêu cầu con mình, một tu sĩ, trở về sống bên mình không. Bà thấy khó lòng để nói ra cái điều mong mỏi đó, dù rằng đó là nhu cầu tự nhiên. Bà đã quen nhìn con như một tu sĩ rồi, giờ này kêu gọi người tu sĩ đó hãy làm tròn bổn phận làm con, bà thấy thật khó xử. Bà cứ ngồi đó, im lặng.

Chú cũng ngồi im, chưa biết nói gì. Một chập lâu, chú mới yêu cầu mẹ đưa đi ra thăm mộ đứa em. Người mẹ vội vàng đứng dậy dẫn chú đi ngay. Bà có vẻ như tin rằng đứa con tu sĩ của mình sẽ tự nguyện quay về khi chính anh ta đòi đi thăm mộ em trai. Trước nắm mồ của đứa em trai đã chết hẳn, không thể nào anh ta quên được rằng mẹ anh bây giờ chỉ còn có một mình.

Bước ra khỏi nhà, hai mẹ con thấy gần như cả xóm tụ họp lại trước nhà mình. Ai cũng trở mắt nhìn chú, như thể họ đang chờ cái kết quả, cái quyết định quan trọng từ nơi chú vậy. Hình như ai trong làng cũng đoán biết rằng cái chết của em trai chú sẽ làm thay đổi cuộc đời tu hành của chú. Mẹ chú chào mọi người. Chú chỉ cúi đầu, không nói gì, lẳng lặng đi theo mẹ ra mộ địa. Một vài người hiếu kỳ bước theo sau hai mẹ con.

Chú thấp hương cho đứa em trai nhỏ hơn mình ba tuổi — thằng em ngoan ngoãn, thật thà, cần cù, siêng năng mà trong xóm ai cũng mến. Nếu người em không chết thì có lẽ chỉ trong vòng một hai năm nữa đã có thể làm cha rồi, có thể làm tròn bổn phận nối dõi rồi, đâu có cần người anh tu sĩ này phải trở về! Chú cắm nhang vào cái lọ nhỏ trước bia mộ của em thì bỗng dưng nước mắt trào ra. Khuôn mặt hiền hậu của đứa em nhập nhòa trong làn nước mắt của chú. Bà mẹ chú thì khỏi nói rồi, bà đã khóc ngay từ khi mới bước đến cổng nghĩa trang, nhác thấy mộ con từ xa. Bây giờ thấy đứa con tu sĩ chảy nước mắt, bà càng khóc nhiều hơn. Chú nuốt nghẹn, vội vàng lau nước mắt, lúng túng che giấu, không muốn cho người khác biết.

Bà mẹ vừa khóc vừa than oán:

"Con ơi là con... Con đành bỏ mẹ ở lại một mình sao con!"

Nghe mẹ than mà như thảm nhắc chú cái thực trạng hiu quạnh của bà, chú cúi xuống đỡ mẹ dậy, nói liền để mẹ yên tâm:

"Thôi, nghiệp của em con vậy cũng không tránh được. Mẹ đừng đau buồn nữa. Lo cầu nguyện cho nó là được rồi. Không có nó thì còn có con. Con sẽ về với mẹ."

Bà mẹ ngược lên, lau nước mắt. Bà đã nghe được những lời bà mong đợi. Những lời đó đối với bà đáng ra là một lẽ tự nhiên thì bây giờ, như là đặc ân mà bà tưởng là khó có thể được hưởng. Bà níu lấy cánh tay rắn chắc của thằng con tu sĩ để đứng lên.

Chú dìu mẹ bước ra khỏi nghĩa địa. Vài người hàng xóm lẽo đẽo theo sau, chẳng biết theo làm

gì, chú tự hỏi như vậy. Dọc đường về nhà, bà mẹ bỗng ngược lên hỏi lại chú lần nữa cho chắc ăn:

"Con nói con sẽ về với mẹ hở?"

"Dạ, con phải về chứ. Mẹ chỉ còn một mình."

Bà mẹ cười vui trong lòng, cho dù bà cũng vừa mất một đứa con trai cách đây không lâu. Điều mà bà cần lo nghĩ tính toán lúc này đây là làm sao để thằng con trai duy nhất còn lại của giòng họ chấp nhận sứ mệnh nối dõi tông đường (từ lúc đứa con bị rắn cắn chết, bà như giật mình thấy rằng vấn đề nối dõi của nhà chồng là điều cần kíp chứ không nên chậm trễ nữa). Chỉ cần anh ta bằng lòng thôi, chứ chuyện kiếm vợ cho anh ta thì chẳng khó khăn gì. Người con tu sĩ của bà vừa to cao, vừa đẹp trai, vừa có học, vừa hiền đức, chỉ cần thay chiếc áo ca-sa thành thường phục là trở thành thần tượng của gái trong làng cho mà xem. Thậm chí, ngay khi anh ta còn là tu sĩ mà nhiều cô còn nhìn trộm liếc lén mỗi khi anh từ trên núi về thăm nhà nữa kia. Bà nhớ tới Liên, cô gái mồ côi ở cạnh nhà, cứ qua nhà hỏi thăm chừng nào chú về hoài. Con Hoa con bà Thuận cũng chẳng vừa gì, có lúc nó đã nói với bà rằng "chú đi tu uống quá bác à!" Dĩ nhiên bà biết con bà đẹp trai, đẹp mà thánh thiện lắm, nhưng vì anh ta tu, bà không dám nghĩ tầm bậy. Bây giờ, anh ta về rồi, anh ta tự nguyện về, bà có quyền nghĩ. Phải nghĩ, phải tính cái chuyện lấy vợ cho anh ta. Vừa đi bà vừa đo lường, cân nhắc giữa mấy đứa con gái trong làng mà bà biết. Làm sao thì làm chứ chọn dâu tương lai bà phải kỹ lưỡng. Nhất là Tuấn con bà, lâu nay đi tu chỉ biết tụng kinh niệm Phật, ăn chay nằm đất, lại ẩn cư trên núi, nào có biết cái chuyện đời ra sao. Nếu chẳng may cưới về cho anh ta người vợ dữ như chằn thì khổ cho anh cả đời. Anh ta tu nên hiền và khờ khạo biết bao! Không cưới được con vợ nhu mì, đức hạnh thì chắc chắn anh sẽ bị ăn hiếp. Bà không an lòng chút nào. Thằng Tú em của anh ta cũng hiền khô như thầy tu, nhưng dù sao cũng có va chạm với đời, cũng hiểu được đời chút chút. Đẳng này, Tuấn tuy là anh, lớn hơn thằng Tú ba tuổi, trông đạo mạo uy nghi khi khoác áo tăng sĩ, nhưng khi thay đổi thường phục thì chỉ còn là một cậu bé ngờ nghệch, vụng dại mà thôi.

Khi hai mẹ con vào nhà, chú Tuấn đóng cửa lại thì nhìn thấy mấy người hàng xóm nãy giờ đi theo hai mẹ con ra nghĩa trang, bây giờ cũng theo về đến nơi, đứng ở ngoài nhìn vào, xầm xì. Trong số những người đó, có một thiếu nữ trạc tuổi chú. Chỉ trong một thoáng nhìn thấy cô ta, chú như bắt gặp một cái gì quen thuộc nhưng lại mông lung không hiểu nổi. Thiếu nữ thấy chú nhìn ra thì e thẹn ngó lơ chỗ khác, miệng hơi mỉm cười. Chú thấy run lên, hoảng sợ. Chú từng nghe thầy dạy rất nhiều về những cám dỗ mà một tu sĩ cần phải tránh để tiến tu trong sự nghiệp giải thoát giác ngộ, trong đó tiền tài và sắc đẹp đứng hàng đầu. Nhưng đối với vấn đề tiền tài, những người xuất gia không mấy hãi sợ. Hoàn cảnh của họ ở chùa, ở vùng quê hẻo lánh, ở rừng sâu hay núi cao, vấn đề tiền tài không phải là đối tượng nguy hiểm. Nguy hiểm nhất cho mọi hoàn cảnh vẫn là nữ sắc mà thôi. Chú vội đóng nhanh cánh cửa rồi cài then lại. Mặt chú ửng đỏ lên rồi lại tái mét như một kẻ vừa được thoát hiểm. Mẹ chú thấy vậy liền hỏi:

"Gì vậy? Gì mà... con giật mình hoảng sợ vậy?"

"Đâu có gì đâu mẹ," chú đáp.

Bà mẹ bước đến cửa, kéo tấm liếp nhỏ ở trên nhìn ra ngoài thì thấy những người hàng xóm vừa tan hàng, chỉ có Liên ở nhà kể bên là còn tần ngần đứng lại như chưa muốn về. Bà âm thầm ngắm nhìn cô gái mà bà vẫn thường gặp hàng ngày. Bà thấy cô ấy đẹp lạ. Hình như chính lúc này bà mới nhận ra được cái vẻ mặn mà duyên dáng của Liên. Quần áo đơn sơ xoàng xĩnh của một cô gái quê nghèo không lấp nổi cái nét sắc sảo mà nghiêm trang toát ra từ đôi mắt sáng và sóng mũi thanh cao của cô. Đôi môi hồng, nhỏ, với môi dưới hơi trễ ra như

nững nịu càng làm tăng thêm vẻ quyến rũ của nàng. Bà gật gù hiểu ra được nguyên do vì sao con bà thất sắc. Và bà trầm nghĩ: "Tại sao phải tìm kiếm ở đâu cho xa! Chính cô ta là dâu tương lai của ta đây rồi."

Bà đóng nhẹ liếp cửa, quay trở lại thì thấy con mình đang ngồi nơi bàn, có vẻ đăm chiêu nghĩ ngợi chuyện gì quan trọng. Bà e dè hỏi:

"Con tính sao? Con nghĩ là con có thể trở về đây sống với mẹ được không?"

Chú Tuấn ngược lên trả lời ngay:

"Dạ được chứ mẹ, đâu có gì trở ngại đâu. Dù gì thì con vẫn là con của mẹ mà."

Nghe vậy bà cảm động lắm. Nhưng cái điều bà muốn hỏi, bà vẫn chưa biết làm sao để mở lời. Mà không nói bây giờ thì chờ lúc nào nữa. Trước sau gì cũng phải cho con mình biết hoặc ít nhất cũng có trước chút ý niệm gì về những gì mà bà mong đợi nơi anh ta. Ngưng một lúc, bà nói:

"Tội nghiệp thằng Tú, và cũng tội nghiệp cho con. Nếu nó không... thì con đâu phải bỏ tu như vậy. Mẹ thấy trong lòng xót xa lắm vì không để cho con đi trọn con đường của con. Nhưng mẹ biết làm sao hơn... Giòng họ nhà mình... chỉ còn có con thôi..."

Bà nói vậy, không rõ ràng lắm, nhưng chú Tuấn cũng nhận ra được ngay cái ý chính của bà. Cái chuyện nối dõi tông đường. Chú thở dài rồi nói:

"Con biết, con biết con phải gánh cái trách nhiệm mà nếu Tú còn sống nó phải gánh."

Bà mẹ lắng nghe, thích ý lắm, nhưng cũng chưa dám chắc là con mình đã hiểu mình. Bà không biết là đưa con tu sĩ khờ khạo của bà nghĩ gì về trách nhiệm của thằng Tú. Trách nhiệm đó không phải chỉ là đi kiếm củi, mang củi ra chợ bán để phụng dưỡng mẹ già mà chỗ chính yếu nhất của trách nhiệm làm con (traị) ở làng này, ở trong giòng họ nhà này là sinh đẻ con cái kia. Bà lại dợm lời nói tiếp:

"Thực ra chuyện sinh nhai độ nhật không phải là điều khó khăn cho mẹ. Mẹ có thể bắt chước cô Liên bên cạnh nhà nuôi tằm dệt lụa cũng sống được. Cái khó là... cái mà mẹ không thể làm được, chỉ có con với thằng Tú làm được mà thôi..."

"Dạ, con biết. Tụi con là thanh niên trai tráng mà, khác với mẹ chứ!"

Bà gật gù rồi làm thinh, suy nghĩ. Anh ta nói vậy là đã biết trách nhiệm thiêng liêng của anh ta chưa nhỉ? Cái trách nhiệm đó đâu phải là chuyện mạnh khỏe, làm việc giỏi dang của trai tráng! Bà kiên nhẫn gợi ý tiếp:

"Ý mẹ muốn nói là... gia đình ta cần phải lấy lại sinh khí, làm đẹp mặt tổ tông nơi chín suối..."

"Dạ, con biết. Mẹ muốn nói đến chuyện nối dõi đó mà."

Bà mẹ sáng mắt lên. Bà không ngờ đưa con tu sĩ của bà cũng tự biết được cái trách nhiệm thế tục này chứ không cần bà phải giải thích, kêu gọi dông dài. Vậy mà bà cứ tưởng anh ta khờ khạo không hay biết gì! Bây giờ anh đã tự nói ra, khỏe cho bà biết bao. Bà sung sướng nắm lấy cánh tay con, nói với giọng phấn khởi:

"ở làng mình, người ta để tang cha mẹ ba năm mới tính đến chuyện cưới hỏi. Nhưng anh chị em thì không cần phải để tang lâu. Hơn nữa, cái chuyện nói dối đối với gia đình này là vấn đề cần kíp. Cho nên..."

Chú nghe đến đó liền cắt ngang:

"Thưa mẹ, con đã biết. Nhưng con..."

"Khỏi lo. Mẹ lo hết. Mẹ sẽ lo tới nơi tới chốn mọi chuyện. Chỉ cần con đồng ý là được rồi, đừng có lo là không có."

"Không phải, ý con muốn nói là con cần phải lên chùa lạy thầy và xin xả giới."

"Nghĩa là sao, mẹ không hiểu?"

"Con đã thệ nguyện giữ mười giới trọn đời. Nay không giữ nữa thì phải lên lạy thầy xin xả giới, tức là xin bỏ lời thệ nguyện đó, khi nào cảm thấy có thể giữ được thì xin giữ lại."

Bà mẹ tỏ vẻ ái ngại. Bà sợ con bà đến chùa, gặp thầy, gặp bạn, thấy lại cảnh chùa rồi đổi ý không chịu về nhà nữa.

"Không lên chùa xả giới được không con?"

"Thực ra chuyện thệ nguyện giữ giới thì cần có giới sư truyền trao, nhưng khi xả bỏ thì chỉ cần đứng trước bàn thờ Phật mà xin xả cũng được rồi. Tuy nhiên, con muốn nhân dịp này, trở về chùa để thăm thầy bạn luôn thể. Chỉ hoàn cảnh đặc biệt lắm thì mới tự xả giới, còn bây giờ có chùa, có thầy thì nên về chùa để xả giới."

"Có phải không xả giới thì con sẽ có mặc cảm mang tội mỗi khi làm bất cứ điều gì không đúng với giới luật, dù rằng con hoàn tục?"

"Dạ phải, thưa mẹ. Chính vì vậy luật Phật mới đặt ra vấn đề xả giới."

"Vậy con nhất quyết phải đi lên chùa?"

"Dạ, con cần phải đi. Nhưng con e ngại là để mẹ ở nhà một mình."

Bà mẹ thở dài rồi nói:

"Nếu phải vậy thì mẹ cũng không cản con làm gì. Có điều, mẹ muốn con hứa với mẹ."

"Mẹ à, mẹ sợ con đi luôn sao? ở chùa thì quét lá đa, về nhà thì phụng dưỡng mẹ. Lúc con ở chùa, con đã một lòng siêng năng tinh tấn tu học thì nay về nhà con cũng đem cả lòng mình để làm tròn bổn phận đũa con. Làm sao con có thể bỏ mẹ mà đi luôn được!"

"Không, không phải mẹ bảo con hứa chuyện đó. Mà chỉ muốn con hứa với mẹ là dù thế nào đi nữa, con cũng không để cho giòng họ nhà này phải bị tuyệt tự."

Chú Tuấn im lặng một lúc. Chú đã biết không thể tránh cái chuyện đó được nhưng giờ này nghe mẹ nói chú vẫn cứ nghe trong lòng như đau nhói và hãi sợ. Chú cúi mặt xuống một lúc rồi

ngẩng lên ngay:

"Con hứa với mẹ. Đó là bổn phận mà con, đưa con trai duy nhất của giòng họ phải gánh lấy. Xin mẹ yên tâm."

"Vậy thì tốt rồi. Con có thể lên đường ngày mai. Mẹ ở nhà không sao đâu. Có cô Liên bên cạnh nhà cũng thường qua lại giúp đỡ mẹ. Những ngày thằng Tú mới chết, con chưa xuống núi, cô ấy chăm sóc mẹ đó."

"Vậy hả mẹ. Nếu có người giúp đỡ, chăm sóc mẹ thì con đỡ lo."

"Cô ấy mồ côi cha mẹ, ở sát bên cạnh nhà mình. Tánh tình cô ấy hiền dịu mà lại đảm đang việc nhà nên mẹ thích cô ấy lắm. Để chiều nay mẹ gọi cô ấy qua chơi giới thiệu cho con biết trước khi con lên đường."

"Thôi, khỏi cần mẹ ạ."

"Đừng có sợ mà, trước sau gì cô ấy và con cũng thành vợ thành chồng mà. Biết trước cũng là hay hơn chứ."

"Cái gì? Mẹ đã chọn cô ấy cho con rồi sao? Con đâu biết cô ấy là ai, mặt mũi thế nào đâu!"

"Bởi vậy mới nói là để gọi cô ấy qua cho con biết mặt," bà vừa nói vừa cười sung sướng như thể chuyện thành thân của con bà và Liên đã là chuyện ăn chắc rồi vậy.

Mà bà tin như vậy cũng phải. Liên có cảm tình với con bà ngay từ khi anh ta còn tu, nay biết anh ta hoàn tục, cô ta hẳn là phải thích ý rồi. Ngoài ra, nàng còn cảm thấy vinh dự khi được sánh duyên với chú rể là một người tu có đạo đức nổi danh trong làng ai cũng biết. Bà mở lời thì nàng sẽ nhận lời ngay, làm sao mà từ chối cho cam. Bà tính là trong vòng chiều hay tối nay bà sẽ gợi ý trước với Liên. Sau khi con bà từ chùa về, sẽ tiến đến việc tổ chức đám cưới. Chuyện hãy còn trong dự tính mà đã vui mừng khắp khởi, đến độ hầu như quên luôn cái chết đau thương của đứa con trai khác của mình cách đây chưa đầy một tháng.

Chú Tuấn cũng vậy, chú đã không khỏi nghe một nỗi xao xuyến lạ kỳ đang đưa trong tâm hồn mình. Chú không ngờ lâu nay tĩnh tu trên núi cao, cắt đứt những tham luyến thường tình của thế gian, vậy mà nghe mẹ khen ngợi một thiếu nữ và nói rằng sẽ cưới nàng về làm vợ mình, lòng chú đã thấy rung động, băng khuâng khôn tả được. Chú như nhìn thấy được những chồi non của ái dục cùng một lúc trỗi dậy, vươn lên khỏi mặt đất phẳng lặng của tâm mình. Chú không hiểu sao chú lại có thể bị đánh bại một cách dễ dàng trước dục vọng, đối thủ hàng đầu của người xuất gia học đạo.

Chú đang băn khoăn với những rạo rức, những đổi thay rõ rệt của lòng mình thì nghe có tiếng gõ cửa. Chú giật mình đứng dậy, nhưng mẹ chú đã xua tay, nói:

"Con cứ ngồi đi, để mẹ ra mở cửa xem thử ai."

Khi mẹ chú đến nơi cửa, lòng chú bỗng hồi hộp, run bắn lên, như thể bà đang mở ra cho chú cánh cửa của một kho tàng bí mật. Chú bỗng linh cảm rằng người gõ cửa sẽ là thiếu nữ mà mẹ thường nhắc đến tên, và thiếu nữ đó sẽ là thiếu nữ mà chính chú đã bắt gặp lúc nãy khi chú đóng cửa. Chú nhìn theo mẹ, dán mắt vào cánh cửa, chờ đợi.

Quả nhiên, khi mẹ chú mở cửa ra thì Liên đang đứng đợi, hai tay nàng bưng một cái khay nhỏ thức ăn. Nàng đúng là người thiếu nữ mà chú đã nhìn thấy khi nãy. Nàng nói với mẹ chú những lời nhỏ nhẹ mà chú ngỡ như là mình vừa lạc vào một cõi trời nào đó và nghe được lần đầu âm thanh nhẹ nhàng thánh thót của tiên nữ trên ấy.

"Thưa bác, con đem qua chút ít thức ăn để bác và chú... dùng. Con biết bác và chú đang còn bối rối chuyện của em Tú nên chưa chuẩn bị được thức ăn thức uống trong nhà..."

"Ôi chao Liên à... con thật tốt bụng. Thật là phiền con quá. Bác có thể tự lo được mà. Thôi được, con đã có lòng mang qua, bác không dám từ chối. Cám ơn con. À này, sẵn đây bác giới thiệu con cho... Tuấn biết."

Nói rồi bà đón lấy khay thức ăn đặt lên bàn, kéo tay Liên bước vào trong nhà. Liên hơi nín lại, nhưng rồi cũng bước theo bà đến chỗ chú Tuấn đang ngồi.

"Tuấn con, đây là cô Liên mà mẹ nói với con lúc nãy đây. Liên thì biết con rồi, mẹ khỏi phải giới thiệu."

"Chào... chú."

Chú Tuấn ngượng ngập đứng dậy, mặt chú đỏ bừng lên, lúng búng nói:

"Chào... cô."

Bà mẹ cười tủm tỉm trước cảnh lần đầu tao ngộ của đôi trẻ. Rồi bà dặt tay đưa Liên đến bàn định mời nàng ngồi chơi nhưng Liên không ngồi, nàng tự nhiên đi xuống bếp lau chén đĩa mang lên. Chú đứng chết trân nhìn theo dáng đi khoan thai uyển chuyển của nàng. Có một mùi thơm nhẹ thoang thoang mà chú nghĩ là do nàng mang đến, làm ngây ngất tâm hồn chú. Trong phút chốc, chú thấy công phu học đạo của mình tan tành theo mây khói. Cuộc đời trước mặt chú, trước kia là một bể khổ mênh mông đầy sóng thì nay được phơi bày như một bức tranh nên thơ, tuyệt đẹp, không có bút mực nào tả xiết. Chú thấy trong lòng dâng lên một niềm rung động lâng lâng, nhẹ nhàng. Chú mỉm cười. Chú đón nhận cuộc đời một cách dễ dàng không thể tưởng.

Mẹ chú bắt được tia nhìn say đắm của con mình. Bà thầm cám ơn Trời Phật đã không ngăn cản mà còn khuyến khích con bà đáp ứng kỳ vọng của bà một cách không khó khăn, vướng mắc gì.

Liên sắp đặt mâm cơm với hai đôi đĩa, hai cái chén trên bàn rồi nói:

"Mời bác với... dùng cơm," rồi cô nói nhỏ với mẹ chú rằng "con nghĩ chú ăn chay lâu năm rồi, bây giờ chú có về luôn không tu nữa thì cũng phải cần một thời gian mới ngã mặn được."

"Bác biết chuyện đó. Mà con cũng tinh ý nữa. Con thật trẻ mà chu đáo mọi bề. Này, con cũng ngồi ăn miếng cơm với mẹ con bác chứ. Sao chỉ lấy có hai chén hai đĩa thôi?" Nói rồi, bà vội vã xuống bếp lấy thêm một chén và một đôi đĩa nữa.

Trong lúc đó, Liên bới cơm vào chén. Xong nàng quay qua, thấy chú Tuấn vẫn còn đứng gần cuối phòng, mắt đăm đăm nhìn mình.

"Mời... chú."

Chú lúng túng, không biết nói gì.

"Lại ăn đi con, đừng để cô ấy nhọc lòng mời mãi," mang chén đũa từ bếp lên, bà mẹ chú vừa nói.

Chú theo mẹ bước đến bàn ăn. Liên định rút lui để hai mẹ con tự nhiên, nhưng thấy mẹ chú mang chén lên nên cũng chần chừ chưa quyết định. Mẹ chú nắm tay nàng giữ lại, bảo ngồi xuống chiếc ghế trống bên cạnh bà. Chú Tuấn vẫn dán mắt nhìn nàng. Chú thấy nàng đẹp quá, không giống như những mô tả về nữ giới trong kinh điển mà chú từng đọc thấy. Không những từ thể chất qua làn da trắng hồng thơm tho của nàng mà ngay cả đến tinh thần của nàng nữa, chú như nhìn thấy, cảm thấy được cái vẻ trong suốt sáng ngần như pha lê hay như giọt nước cam lồ trong vát từ bình tịnh thủy của đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Chú không thấy gì là bất tịnh, là ô uế, là tạp nhiễm, là cấu bẩn... nơi con người nàng cả. Ngược lại, chú thấy nàng là hiện thân của những gì cao đẹp, thánh thiện, trong sạch nhất của cuộc đời.

Mẹ chú đã dự tính là sẽ nói chuyện, gợi ý riêng với Liên rằng bà muốn cưới nàng cho chú Tuấn. Nhưng bỗng dưng, trước sự đăm say say đăm nhau thấy rõ giữa đôi trẻ, bà thấy không cần phải úp mở gì nữa. Bà muốn nói ngay những gì bà mong ước, ngay bây giờ, chứ không còn dịp nào tốt hơn, vì ngày mai con bà sẽ phải lên đường về chùa để xin xả giới. Một hứa hẹn tuy chưa có sự chính thức thừa nhận của làng xã xóm giềng bằng một lễ cưới nhưng cũng tạo đủ sức mạnh để lôi kéo đứa con trai cứng của bà quay trở lại cái tổ ấm này.

Nghĩ vậy rồi, tay phải cầm tay Liên, tay trái cầm tay chú Tuấn, bà nói:

"Sáng sớm ngày mai Tuấn lên đường rồi," (bà nói ngang đây thì Liên sửng sốt trở mắt nhìn bà rồi quay sang nhìn Tuấn), "mẹ muốn trước khi Tuấn đi, hai con ngay trước mặt mẹ, hãy hứa với nhau một điều là sẽ trở thành vợ chồng của nhau, chung sống với nhau tới ngày răng long tóc bạc. Mẹ thấy hai con rất xứng với nhau, không thể chọn lựa được người nào khác hơn nữa. Thương mẹ, hai con hãy nói cho chính tai mẹ nghe lời hứa của hai con. Nào, Tuấn, con là trai, con hãy nói trước. Nói đi, hứa đi. Con có muốn cưới Liên làm vợ không?"

Mặt chú Tuấn đỏ bừng bừng lên. Chú không ngờ mẹ lại đặt mình vào một tình thế gay cấn như vậy. Dĩ nhiên là chú bằng lòng rồi, nhưng ai lại đi hỏi thẳng thừng trước mặt nàng, làm sao mở miệng được. Chú lúng túng, chẳng biết làm sao. Liên cũng e thẹn cúi mặt xuống như muốn lẩn trốn, dù rằng trong lòng nàng thật sung sướng.

Mẹ chú nhắc lại:

"Tuấn, con không thương mẹ sao? Con đã nói là con sẽ không từ chối chuyện đó mà. Hứa với mẹ đi nào."

Ngập ngừng một chốc chú mới nói:

"Đâu có biết ý của... ra sao?"

Bà mẹ liền quay qua Liên. Nàng đang bẽn lễn vịn về góc áo bà ba của mình.

"Liên con, Tuấn muốn biết ý của con rồi mới dám hứa. Vậy con nghĩ sao? Con có đồng ý là sẽ làm vợ của Tuấn không?"

Liên thẹn thùng, nhưng cũng biết đây là cơ hội tốt của nàng và Tuấn, nàng mạnh dạn nói:

"Con muốn biết là... đi đâu sáng mai cái đã."

"À, lên chùa xin xả giới. Tuấn sẽ đi trong ba ngày thôi, sẽ quay lại và chúng ta sẽ tiến hành việc tổ chức đám cưới. Bác muốn biết trước ý của con và Tuấn hôm nay trước khi Tuấn lên đường."

"Dạ... nếu chú đi rồi quay trở lại thì... thì con xin hứa."

"Thấy chưa, Tuấn. Liên đã thuận hứa rồi đó. Con sao, con có đồng ý cưới Liên làm vợ không?"

"Dạ... con hứa."

Bà mẹ nắm tay đôi trẻ đặt vào nhau. Hai cánh tay hơi rút lại lúc đầu nhưng rồi cũng đi theo chiều kéo của bà mẹ, tìm đến nhau. Hai bàn tay nắm lấy nhau một lúc bờ ngỡ. Chú Tuấn nghe như có luồng điện chạy rần rần vào tim mình. Chú nhìn thẳng vào mắt Liên, không e dè nữa. Liên cũng mạnh dạn, ngược nhìn chú, rồi chớp chớp đôi mắt. Hai bàn tay im lặng. Hai trái tim lên tiếng rộn rã. Bà mẹ nói:

"Hai con đã hứa trước mặt mẹ rồi. Vậy kể từ hôm nay, duyên vợ chồng coi như đã thành. Mẹ vui mừng đón nhận Liên vào gia tộc này."

Nói đến đó, bà mẹ thả tay đôi trẻ ra. Liên định rút tay về nhưng thấy tay Tuấn cứ nắm chặt lấy tay mình nên cứ để yên như vậy, chờ đợi. Thấy mẹ tủm tỉm cười, chú giật mình buông vội tay Liên ra, rút về. Chú và Liên nhìn nhau, cảm thấy mình đã là sở hữu của nhau rồi.

Sau bữa ăn, Liên trở về nhà nàng và lo chuẩn bị chút thức ăn để làm hành trang cho người chồng tương lai của mình lên đường vào sáng sớm ngày mai. Lòng nàng vui rộn rã, nàng thức luôn cả năm canh để mơ mộng, suy tưởng về cuộc sống chung đang cận kề của nàng và chú Tuấn, một chàng trai hiền lành, đẹp trai, đạo đức mà nàng hằng ôm ấp hình bóng từ mấy năm nay.

Chú Tuấn cũng không ngủ được. Buổi tối ngồi tham thiền, quán tưởng, chú chỉ thấy hình bóng Liên với môi cười tươi như một đóa hoa, với mắt sáng long lanh và hiền như mắt nai, với bàn tay mềm mại, với làn tóc óng ả, với giọng nói thanh tao dễ mến... Hình ảnh nàng chiếm đoạt cả tâm tư chú trong suốt những giờ ngồi thiền. Chú mong cho đến sáng để được nhìn lại nàng lần nữa trước khi lên đường.

Chùa vắng tanh như chùa hoang. Lâu lắm chú mới về thăm lại chùa nên thấy cảnh chùa có vẻ khác lạ. Tuy nhiên, những kỷ niệm xa xưa cũng trở dậy, làm chú thoáng thấy buồn trong lòng. Chú bước nhanh hơn về phía phương trượng để bái kiến thầy và cũng để đánh tan đi những lưu luyến mà chú nghĩ là vô ích vừa mới dâng lên trong lòng.

Thầy đang ngồi tĩnh tọa trên bồ đoàn, thấy chú bước vào, gật gù hỏi:

"Thiền sư xuống núi có duyên sự gì lớn lao lắm hả?"

Chú Tuấn ngượng ngập một lúc, sụp lạy ba lạy rồi quỳ thưa:

"Bạch thầy, gia đình con chỉ còn mẹ già và một đứa em trai. Tháng rồi em con bị rắn độc cắn chết khi đang đi đốn củi, mẹ con yêu cầu con hoàn tục để lo việc nối dõi tông đường."

"Đau xót thay cho con! Vậy, con tính xin xả giới hôm nay, phải không?"

"Bạch thầy, phải. Con xin thầy cho con xả giới."

"Thầy làm chứng cho rồi, giới đã xả, con yên tâm lo về phụng dưỡng mẹ già và lo việc gia tộc."

Chú Tuấn lại lạy thầy ba lạy, nước mắt chú rơi xuống đất. Ngày đầu tiên lạy thầy để xuất gia, chú đâu có khóc như vậy.

"Đừng khóc con ạ. Con hẳn biết nghiệp quả của mỗi người là cái do chính người ấy tự tạo và tự lãnh thọ. Không có gì rơi ngoài vòng nhân quả. Con hãy về ngay bây giờ đi. Ta không muốn con ở lại chùa đêm nay."

"Bạch thầy, vì sao? Con muốn ở lại một đêm cuối cùng bên thầy để được chỉ giáo trước khi quay về với thế tục. Xin thầy cho phép."

"Không. Ta không cho phép. Ta muốn con về ngay lập tức, không nên nấn ná."

Biết thầy đã dứt khoát, chú đành lạy dài rồi thưa:

"Dạ, bạch thầy con về," chú lại sa nước mắt. Bước đến cửa, chú sực nhớ điều gì đó, liền đứng lại, hỏi thầy:

"Bạch thầy, tại sao con tu tập thiền định đã gần bảy năm rồi mà cho đến bây giờ con vẫn chưa thoát ly được ái dục?"

Vị thầy không trả lời câu hỏi, chỉ nghiêm sắc mặt nói rằng:

"Về đi!"

Chú quàng quả lui ra, rời chùa lập tức. Chú lủi thủi bước đi, lòng cứ thắc mắc sao thầy lại xua mình về sớm.

Chú đi suốt đêm không dừng nghỉ, một phần vì mong gặp lại mẹ già và người vợ sắp cưới, một phần vì nghi ngại là trong sự xua đuổi của thầy có lý do gì liên quan đến mẹ mình ở nhà.

Ngày hôm sau chú đã về đến đầu làng. Từ xa, chú thấy khói đen mịt mù trong khắp xóm làng. Chú kinh hãi, thầm nghĩ: "Chắc có tai biến gì cho làng rồi!" Nghĩ vậy, chú vọt chạy nhanh vào làng. Hai bên đường, chú thấy nhà cửa xác xơ tiêu điều. Có nhiều tiếng than khóc, nghe rất sầu thảm. Chú vừa chạy vừa hỏi hộc lo sợ cho mẹ già và Liên. Chú tính dừng chân hỏi thăm những người than khóc, nhưng đôi chân chú không chịu dừng, nó như muốn kéo chú đi thật nhanh về nhà mình.

"Mẹ! Mẹ ơi!" chú vừa hét lên vừa xông vào căn nhà cháy rụi của mẹ. Chú tìm không thấy mẹ đâu cả. Chú hốt hoảng chạy ra khỏi nhà, tìm qua nhà của Liên bên cạnh. Nhà Liên gần bên nhưng cũng cách một bờ rào và khoảng vườn giữa hai nhà nên khuất sau những tàng cây. Vào đến sân nhà của nàng, chú mới biết là nhà nàng cũng bị đốt cháy như nhà mình. Chú tính xô cửa vào nhà nàng thì sực nhìn thấy mẹ mình đang nằm dưới đất, mặt mày lem luốc cháy nám. Một cây cột ngã xuống đè ngang ngực bà. Chú vội đỡ cây cột lên, lay gọi mẹ. Mẹ chú sắp tắt thở rồi. Với hơi thở thì thào, bà nói:

"Cướp bóc... hãm hiếp... cả làng bị tai họa. Liên... Liên bị... nên nó tự tử rồi. Nó... chết rồi, trời ơi! Con dâu của mẹ. Con ơi! Sao gia đình ta tan nát thế này... hờ con?... (nghe ngào một lúc, bà tiếp) À, mẹ nghĩ ra rồi, mẹ hiểu rồi... ôi, tất cả đều như thế. Con à, con đã hứa là không để giòng họ bị tuyệt tự... phải không? Nhưng hôm nay, mẹ xả bỏ lời hứa cho con, mẹ không buộc con phải giữ lời hứa đó. Tất cả chỉ là những trò bày vẽ của thế gian... Con là người xuất gia, con đã chọn đúng đường đi của mình. Con không cần phải quay về để làm những chuyện của thế tục... Hơn nữa, con và Liên đã hứa trước mặt mẹ là trở thành vợ chồng của nhau. Tuy hai con chưa thực sự chung sống nhưng nghĩa vợ chồng và lời kết ước thề nguyện của hai con chẳng phải phứt chốc mà quên, mà xóa đi được. Do đó, mẹ yêu cầu con hãy quay trở về chùa với thầy con. Về mặt thế tục, đó cũng là cách tỏ tấm lòng thủy chung của con đối với nàng; về mặt tu hành, cũng là sự lựa chọn tốt đẹp cho đời con. Mẹ yên tâm nhắm mắt nếu con trở lại với thầy tổ chứ không muốn con dấn bước trở lại với dòng đời hỗn mang này để làm cái chuyện nói dối tầm phào. Thế gian này chẳng có gì tồn tại lâu dài... không có gì đáng để luyến tiếc, vậy thì nói dối đâu có nghĩa gì, con thấy không?"

Chú chỉ ôm mẹ mà lắng nghe, nghe ngào không nói được một lời. Đau khổ tột cùng. Chú chưa bao giờ cảm nhận được một nỗi đau khổ to lớn đến mức độ này. Chú ngồi với mẹ mà khóc rưng rức. Nhìn thi thể mẹ, nghe giọng nói thì thào của mẹ, chú biết mẹ sẽ chẳng còn sống bao lâu. Chú chia xẻ niềm đau với mẹ bằng sự im lặng và vòng tay của chú để tiễn đưa bà đi về thế giới khác. Một lúc lâu, chú mới thức tỉnh rằng chú nên niệm Phật lớn tiếng để cầu nguyện cho mẹ. Mẹ chú chớp chớp mắt nhìn, không nói, đưa tay chỉ vào nhà trong. Chú biết bà muốn nói gì. Có lẽ thi thể của Liên ở trong đó. Mẹ chú muốn chú đem xác nàng ra để bên cạnh bà để chú ngồi niệm Phật cho cả hai người. Chú tạm rời mẹ, mở cửa ra nhìn vào. Liên treo cổ chết trên cây đa ngang duy nhất còn lại trong căn nhà cháy rụi. Xác nàng thâm đen, treo lủng lẳng, đôi mắt sáng đẹp và hiền như nai của nàng trợn trừng lên; lưỡi nàng lè ra, tím ngắt; đôi môi tươi hồng của nàng cũng đã biến thành bầm xanh. Chú đau xót gỡ nàng xuống. Âm nàng ra ngoài, đặt bên cạnh mẹ. Mẹ chú đưa tay qua, cầm lấy tay Liên, ứa nước mắt. Rồi bà nói với chú:

"Không cần phải nói dối tông đường. Đừng phụ tình của Liên. Hãy chôn mẹ và nàng bên nhau, cạnh mộ của Tú."

Đó là những lời cuối cùng của bà.

Tuấn chôn cất mẹ và Liên trong khu đất nghĩa trang, gần mộ của Tú. Nhiều người trong làng cũng lo chôn cất người thân của họ. Không ai màng để ý đến chú.

Chôn cất mẹ và Liên xong rồi, chú cứ quanh quẩn bên mộ của cả ba người để niệm Phật cầu nguyện và thiền quán, chẳng muốn rời đi. Suốt cả tuần lễ như vậy mà chú vẫn không ăn không ngủ được. Cho đến đêm thứ tám, chú mới mệt mỏi ngủ thiếp đi. Trong giấc mơ, chú thấy mình đang chèo một chiếc thuyền bé tí trên giòng sông cuộn cuộn sóng. Mẹ, Tú và Liên đều từ nơi bờ xa vẫy tay với chú. Nhưng ba cách vẫy mang ba ý nghĩa khác nhau. Tú vẫy tay như già từ chú; Liên vẫy tay như kêu gọi chú đến với nàng; còn mẹ chú thì như xua tay bảo chú đừng tấp vào bờ. Đang phân vân với ba cách vẫy tay của ba người thì chiếc thuyền con của chú đụng phải đá ngầm, vỡ toang. Chú kinh hãi thức giấc.

Mặt trời đã lên cao. Chú dụi mắt một lúc mới tỉnh trí để nhận biết chú đang ở đâu. Chú tiếp tục ngồi thiền nhưng hình ảnh ba người thân cứ lờn vờn trong tâm chú. Cuối cùng, chú sực nhớ tới thầy. Phải, thầy có linh giác để đoán biết một sự việc bất thường xảy ra cho gia đình chú. Thầy bảo chú về gấp là để nghe những lời cuối cùng của mẹ. Chú ôn lại lời mẹ dặn. "Con là người

xuất gia, con đã chọn đúng đường đi của mình." Chú vội vàng đứng dậy. Lạy mộ mẹ ba lạy, từ giã Tú và Liên với giây phút ngậm ngùi rồi lên đường.

o

Tuần bước vào phương trượng, thấy thầy vẫn ngồi trên bồ đoàn. Không nói một lời, chú sụp lạy thầy. Nước mắt chú rơi xuống nền đất. Lạy xong ba lạy, chú quỳ thưa:

"Bạch thầy, sao con tu tập thiền quán đã gần bảy năm rồi mà vẫn chưa thoát được những đau khổ thường tình của thế nhân?"

"Hãy ra ngoài mà quét sân đi," thầy chỉ nói với chú như vậy.

Chú lại lạy thầy ba lạy rồi lui ra. Vừa đi, chú vừa suy gẫm lời thầy. Có lẽ thầy muốn nói rằng quét sân chưa sạch thì đừng toan tính đến chuyện vào rừng lên non để làm chàng ẩn sĩ.

Chú bước ra sân. Lá hầy còn rụng đầy mà chưa ai quét. Chú nhớ có lần thầy dạy chú rằng hãy xem lá đa rụng ở vườn chùa như là những phiền não tham lam, sân hận, si mê nơi chính vườn tâm mình. Quét lá và rác rưởi cũng chính là quét đi những cấu bẩn của tự tâm: không để cho bất cứ một ngọn lá hay một cọng rác nhỏ nào sót lại thì mới tạo ra được một khu vườn sạch đẹp.

Có một cây chổi nằm trơ dưới đất, bị lá đa phủ lấp đi một nửa. Chú đến nhặt lấy cây chổi, cảm trên tay một lúc để nhớ lại bài nguyện nói về quét sân chùa mà lâu lắm rồi vì không quét sân nên chú không đọc tới. Chú vẫn chưa quên bài nguyện.

Gió thổi qua vườn chùa làm rụng thêm nhiều chiếc lá vàng khô. Chú nhìn cái sân ngập lá mà vẫn thấy tâm mình thanh thản, nhẹ nhàng như được trở lại cái thời thơ ấu mới xuất gia năm xưa. Chú bắt đầu quét lá.

Cuốn sách nào đã ảnh hưởng nhiều nhất tới tôi? Viên Linh phỏng vấn

Chúng tôi đã gửi tới các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ, học giả, lá thư ngắn sau đây: "Để giúp độc giả có thể biết nhiều hơn về các tác giả của Văn học Việt Nam, cũng như có thể tạo thêm thích thú cho người đọc sách báo văn học, *Nguyệt san Khởi Hành* mở cuộc phỏng vấn kể từ số này, với chỉ một câu hỏi chính: "*Cuốn sách nào đã ảnh hưởng (hay có một tác động nào đó) tới Anh / Chị nhiều nhất từ trước tới nay? Vui lòng cho biết trường hợp đọc cuốn sách đó.*"

Câu hỏi thật bất ngờ và thú vị đối với tôi. Bất ngờ là hỏi cái điều tôi không bao giờ nghĩ tới; thú vị là nó buộc mình phải đi ngược lại quá khứ để tự tìm hiểu xem, có một tác phẩm nào thực sự ảnh hưởng đến mình. Cho tôi một ít thời gian để suy nghĩ nhé. tìm, tìm... hình như là chẳng có tác phẩm nào "*ảnh hưởng tôi từ trước tới nay*" cả.

Để tôi nói rõ hơn một chút. Chữ "ảnh hưởng" mà Khởi Hành dùng cũng khá rộng, và khá nặng đối với một người cầm bút. Ảnh hưởng là ảnh hưởng lên cái gì? Tư tưởng? Đời sống

thực tế? Khuynh hướng sáng tác? Văn phong? Cách bố cục truyện?... Tác phẩm mà có thể ảnh hưởng một người cầm bút "từ trước tới nay" thì phải là một tác phẩm lớn (*ở nội dung-không phải ở kích thước, độ dày, hoặc có nhiều nhân vật*) mà nhà văn hay nhà thơ bị ảnh hưởng ắt là phải có tác phẩm đó trên kệ sách hoặc nơi đầu giường. Tôi không biết những người khác có bị ảnh hưởng sâu đậm như thế đối với một tác phẩm nào đó không. Riêng tôi, xin trả lời không.

Có thể Khởi Hành và những người cầm bút khác, hoặc độc giả khắp nơi cho rằng ít nhiều gì cũng phải "bị ảnh hưởng" thì tôi cũng không phản đối gì. Tôi chỉ muốn nói là nếu thực sự có một tác phẩm ảnh hưởng tôi từ trước tới nay thì khi được hỏi, tôi sẽ trả lời ngay, chẳng cần phải suy nghĩ hay hồi niệm lại quá khứ. Đằng này, phải suy nghĩ thật lâu lắc mà cũng chẳng thấy cái tên tác giả hay tựa sách, hay hình dạng cuốn sách nào hiện ra trong đầu cả! Thế thì trả lời không là đúng rồi.

Nhưng tôi có thích, thích rất nhiều tác phẩm, mà khốn nỗi, đa phần là sách của các văn thi hào nước ngoài được dịch từ Anh/Pháp/Hoa sang Việt ngữ hoặc một số gần đây được cơ hội đọc thẳng bản Anh ngữ. Dĩ nhiên tôi cũng thích rất nhiều tác phẩm của văn thi nhân Việt-nam. Nhưng nói là "ảnh hưởng" thì hoặc là tôi trả lời không, hoặc là tôi không trả lời được. Xin dành câu trả lời cho những nhà biên khảo phê bình văn học. Nếu những nhà phân tích phê bình văn học tìm thấy tôi bị ảnh hưởng ai, ảnh hưởng thế nào, vì lý do nào, trong trường hợp nào... thì xin mách bảo giùm cho. Còn nếu cho phép tôi cứ phát biểu linh tinh ngoài đề (nhưng ít nhiều có liên hệ với câu hỏi) thì xin trình bày trường hợp của tôi thế này:

Ngoại trừ những tác phẩm quá tệ của những người biết viết, biết kể chuyện (mà không hề làm văn chương), hình như tác giả hay tác phẩm nào của văn thi nhân Việt nam tôi đều có đọc. Nếu không có tác phẩm của họ thì tôi cũng say mê đọc họ trên những tạp chí. Hồi còn ở Việt-nam thì tôi mê nhiều tác giả ngoại quốc (*chẳng phải vọng ngoại đâu! Hồi đó ai cũng vậy mà! Người ta viết hay quá trời làm sao không mê được!*) và có nhiều tác phẩm đã đọc đi đọc lại mấy lần. Tác phẩm "nội hóa" thì có những cuốn của Tự Lực Văn Đoàn, và một số khác của Nhất Hạnh, Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến, Nguyễn Đình Toàn, Viên Linh, Võ Hồng, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Hoàng, Phạm Thiên Thư...

Gần đây nhất ở hải ngoại, tôi có lưu ý hai tác phẩm: một là "*Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà*" của Trương Hiền Lương viết bằng Hoa ngữ, Trần Thịnh chuyển dịch sang Việt ngữ; hai là "*Đi Về Nơi Hoang Dã*" của Nhật Tuấn. Hai cuốn ấy không "ảnh hưởng" tôi, nhưng phải nói là tôi rất thích. Cuốn trước tôi đọc đến 3 lần. Cuốn sau thì chỉ mới đọc qua một lần thôi, chưa có thời giờ đọc lại, nhưng tác phẩm có "thấm" thế nào đó trong lòng khiến mình không quên được. Hai cuốn này, theo nhận xét của tôi, đúng thực là những tác phẩm văn chương đáng đọc và nên giữ nơi tủ sách, lâu lâu lấy ra đọc lại.

Không biết tôi có nói sai không: tôi nghĩ rằng Việt-nam chưa có tác phẩm lớn hoặc tác giả lớn đến độ "ảnh hưởng" một người cầm bút "từ trước tới nay". Nếu miễn cưỡng mà chia chẻ ra từng khía cạnh của sự ảnh hưởng thì tôi có thể nói trong trường hợp cá biệt của tôi:

- Tác phẩm, đời sống, tư tưởng của tôi chịu ảnh hưởng tinh thần Thiền của Phật giáo Đại thừa.
- Tôi thích văn phong nhẹ nhàng, trong sáng của nhà văn Nhất Hạnh mà đồng thời cũng thích cái vẻ diều cọt phiêu hốt của thi hào Bùi Giáng.
- Tôi không hề để ý tới khuynh hướng sáng tác vị nghệ thuật hay vị nhân sinh; tuy vậy tôi không thích những tác phẩm có mặt mà như không, chẳng tác động gì đến con người hay cuộc

đòi cả... (chưa thêm: có những tác phẩm như vậy không nhỉ? Nếu có, sao có thể gọi là 'tác phẩm' được nhỉ?)

Lời cuối: tôi nghĩ rằng những người cầm bút khác cũng chỉ mê thích một vài tác giả, tác phẩm nào đó trong đời chứ không bị "ảnh hưởng" rề rề bởi một người cầm bút khác từ trước tới nay thì có lẽ anh/chị ấy vẫn đang làm người học trò tập làm văn để nộp bài cho thầy giáo chứ chẳng sáng tạo gì đâu. Sáng tạo là vượt qua. Vượt qua người trước, vượt qua những tác phẩm, vượt qua chính mình. (Xin chưa thêm: vượt qua không có nghĩa là vượt hơn, mà chỉ có nghĩa là ra khỏi ảnh hưởng")

Nghề đuổi quạ

Theo qui chế nhà chùa, Sa di (danh từ gọi chung cho các chú tiểu) được chia làm hai hạng: hạng thứ nhất, tuổi từ 7 đến 12, gọi là Sa di Khu Ô; hạng thứ hai, tuổi từ 13 đến 19, gọi là Sa di Ứng Pháp. Hạng thứ hai được coi như đã thuần thục nhờ trải qua một thời gian tập sự trong chùa, phần khác vì ở trong lứa tuổi phát triển hoặc sắp trưởng thành, nên có thể giúp cho chùa nhiều việc quan trọng như tưới cây, quét dọn, lau chùi, làm việc đồng áng (nếu chùa ở vùng quê), tụng kinh, tiếp khách (khi thầy đi vắng) v.v... Chũ Ứng Pháp có thể hiểu nghĩa đen là có khả năng thích ứng, thực hiện nhiều pháp sự trong chùa. Còn hạng thứ nhất, Sa di Khu Ô, theo nghĩa đen thật đen, thì chỉ là Sa di Đuổi Quạ. Là vì ở cái tuổi quá nhỏ, các chú tiểu ở hạng này không vác nổi cái chổi cao hơn mình, không xách nổi thùng nước nặng bằng mình, không giơ nổi cây cuốc dài gấp đôi thân hình mình... Cái gì cũng không nổi, không xong, thì chỉ còn cách chia phiên các chú đuổi quạ, đuổi chim, không cho chúng ăn phá thóc lúa, đậu mè, hoa quả của vườn chùa. Công việc duy nhất và dễ nhất cho các chú hàng ngày là như vậy, cho nên gọi các chú là Sa di Khu Ô (đuổi quạ). Các thầy trụ trì khi nuôi các chú tiểu ở lứa "khu ô" biết rằng các chú không làm được việc lớn nên phải kiếm chút việc nho nhỏ nào đó mà giao cho các chú để các chú khỏi ở không. Điều đó, chẳng phải là chèn ép gì các chú--vì đuổi quạ cũng giống như chơi đùa, chẳng mệt nhọc chi hết--mà cũng là một trong những sự trau luyện của Thiền môn đó thôi. Thứ nhất, sự làm việc của các chú (dù là việc nhỏ) cũng được xem như những đóng góp vào chuyện chung của chùa để các chú khỏi mang tiếng ngồi không mà ăn cơm bá tánh. Thứ hai, cắt chia công việc cho các chú cũng là cách tập cho các chú có trách nhiệm đối với công tác mà chùa giao phó.

Cứ theo qui chế nói trên mà xét thì lẽ ra không có những chú tiểu ở tuổi từ 4 đến 6, mà nhỏ nhất cũng phải là 7 tuổi. Có lẽ hồi xưa qui chế đó được áp dụng, nghĩa là chỉ nhận cho xuất gia những chú từ 7 tuổi trở lên. Còn thời nay, người ta thấy ở nhiều chùa sự có mặt của các chú tiểu ở lứa dưới 7 tuổi. Điển hình là chú Hiếu ở chùa Phước Tân. Chú Hiếu mới có 5 tuổi thôi. Như vậy, lý ra chú chưa đủ tiêu chuẩn để được xếp vào hạng Sa di Đuổi Quạ nữa. Nhưng thầy trụ trì cũng đã cắt việc cho chú, coi chú như là hạng Sa di Đuổi Quạ chính thức vậy. Có lẽ vì chùa cũng thiếu người làm công việc đuổi quạ nên thầy mới phải dành công việc đó cho chú. Được giao công việc, chú thích lắm. Chú cảm thấy mình được "lớn", có khả năng làm việc. Công việc của chú, trước đây do chú Hân đảm trách. Nhưng chú Hân bây giờ đã được 13 tuổi rồi ã€"đã qua khỏi cái tuổi Đuổi Quạ rồi ã€"vì thế, chú Hiếu được "bổ nhiệm" sớm.

Chuyện đi tu của chú Hiếu cũng là một đề tài khá ly kỳ. Cha mẹ chú kể rằng từ hồi mới biết ăn, chú đã không ăn được cá thịt, cứ đòi ăn rau cải quanh năm suốt tháng. Nhiều lúc sợ chú bị thiếu dinh dưỡng, cha mẹ chú nghiền thịt hay cá để nấu chung với rau cho chú. Vậy mà chú cũng biết, bỏ ăn; có khi lỡ ăn thì ói thốc ra hết, không chịu được mùi tanh cá thịt. Cho đến tháng chạp năm ngoái, khi theo cha mẹ đến chùa, thấy chú Hân ngồi học kinh dưới gốc cây, chú Hiếu

bèn nẩy ý xin đi tu. Chú xin nằng nặc đến độ giận lẫy, bỏ ăn, không tắm rửa, đủ thứ chuyện. Cuối cùng cha mẹ đành phải chịu thua, mang chú lên chùa.

Chùa Phước Tân là một chùa ở thôn quê. Cái tên của chùa, thầy trụ trì nói rằng nó chẳng mang chút Thiên vị nào hết mà chỉ có ý nghĩa gắn bó với ngôi làng nhỏ này mà thôi"chùa Phước Tân của làng Phước Tân. Và vì là chùa làng, mọi sinh hoạt đều mang tính cách của làng xã địa phương. Dân trong làng làm ruộng làm vườn thì chùa cũng có ruộng có vườn để canh tác hàng ngày. Chùa có cả thầy sáu người: thầy trụ trì, thầy tri sự, chú Hân, hai dì vải giã dưới bếp và chú Hiếu. Hàng ngày, thầy trụ trì và thầy tri sự cùng vác cuốc ra ruộng. Lúa cấy xong, hai thầy vác cuốc ra vườn trồng rau, đậu. Ruộng vườn của chùa nhiều lắm nên hết khoảnh ruộng này lại xoay qua miếng đất khác, chẳng biết lúc nào hai thầy mới nghỉ việc được ngoại trừ các ngày Tết, ngày lễ vía, hoặc ngày rằm, mừng một. Chú Hân cũng đi theo hai thầy từ khi có chú Hiếu đảm trách việc đuổi quạ. Nhưng chú Hân chẳng làm được gì ngoài ruộng vườn trừ việc đem nước uống hoặc đem "bữa lỡ" (bữa ăn xách ra tận ngoài ruộng để ăn qua loa mà làm việc tiếp) cho hai thầy. Có khi chú giúp các thầy tưới đậu, trồng rau lang, những việc tương đối dễ dàng và không cần phải dùng nhiều sức. Buổi sáng sớm sau khóa lễ khuya, chú Hân mang chổi ra quét sân, rồi vào quét Tổ đường trong khi thầy trụ trì quét dọn chánh điện còn thầy tri sự thì tưới các chậu kiểng. Hai dì vải giã dưới bếp thì nấu ăn, quét dọn quanh bếp và vườn sau. Hai dì cũng lo việc xắt khoai lang khoai mì để phơi khô, có khi các dì phơi lúa, phơi đậu ở mảnh sân xi măng bên hông chánh điện. Ai cũng có nhiều việc để làm trong ngày. Duy có chú Hiếu là rảnh rang nhất, chỉ làm mỗi công việc đuổi quạ mà thôi.

Công việc của chú chỉ bắt đầu khi nào hai dì vải khiêng bao bắp hay lúa ra sân, trút ra phơi khi nắng bắt đầu rọi đến khoảnh sân đó. Chiều, khi trời sắp tắt nắng, hai dì vải ra sân hốt lúa vào bao là chú hết trách nhiệm. Ai cũng cho rằng việc đuổi quạ là việc nhàn rỗi, dễ nhất. Ban đầu chú Hiếu cũng nghĩ vậy. Nhưng khi bắt tay vào việc rồi, chú mới thấy rằng nó không đơn giản. Trước đây, khi chú Hân còn làm việc đuổi quạ, cứ mỗi lúc ngồi trông coi đồ phơi thì mang kinh ra học, có khi đem giấy bút ra tập viết chữ Hán nữa. Còn chú Hiếu chưa biết chữ, chẳng biết phải học hay làm gì cho đỡ chán suốt thời gian ngồi trông coi bắp đậu. Ngoài ra, chú Hân có cái thanh quản rất tốt, nói năng lớn tiếng như ếch ương kêu. Khi nào thấy có chim đến phá, chú Hân chỉ la lên một tiếng là chim bay hết. Còn chú Hiếu, giọng nhỏ xíu như con gà con mới chui ra khỏi trứng, hét mãi mà chim cứ nhảy qua nhảy lại, tung tăng mà mỗ. Nội hai chuyện đó không đã thấy rằng việc đuổi chim quạ của chú Hiếu đã không phải là đơn giản rồi. Rất chán! Chán quá không biết làm gì, chú đâm ra buồn ngủ. Chú ngồi dựa vào cây tùng, ngủ rất ngon. Chim chóc tha hồ đáp xuống mà ăn bắp, ăn lúa. Hao của chùa quá. Chỉ có hai dì vải mới biết chuyện hao hụt đó. "Chẳng phải lúa bắp teo khô lại mà thấy ít đi đâu! Tại chim ăn nhiều quá đó," hai dì vải nói với thầy tri sự như vậy khi thầy giúp hai dì vác các bao lúa vào kho. Thầy tri sự tuổi trẻ mà tần mẫn, chăm chút từng thứ li ti. Có lẽ thầy trụ trì giao cho thầy làm chức tri sự cũng vì biết cái tính ý tỉ mỉ của thầy. Thầy tri sự không muốn làm rơi rớt bất cứ hạt thóc nào. Hẳn nhiên là ở chùa xưa nay ai cũng học bài học vỡ lòng là phải biết trân quý hạt cơm như hạt ngọc, do công lao khó nhọc của người nông phu làm nên. Nhưng trân quý đến cỡ thầy tri sự này thì chữ "cơm chùa" sẽ không còn ý nghĩa nữa. Cũng bởi thầy tri sự quá trân quý vật sản của chùa, dù là do bầm tánh hay do tinh thần trách nhiệm, thầy không thể tha thứ cho chú Hiếu được.

"Chú Hiếu lại biểu," thầy tri sự nghiêm giọng gọi.

Chú Hiếu rón rén bước đến gần thầy, tay vân vê chéo áo vạt hò nâu, chưa biết chuyện gì mà trông như đã muốn khóc.

"Hôm nay chú làm gì ở chùa?"

"Dạ... dạ đuổi quạ."

"Có con quạ nào không?"

"Dạ không, con không biết con quạ."

"Con quạ cũng giống con chim, nhưng nó lớn hơn, màu đen. Mỏ nó hơi dài như vậy," ngưng một lúc thầy tiếp, "không biết, không thấy con quạ nào nên chú chẳng làm gì hết hả? Di Bảy nói chú ngồi ngủ mà, phải không?"

"Dạ đâu có."

"Vậy chớ chú làm gì mà lúa mất đi đâu muốn hết?"

"Dạ... có mấy con chim nhỏ nhỏ như vậy nè, tụi nó ăn đó."

"Sao chú không đuổi chớ!"

"Dạ... con đuổi nó hông chịu bay. Vớ lại... đâu phải quạ đâu mà đuổi."

"Phật Tổ ơi! Quạ hay chim gì cũng đuổi hết, nhớ chưa? Còn đuổi thì nó phải bay chớ. Chắc chú ngồi một chỗ rồi xì xì mấy tiếng có lệ thôi nên chúng không sợ chớ gì! Chú đuổi sao làm lại tui coi thử coi."

Chú Hiếu ngập ngừng một lúc rồi vung hai tay lên la: "Huớ... huớ!" Thầy tri sự bật cười, rồi nhăn mặt than:

"Trời thần ơi! Đuổi như vậy làm sao nó sợ chớ! Huớ huớ gì như thần lẩn chặc lưỡi vậy trời!"

Thầy trụ trì nghe được câu chuyện, bước ra vừa cười vừa nói:

"Kiếm cho chú một cái thùng thiếc nhỏ với hai cái dùi. Khi nào chim chóc tới thì cứ gõ rên rên lên là chúng hoảng kinh bay hết chứ lo gì. Giọng chú ấy đâu có lớn được như giọng chú Hân, mà la hét suốt ngày cũng khan cổ chết, ai mà chịu nổi."

Thầy tri sự dù sao cũng là hàng đệ tử nên nghe thầy trụ trì nói vậy cũng không bàn cãi gì thêm, liền đi tìm một cái thùng thiếc cho chú Hiếu. Chú đứng lại đó như trời trồng, chẳng dám bước đi đâu. Thầy trụ trì thấy thương, gọi chú lại:

"Con làm việc có mệt không?"

"Dạ không."

"Có chán không?"

"Dạ... không chán."

"Không chán? Thiệt không nè? Xuất gia không được nói dối. Thầy hỏi lại, đuổi chim quạ có chán không?"

"Dạ... chán."

"Phải vậy chứ! Chán chứ sao không! Con chưa học nghề mà bắt đi làm thì sao không chán được. Ở chùa, việc nào cũng có ý nghĩa riêng của nó, cho nên việc nào cũng phải học hết. Ngồi xuống đây, thầy dạy con cách đuổi quạ. A, có thùng thiếc đến cho con rồi kìa. Tốt lắm. Lại có hai cái dùi đẹp như vậy, sướng quá! Lại đây."

Chú Hiếu bước đến gần thầy trụ trì. Thầy trụ trì sự cũng đứng một bên để lắng nghe thầy trụ trì dạy chú cách đuổi quạ. Thầy trụ trì nói với thầy trụ sự:

"Cái thùng thiếc này tốt lắm rồi, nhưng nếu chú ấy phải mang đi bằng hai tay thì không còn tay đâu mà gõ. Cho nên, thầy hãy đục hai lỗ ở hai bên miệng thùng, mắc vào đây một sợi dây cho chú đeo trước bụng."

Thầy trụ sự cười dòn một tràng, mang thùng thiếc đi ngay. Một chốc sau là thầy ấy đã mang cái thùng thiếc với sợi dây làm quai, trở lại. Chú Hân cũng theo thầy trụ sự đến nghe thầy trụ trì dạy. Thầy trụ trì tròng dây vào cổ mình, sửa cho thùng thiếc nằm ngay ngắn trước ngực. Ai cũng cười. Chú Hiếu chẳng dám cười, ngó thầy trụ trì lom lom ý chừng không muốn bỏ sót động tác đuổi quạ nào mà thầy dạy cho. Thầy vừa gõ thùng vừa nói:

"Đuổi quạ cũng như quét rác. Quét rác là quét cho sạch những phiền não (thầy ngưng một lúc để tìm chữ dễ hiểu cho chú Hiếu), tức là những cái tánh xấu ác của mình, thì đuổi quạ cũng có nghĩa là đuổi đi những thứ tầm bậy tầm bạ phá hoại đời sống tu hành của mình. Cái gì là tầm bậy tầm bạ, biết không? Là ham ăn, ham ngủ, ham chơi, lười biếng học hành, lười biếng kinh kệ, ganh tị, ghen ghét, sân si, ác độc... (tùng tùng) Nói tóm lại là đủ thứ xấu xa của mình (tùng tùng). Người tu là một chiến sĩ anh dũng, xông ra trận, chiến đấu với các thứ ma quỷ dơ nhớp xấu xa, đuổi cho chúng chạy, đánh cho chúng tan, không chịu thua một thứ phiền não nào hết. Quạ đâu, chim đâu! Tụi bậy là ma vương, là phiền não đến đây quấy phá chùa chiền phải không? (tùng tùng! tùng tùng!) Có ta đây! Ta đuổi bậy! Mau chạy, mau bay! Đừng xó rớ đến vườn chùa thanh tịnh của ta nữa! Bay đi, bay đi! (tùng tùng! tùng tùng!)."

Thầy trụ sự bụm miệng cười. Chú Hân cũng cười ngặt nghẽo. Thầy trụ trì ngó chú Hiếu, hỏi:

"Sao, con đã học được cách đuổi quạ chưa?"

"Dạ chưa... dài quá con không nhớ hết!"

"Ai bắt con học những gì thầy nói đâu mà dài với ngắn! Khi thấy chim quạ tới, con chỉ việc chạy u đến, vừa chạy vừa gõ thùng là được rồi, đâu cần phải nói hay đọc cái gì!"

Mắt chú Hiếu sáng rõ lên, chú nói:

"Dạ, vậy thầy để con làm thử coi."

Nói rồi chú đón cái thùng thiếc từ thầy, tự tròng dây vào cổ mình. Vừa chạy chú vừa gõ "tùng, tùng" một cách khoái chí. Chú chạy riết tới bãi phơi lúa. Chú Hân phân bì:

"Bạch thầy, hồi trước con đuổi quạ thầy đâu có dạy con như vậy."

Thầy trầm ngâm một lúc:

"Mỗi người có một tính nết, một căn cơ riêng. Con sẽ giống như thầy tri sự. Lau chùi, quét dọn, giữ gìn cho sạch đất chùa, tích chứa công đức, không để sơ tán, làm gương mẫu giới hạnh cho đồ chúng mai sau."

Chú Hân nghe thầy dạy như vậy có vẻ thích ý lắm, tin tưởng tương lai của mình sẽ vững vàng suông sẽ như đường đi của thầy tri sự. Chú hỏi:

"Chú Hiếu không phải vậy hở, bạch thầy?"

"Không," thầy chỉ nói vậy.

Lúc này chú Hiếu đã trở lại với mặt mày sáng rỡ. Thầy nói với chú trước khi trở vào phương trượng:

"Mỗi ngày khi làm việc đuổi quạ, con hãy nghĩ rằng con là một anh hùng, một chiến sĩ, chiến đấu với những điều xấu xa ác độc của cuộc đời. Nhớ chưa? Vũ khí của con là cái thùng thiếc đó. Gióng nó lên để đuổi giặc như là hồi xưa đức Phật nói giáo lý trung đạo để phá tà ma ngoại đạo vậy. Không hiểu hả? Thôi, đại khái là phải hết sức chiến đấu không chịu thua bao giờ hết. Được chưa? Hiểu chưa?"

"Dạ, hiểu," chú Hiếu đáp nhanh, tay không quên gõ "tùng tùng".

*

Kể từ hôm được trao "vũ khí" và bài học "chiến đấu", chú Hiếu đã thấy hăng hái hơn nhiều. Chú không còn thấy chán và buồn ngủ nữa. Buổi sáng không đợi đi vài kêu nhắc, chú đã túc trực sẵn ở sân phơi lúa với cái thùng thiếc đeo trước ngực. Chim chóc chỉ mới đậu trên cây chưa kịp sà xuống sân là chú đã gõ thùng xua đuổi. Vừa gõ vừa chạy xấn tới, hăng say như lính cảm tử. Chỉ một thời gian ngắn chừng vài ba tháng, chim chóc đã có vẻ như hết dám bén mảng đến sân phơi. Chúng chỉ tập trung trên các cành cây xa thật xa ở ven rào của chùa để chờ cơ hội thuận tiện. Nhưng chú Hiếu đã không cho chúng một cơ hội thuận tiện nào để ăn lúa bắp trên sân phơi nữa. Chú không những là một chiến sĩ anh dũng, mà còn là một chiến sĩ siêng năng, tinh tấn, biết trách nhiệm nữa. Dần dần, chú rút được những kinh nghiệm trong nghề đuổi quạ của mình khiến chú có thể thông thả, ít cực nhọc hơn, không cần phải dùng sức nhiều quá, không cần phải làm "cảm tử", không cần phải quá siêng năng như lúc đầu nữa. Chẳng hạn khi cần phải đi tiểu tiện hay đại tiện, chú không phải kêu gào nhờ đi vài trông coi thay mình: chú cởi áo ra, máng trên một nhánh cây trong chậu kiếng gần sân phơi nhất; cái thùng thiếc cũng được treo lên, lủng lẳng bên cạnh cái áo. Cành mềm làm cho cái áo và cái thùng đu đưa đu đưa y như chú hãy còn đứng đó vậy. Cho nên, chim chóc cũng chẳng dám đến. Lúc đầu, chú chưa dám thực hiện cái mẹo đó vội. Chú treo áo treo thùng lên cành cây xong, chạy vào nhà kho gần đó núp đợi. Thấy thật lâu mà vẫn không có con chim nào dám đáp xuống, chú mới yên tâm áp dụng. Bây giờ thì chú ăn chắc kết quả của mưu mẹo đó rồi. Muốn đi đâu, chú cứ việc treo áo treo thùng lên rồi đi. Quen rồi, sáng kiến càng nảy ra nhiều hơn. Chẳng hạn, thay vì phải cởi áo mình ra, chú lấy cái áo cũ rách đã bỏ của thầy tri sự, treo lên; thay vì cứ ngồi mãi bên sân phơi mà không thấy quân thù nào xuất hiện, chú ra vườn sau hì hục làm sào để thọc ỏi xuống mà ăn; thay vì cứ chăm chăm nhìn ngó bóng chim, chú nằm đại xuống bậc thềm bước lên chánh điện mà ngủ ngon lành. Hai thầy và chú Hân ra đồng, có khi chiều tối mới về; có khi về vào giấc trưa để thợ trai và nghỉ ngơi đâu chừng một tiếng rồi đi lại. Như vậy, chú có ngủ lén một hai giờ đồng hồ cũng chẳng ai hay. Hai đi vài thì cứ lui cui làm việc dưới bếp, có rảnh rỗi đâu mà kiểm soát công việc của chú. Chú nằm chèo queo nơi bậc thềm, ngủ dưới làn gió mát hây hây để chịu từ ruộng đồng thổi vào. Lâu lâu giật mình thức dậy, chú vói tay lấy hai cái dùi gõ vào thùng

một tràng rôm rả, rồi ngủ tiếp. Ấy vậy mà chim chóc cũng không dám đến. Có lẽ chúng đã thực tình sợ hãi và tránh xa vườn chùa dưới sự canh gác gắt gao nghiêm nhặt của "chiến sĩ đuối quạ" này rồi.

Cho đến trưa hôm nay, đang khi ngon giấc bên hiên chùa, chú bỗng nghe tiếng kêu của một giống chim lạ. Tiếng kêu lạ và lớn đến nỗi chú phải vùng thức dậy, dụi mắt, đảo dác nhìn quanh. Chú không thấy con chim đó đâu. Có lẽ nó đang đậu trên một cây cao nào đó gần sân phơi. Chú nhìn quanh sân. Hôm nay chùa phơi một món rất đặc biệt: đậu phụng. Món đậu phụng này rất đắt tiền, đắt hơn lúa bắp, có thể đem ép dầu và làm món muối đậu, ăn rất ngon miệng cho bữa cơm chay. Vì vậy, thầy tri sự dặn chú phải trông coi cho kỹ. Thầy dặn thì dặn, chú thấy chẳng có gì thay đổi trong công việc của chú. Lúa hay bắp cũng gõ từng từng, mà đậu phụng thì cũng gõ từng từng thôi, có gì khác đâu. Khác chẳng là khi phơi lúa bắp, chú không hề đụng chạm gì đến những thứ đó. Còn đậu phụng thì trước khi đánh giã, chú đã ních cho một bụng đã đời rồi. Cái thứ đậu này quý thật! Chú đâu có ý ăn chi cho nhiều, vậy mà cứ lột, cứ bóc vỏ, hết trái đậu này đến trái đậu khác. Dòn dòn, ngọt ngọt, béo! Ăn xong, đem vỏ đi ném tận bờ rào. Trở vỏ, lại muốn ăn, rồi lại đem vỏ đi vứt thật xa nữa. Thật là phiền quá, mất công quá! Vậy mà cứ ăn. Bây giờ, ngồi sật sừ chưa tỉnh hẳn, chú vừa suy nghĩ chuyện đậu phụng, vừa thắc mắc không biết con chim gì đó có thực không hay là chỉ có trong giấc mộng của chú. Đang vật vờ muốn thiu thiu ngủ trở lại, chú bỗng nghe tiếng con chim đó kêu lần nữa: "Kỵ..a.! Kỵ..a.!" Chú đứng hẳn dậy, tay che trán, nhướng mắt nhìn lên cây bồ đề, chỗ phát ra tiếng kêu. Chú thấy rõ ràng một con chim lớn hơn con chim sẻ rất nhiều, mỏ nó dài và hơi cong, lông nó đen mun, dễ sợ. Chú thấy ớn lạnh trong người. Con chim có cái vẻ gì rùng rợn ma quái lắm. Chú nhớ lại lời mô tả của thầy tri sự. "A, đúng rồi! Đây là con quạ! Chết rồi, làm sao đây?" Chú run. Chú sợ. Chú nép vào mé tường rồi len lén rút ra, nấp sau chậu kiếng, nơi chú treo cái áo rách và cái thùng thiếc. Chú nhìn lên cành cây xem con quạ có thấy chú không. Nó thấy. Nó nhìn chú. Nó theo dõi chú. Chú sợ quá, không dám động đậy. Chú ngồi yên sau chậu kiếng, len lén ngược mắt lên nhìn nó.

"Kỵ..a.! Kỵ..a.!" con quạ lại kêu lên những tiếng ghê rợn. Rồi bỗng chốc, hai con quạ khác từ đâu bay ào tới. Ba con cùng đậu trên một cây, lúc lắc đầu cổ như nói với nhau điều gì. Rồi cả ba con cùng cúi đầu ngó xuống chỗ chú nấp. Chú xanh mặt, đổ mồ hôi, run lên, rồi chú vụt bỏ chạy. Chú chạy bán mạng vào Tổ đường, chui xuống dưới bàn thờ, ngồi thờ dốc. Ba con quạ thấy chú vùng dậy thì giật mình tính bay đi nhưng nhìn lại thấy chú chạy xa, bèn hơn hờ rủ nhau sà xuống ăn đậu phụng. Ăn thoải mái. Ăn tại chỗ, khỏi cần phải tha đi đâu.

Dưới bàn thờ Tổ, chú hãy còn run cầm cập. Chú không ngờ con quạ lại có cái vẻ hiểm ác, dữ tợn như vậy. Chú suy tính cách chống trả lại nó. Trốn như vậy lỡ các thầy về biết được thì chết. Chú ăn đậu phụng hồi sáng đã hao lắm rồi, bây giờ để cho quạ ăn thì còn hao nhiều nữa. Quạ mà đáp xuống ăn tỉnh bơ thì những con chim nhát cáy mọi hôm cũng sẽ rủ nhau ùa xuống cho xem. Chú thấp thỏm ngồi không yên, định mò ra lại thì nghe tiếng chân chạy rần rật ngoài sân, rồi nghe tiếng chú Hân hét lên nữa:

"Huớ! huớ! Xịt! xịt! Chú Hiếu đâu! Sao để chim quạ xuống cả bầy cả đàn vậy trời!"

Thấy có chú Hân tiếp cứu chú mừng quá vụt chạy ra:

"Tui đây nè! Mới chạy ra sau chút xíu à!"

"Xạo! Tui đi từ xa nhìn vào thấy chú bỏ chạy rõ ràng!"

"Đâu có!"

"Thôi đừng có cãi. Nói tui nghe, sao chú bỏ chạy? Chú sợ cái gì?"

"Đâu có sợ cái gì đâu?"

"Chút nữa tui mét thầy tri sự cho coi."

"Đừng có mét mà, năn nỉ chú đó."

"Vậy chú nói nghe, chú sợ cái gì mà bỏ chạy?"

Ngập ngừng một hồi, chú đáp:

"Con quạ đó."

"Mô Phậ! Người mà sợ quạ! Đời thuở nào có cái chuyện này nè trời! Sợ cái gì chứ. Thùng của chú đâu sao không gõ?"

"Kia kia."

"Sao không đeo vô người mà treo trên đó?"

Chú không trả lời, đứng phụng phịu, vịn cành cây rồi vùn vệt áo. Chú Hân thấy tội nghiệp bèn đổi giọng:

"Thôi đừng sợ nữa, tui không mét thầy đâu. Còn cái thứ quạ quỷ quái đó lần sau có thấy chú lượm cục đá chọi nó một cái là xong, có gì đâu mà sợ chứ!"

"Lỡ không trúng nó thì sao?"

"Đâu có cần phải trúng. Chọi gần gần nó thôi là nó hoảng kinh bay tuốt hết rồi chứ lo gì!"

"Lỡ trúng nó thì sao?"

"Trúng nó? Thôi chú à, tui đứng đây chú chọi thử coi trúng không mà đòi chọi trúng con quạ biết bay. Làm như chú chọi giỏi lắm vậy. Lo cái chuyện gì đâu. Hao đậu của chùa không lo! Đeo thùng vô đi. Lượm sẵn mấy cục đá để một bên. Ném hết đá thì đi lượm lại. Không có đá thì cứ chạy xấn tới, cầm hai cái dùi của chú quơ quơ lên là chúng bay hết. Quạ cũng giống như chim chứ khác gì đâu. Nó nhỏ xíu như vậy mà cũng sợ!"

Nói rồi chú Hân xuống nhà bếp lo bới xách cơm trưa ra ruộng cho các thầy. Còn lại một mình, chú Hiếu lững thững đi lượm vài cục đá trong sân. Chú thấy phục chú Hân hết sức. Nhờ chú Hân mà chú lấy lại được tự tin. Quyết chiến đấu anh dũng trở lại chứ không để mất nhục khí như khi này.

Khi chú Hân trở ra, chú Hiếu níu tay chú Hân lại nói:

"Cám ơn chú bày tui đuổi quạ. Chú nhớ đừng mét hai thầy nghe"

"Không mét đâu ông Sa di Đuổi Quạ à! Ủa quên, ông Sa di Quạ Đuổi chứ, ha ha, Sa di Quạ Đuổi," vừa nói vừa cười, chú Hân đi tuốt.

Chú Hiếu ngồi lại nơi sân, thấy nhột nhột, quē quē. Chú lượm cục đá ném mạnh lên cây bồ đề, nhưng cục đá lại bay ra sau lưng chú, trúng vào vách chánh điện nghe "bụp" một tiếng. Chú giật mình, quên mất rằng từ nhỏ tới giờ chú chưa hề lấy đá chọi ai. Bây giờ phải tập. Vậy là nghề đuổi quạ cũng cần phải biết thêm chuyện chọi đá nữa.

Chiều hai thầy và chú Hân về, chú Hiếu len lén lủi đi chỗ khác, tránh mặt họ. Dù chú Hân hứa là không mét chuyện hồi trưa, chú Hiếu vẫn cứ sợ. Chú không biết chắc là chú Hân có giữ lời hay không. Thực ra tính ý chú Hân cũng bất thường lắm. Nội chuyện đái dầm của chú Hiếu không là đủ biết chú Hân chẳng quan tâm gì chuyện giữ lời hứa. Chú Hân hứa không nói thầy nghe, vậy rồi thầy nào cũng biết chú Hiếu đái dầm. Cả hai dì vãi cũng biết nữa. Cũng may là thầy trụ trì thương nói vớt cho chú rằng lúc thầy mười hai tuổi thầy vẫn còn đái dầm mỗi tuần hai ba lần.

Thấy chú Hân ra giếng, chú Hiếu chạy ra theo:

"Chú Hân, chú có mét hai thầy không vậy?"

"Không. Không nói gì hết. Yên tâm chưa ông Sa di Quạ Đuổi?"

"Chú đừng kêu tui như vậy nữa mà. Kêu như vậy cũng giống như mét thầy rồi."

"Nhiều chuyện quá! Vào trong đi!"

"Chú hứa đi, hứa đừng mét đừng nói Quạ Đuổi nữa đi!"

Chú Hân bỗng nổi quạ lên:

"Phiền quá hà! Bắt tui hứa nữa! Sợ cái gì chớ!" chú Hân to tiếng lên, cổ tình la thật to, "bị quạ đuổi thì nói là quạ đuổi chứ sợ gì chớ hờ Sa di Quạ Đuổi! Sa di Quạ Đuổi...!"

Biết bịt miệng chú Hân không được, chú Hiếu ôm đầu ôm cổ vùng chạy về phòng mình, ngồi ôm gối khóc thút thít. Tức chú Hân quá sức. Khóc chưa hả cơn bỗng thấy thầy trụ trì bước vào phòng. Chú khóc òa ra. Chú biết thầy trụ trì xuống đỡ dành chú chứ không phải xuống để la rầy đâu. Quả vậy, thầy ngồi bên cạnh chú, vuốt cái chóp nhỏ xíu của chú, an ủi:

"Đừng khóc như vậy mất hết tinh thần chiến đấu bây giờ. Hồi nhỏ thầy cũng như con vậy thôi. Lúc đó chùa có nuôi con gà trống để nó gáy mỗi khuya mà thức dậy tụng kinh. Con gà đó to lắm, dữ dằn lắm. Chùa phoi bắp, thầy ngồi coi. Thấy con gà tới là thầy bỏ chạy để nó muốn ăn bao nhiêu bắp thì ăn. Thực ra, nó đâu có đói gì. Nó có phần bắp đem đến tận nơi cho nó ăn nhưng nó cứ thích ăn bắp phoi ngoài sân ngoài trời vậy. Nó muốn ăn đồ có vẻ thiên nhiên hay sao đó mà. Thì cho nó ăn bắp phoi cũng chẳng sao, nhưng nó ăn được thì gà quanh xóm cho tới chim, quạ, cũng xúm xít bu lại, rất là phiền! Cho nên phải đuổi luôn cả nó. Ăn uống phải có trật tự, nề nếp chớ. Mà đuổi nó thì thầy không dám. Chẳng biết sao thầy cứ sợ nó mà không sợ bất cứ con gà nào khác. Nó đuổi thầy chạy te thì có. Riết rồi mỗi lần muốn ra sân ăn lúa bắp là nó lo đuổi thầy trước rồi ăn sau. Vừa ăn vừa rủ rê gà vịt chim quạ hàng xóm, làm như nó là chủ nhà muốn đãi tiệc láng giềng vậy. Thầy trụ trì hồi đó, tức là sư ông của con, biết được chuyện mới vớt cho thầy một cây roi tre mỏng. Bảo thầy xông đến quất cho nó một trận. Thầy đành liều mà làm theo. Chỉ quất xem xém thôi chứ không cố tình quất ngay nó. Vậy mà cũng trúng đuổi nó một chút, bay mấy cái lông. Nó kêu quang quác, bỏ chạy trời chết. Từ đó về sau, thấy mặt thầy là nó lủi thủi né đi chỗ khác. Vậy đó, đối với chim quạ, hay bất cứ loại nào, con cứ coi chúng như những phiền não quấy phá mình, thầy dạy con điều đó rồi, phải không? Mình phải

quyết tâm thắng nó, phải biết rõ là nó vốn sợ mình, phải biết rõ là mình chắc chắn thắng nó, thì con mới không sợ nó. Biết mình biết người, trăm trận trăm thắng. Chưa biết rõ kẻ thù thì còn có lúc thắng lúc thua, nhưng khi đã biết rồi thì trăm trận trăm thắng chớ. Cũng như khi con chưa biết con quạ thì con sợ, bây giờ biết nó rồi, đâu có sợ nữa, phải không? Con lại có vũ khí nữa, nào đá, nào dùi, nào thùng, nào tay chân to lớn. Nó nhỏ xíu chỉ có cái mỏ thì làm gì thắng được con. Phải không? A lê, nín khóc. Ngày mai ra trận đánh đuổi nó một lần, con sẽ làm chủ tình hình, không ai hơn con được nữa."

*

Ngày mai, và những ngày kế tiếp, chú Hiếu làm chủ lại tình hình, đúng như lời thầy nói. Trăm trận trăm thắng. Không chim không quạ nào dám đến nữa. Chú hăng say đánh đuổi ngay cả những chim những quạ đậu xa lác trên các cành cây, bụi rậm ngoài vườn chùa. Chú không làm chết một con chim nào, chỉ xua đuổi thôi, nhưng chim nào cũng đâm sợ, lánh xa khu vực chùa. Có khi thấy chú từ xa là chim đã vụt bay như thể bị kinh động bởi tiếng gầm của chúa sơn lâm.

Kết quả việc làm của chú bây giờ, theo lời thầy tri sự thừa với thầy trụ trì, tiến xa hơn trước nhiều. Lúa, bắp, đậu xanh, mè, không bị hao chút nào; đậu phụng thì có hao chút chút không đáng kể; chim chóc đi biệt không thấy không nghe tăm dạng hay tiếng kêu riu rít hàng ngày nữa. Thầy trụ trì lắng nghe thầy tri sự báo cáo, nhắm mắt trầm ngâm một lúc rồi nói đùa:

"Không khéo mình lại sống trên một mảnh đất chẳng lành đó nghe"

Thầy tri sự không hiểu ý thầy trụ trì nói gì. Thấy vậy, thầy trụ trì thở dài xua tay cho thầy tri sự rút đi. Chờ thầy tri sự ra khỏi phương trượng rồi, thầy trụ trì ngâm nga:

"Xuân khứ hoa hoàn tại,
Nhân lai điều bất kinh."

(Xuân đi hoa vẫn trên cành
Người về chim hót an lành bên sân).

Buổi tối, thầy trụ trì bảo chú Hân gọi chú Hiếu lên phương trượng. Nghe gọi như vậy chú Hiếu biết là thầy có việc muốn dạy bảo. Chú bận áo tràng trắng hoàng, bước đến chỗ thầy rồi đứng chấp tay một bên chờ đợi.

Thầy gật gù nói:

"Con đuổi quạ được mấy năm rồi?"

"Bạch thầy, năm năm rồi."

"Vậy ra bây giờ con đã mười tuổi?"

"Dạ phải."

"Công việc của con ra sao?"

"Dạ, công việc bình thường."

"Chim chóc còn đến phá nhiều không?"

"Bạch thầy, con ngồi suốt ngày cũng không thấy một con chim nào bay ngang. Hình như chim quạ không đến vùng chùa này nữa. Bây giờ phơi lúa bắp chẳng cần ngồi coi cũng không sao."

"Vắng đến như vậy sao!"

"Dạ, vắng hoe à."

"Vậy con chẳng thấy buồn sao? Con ngồi suốt ngày không có con chim nào để đuổi, để gỡ thùng, không buồn sao!"

"Bạch thầy cái thùng con vất từ lâu rồi, không cần nữa. Còn chim thì còn đuổi, chim hết đến rồi thì con chỉ ngồi học kinh, học chữ Hán thôi."

"Con chưa trả lời thầy. Thầy hỏi con có thấy buồn không khi chùa có cây có vườn, có bóng mát, có mái cong, có hang có hốc, có rường có cột, vậy mà chẳng con chim nào dám ghé tới? Buồn không?"

"Bạch thầy, con không biết nữa... Con cũng thấy buồn, nhưng con không biết làm sao. Thầy bảo con đuổi chim đuổi quạ thì con đuổi, con đâu có biết làm sao!"

"Năm xưa thầy cũng đuổi quạ đuổi chim như con. Con có biết lúc thầy sung sướng nhất là lúc nào không? Là mỗi lúc chim rón rén đáp xuống ăn lúa, thầy thấy mà giả đò làm lơ cho chúng ăn. Điều vui nhất trên đời không phải là nhìn thấy kẻ khác sung sướng hay sao!"

"Có lúc con cũng muốn như vậy nhưng con sợ thầy tri sự bắt phạt quỳ nhang. Thầy nói mất một hột lúa thì phải quỳ một cây nhang."

"Khó đến vậy sao! Hèn gì... Thôi được, con về phòng đi. Ngày mai thầy tri sự và chú Hân về thành, mà lúa cũng mới gặt xong nên thầy không phải ra đồng. Thầy muốn sớm mai con theo thầy đi đến một chỗ này, được không?"

"Bạch thầy, con muốn theo thầy."

"Tốt lắm, về ngủ đi"

*

Sớm tinh mơ là thầy tri sự và chú Hân đã lên đường. Chú Hiếu định ngủ nướng thêm một chút trước khi trời sáng thì thầy trụ trì đã tăng hắng mấy tiếng ngoài cửa. Chú vùng dậy, dụi mắt. Thầy đứng bên ngoài nói vọng vào:

"Con đã thức chưa?"

"Bạch thầy rồi."

"Đi được chưa?"

"Bạch thầy được ạ."

Ra khỏi phòng, chú thấy thầy bung một cái thùng lớn. Có cái nón lá của thầy đập kín miệng

thúng nên chú không biết được cái gì bên trong. Thầy không cho chú bưng, chỉ bảo chú đi theo. Chú nghĩ chắc là ra đồng làm gì đây, một công việc đồng áng chú không đoán nổi.

Hai thầy trò lặng lẽ ra khỏi chùa, đi vòng quanh bờ rào chùa để ra phía sau vườn chùa, băng ngang một nghĩa địa, rồi ngang một bãi cát rộng đi hoài chẳng thấy dứt. Thình thoảng có một chiếc xe bò đi ngược chiều, chở đầy rơm. Mùi lúa quện lẫn hơi sương làm mát cả buồng phổi.

Mặt trời chưa mọc hẳn, còn ẩn sau lớp mây dày. Sương đêm hãy còn phủ mờ chung quanh. Đường đi mờ mờ mịt mịt. Chỉ có thầy là bước đi không ngập ngừng. Chú xách dép lên chạy theo mới kịp thầy. Chú có cảm giác như thầy dẫn chú đi lên trời hay đến một cõi tiên nào vậy.

Qua khỏi bãi cát rộng thì đến chân một ngọn đồi. Đứng ra là một gò đất cao, cỏ mọc thưa thớt. Trên gò chỉ có vài cây me cao nhưng cũng đủ tạo nên vẻ rậm rịt um tùm cho gò đất. Hai thầy trò nghỉ một chập dưới chân gò rồi hì hục leo dốc đi lên. Trên gò có một khoảng đất trống rộng hơn sân chùa. Thầy nói hồi xưa đây là chỗ họp làng. Từ ngày xây đình và chùa Phước Tân trong làng, đất này bỏ trống, họa hoằn lắm mới có người rủ nhau lên chơi vào những đêm sáng trăng. Thầy đặt thúng xuống đất, ngồi nghỉ. Chú Hiếu chưa biết thầy muốn lên đây làm gì nhưng chú chưa dám hỏi. Chú cũng ngồi xuống nghỉ chân. Thầy nói:

"Chờ trời sáng ta hãy làm việc. À, chú thấy có gì khác lạ ở đây không?"

Chú nhìn quanh rồi nói:

"Không có nhà cửa."

"Gì nữa?"

Im lặng quan sát một lúc lâu, chú đáp:

"Không gì hết trơn."

Thầy bật cười:

"Sao lại không được? Cây cao nè, sẽ có bóng mát suốt ngày nè. Có chim chóc, có ve, có côn trùng kêu riu rít, rĩ rả suốt ngày nè. Bộ con không nghe gì hết sao?â€™"

"Dạ tại con cứ nghĩ thầy hỏi thấy gì không chứ nghe thì con nghe tiếng chim kêu từ lúc chưa bước lên đây rồi. Thầy muốn con đuổi chúng không, bạch thầy?"

"Không. Ngồi chơi đi. Quên phút cái nghề đuổi quạ của con đi!"

Hai thầy trò ngồi im lặng bên nhau. Nắng lên cao dần. Đình gò như được ưu tiên đón nhận ánh nắng sớm hơn bên dưới. Chim chóc càng lúc càng hót vang trên những nhánh me để đón chào một ngày mới. Gió từ ruộng đồng phàn phật thổi qua nghe vi vút. Thầy nhìn qua chú hỏi:

"Con nghe tiếng chim thể nào?"

Chú ấp úng một lúc rồi nói:

"Vui quá!"

Thầy cười rồi đứng dậy, ôm cái thúng ra giữa khoảnh đất trống. Chú lon ton chạy theo. Thầy lại đặt cái thúng xuống đất, lật cái nón lá ra, chú nhìn vào: lúa. Một thúng đầy lúa. Chú ngạc nhiên nhìn thúng lúa chưa hiểu gì thì thầy đã ngồi xuống lấy hai tay vốc lúa lên, nói:

"Lúa chắc hột quá, lúa ngon quá! Con thấy không?"

"Dạ, lúa đẹp quá."

Rồi thầy vụt đứng dậy, vung tay, vung tay. Lúa bay tứ phía, lúa bay lên cao, tung vãi khắp nơi. Thầy hét lên trong tiếng gió reo:

"Vãi lúa đi con, vãi khắp nơi cho chim quạ ăn!"

Chú hơi khựng một lúc, thấy thầy cứ tiếp tục đứng rồi khom, khom rồi đứng, vốc lúa ra mà vãi, chú mới cúi xuống thọc hai tay vào thúng, nắm từng nắm lúa, tung ra, tung ra. Gió đưa lúa bay cao, bay xa. Chim chóc ào ào bay đến. Hàng chục con, hàng trăm con. Lúa bay, bay, dính trên áo nâu, trên tay, trên đầu, trên vai hai thầy trò. Rồi thầy ném lúa vào áo chú, chú ném lúa lại trên áo thầy. Hai thầy trò vừa tung lúa vừa cười, vừa giỡn như hai đứa trẻ. Chim từ các nơi xa, riu rít bay đến từng đàn. Tung tăng ăn lúa. Những cái đầu gục gặc mổ lia lịa. Rồi những con quạ đen nữa, thấy chim đủ loài từ đâu tụ về, chúng cũng theo tới. Chim từ khắp hướng, từ đồng ruộng, từ vườn rau, từ các bụi rậm, ò ạt kéo đến.

Tung vãi hết thúng lúa, hai thầy trò đứng lại giữa bãi chim, cười hề hả. Rồi thầy lấy hai tay bụm miệng kêu hú như gọi muôn chim về dự hội. Nét mặt chú Hiếu tươi vui hơn bao giờ. Từ ngày bước chân vào chùa làm Sa di Đuổi Quạ đến giờ, có lẽ đây là lần đầu tiên chú thấy hạnh phúc nhất. Chim quạ không sợ hãi tránh né chú. Chú không sợ hãi hay xua ghét chim quạ. Có con chim đậu mổ những hạt lúa dính trên vai áo của chú. Có con chim đậu trên tay thầy. Chú nhìn quanh. Đâu cũng là chim. Đâu cũng thấy quạ. Mà tâm chú vẫn cứ an bình lặng lẽ, không bị thôi thúc bởi công việc hay trách nhiệm đấu tranh, chiến thắng. Chú sung sướng vừa cười vừa khóc vừa dang hai tay chạy giỡn giữa một trời chim chóc. Gió đuổi theo vạt áo nâu phất phới của chú. Chim chóc như nhảy nhót đón chào chú. Thầy đứng nhìn theo, thấy chú hân hoan vui mừng và tự do như một cánh chim giữa đất trời hoang dại.

Chú bé Phật

Hôm nay là một ngày đẹp trời mà lại được nghỉ lễ nữa, nên ông Sự cảm thấy vui vẻ, thoải mái ngay từ khi rời khỏi giường để đi tắm. Tắm xong, ông Sự chọn cái áo sơ mi còn tốt nhất để mặc với cái quần tây mà hàng ngày ông mặc đi làm. Ông đang đứng trước gương thì thấy Lâm.

"Lâm, con đã tắm chưa? Bận đồ vô đi chùa với ba," ông Sự vừa chải đầu vừa nói với Lâm. Cậu bé mãi lo lục soạn gì đó trong tủ áo, không nghe thấy.

Chải đầu xong, ông Sự bước đến chỗ con, lại thúc giục:

"Nãy giờ chưa chọn được cái áo nào vừa ý sao, ông tướng của tui?"

"Dạ? Ba nói gì vậy?" Lâm ngược lên hỏi.

"Ba bảo con lẹ lên, đến giờ làm lễ rồi. Con có nghe tiếng chuông trống không?"

"Con nghe rồi. Ba đi trước đi, con qua sau cũng được mà. Chùa gần kề bên nhà mà ba sợ con đi lạc hả?"

Ông Sự ngập ngừng một lúc rồi nói:

"Cũng được. Vậy con qua sau nghe Nhớ bận đồ sạch sẽ, đàng hoàng. Hôm nay Lễ Phật đàn đó nghe con."

"Dạ, con nhớ mà."

Ông Sự đi rồi, Lâm lại tiếp tục tìm kiếm gì đó trong ngăn áo quần của mình. Sau cùng, Lâm nhét một vật vào cái túi ni-lông mà cậu để sẵn bên cạnh. Xong, cậu đi vòng qua chỗ nằm của bà ngoại để xuống bếp.

"Cháu Lâm đó hả?" bà ngoại Lâm hỏi.

"Dạ cháu đây ngoại," vừa trả lời, Lâm vừa dấu cái túi ni-lông sau đít nhưng sức nhớ lại là bà ngoại bị mù nên cậu yên tâm xách cái túi đi luôn xuống bếp. Cậu ạch mở nắp thạp gạo rạ Cái nắp bằng đất nung nặng khiếp đối với vóc người tí hon của Lâm khiến cậu xiểng liểng gần té.

"Gì vậy cháu? Kiếm cái gì trong thạp gạo? Chuối hả? Chưa chín đâu!" bà ngoại từ nhà trên nói vọng xuống.

"Dạ, chuối chưa chín ngoại à!"

Lâm trả lời ngoại nhưng tay cậu cứ mò trong thạp tìm cái lon. Lâm xúc gạo vào một cái túi ni-lông khác. Một lon, hai lon, ba lon... Lâm nhìn thử, rồi nhấc cái túi lên coi nặng nhẹ. Lại xúc. Bốn lon, năm lon. Vừa rồi. Cậu vừa ý rồi. Nhưng túm cái miệng túi lại để mang đi mới là chuyện khó. Cậu chẳng biết phải làm sao. Cuối cùng, cậu mở túm bếp lò ra một cái bao (loại bao đựng cát của quân đội mà người ta gọi tắt là bao cát). Lâm trút túi ni-lông gạo vào đó; rồi cái túi ni-lông còn lại kia đựng món đồ gì đó còm cộm, mềm mềm, cậu cũng thồn chung vào luôn một thể. Xong công việc đó, cậu phủi tay, mặt hí hửng lắm. Rồi cậu rón rén vác cái bao đi về phía chùa.

Thực ra, Lâm đã có mặt ở chùa từ sáng sớm vì mẹ cậu ở lại đêm tại chùa để giúp dì Tám nấu cơm chay đãi bá tánh hôm nay. Lúc đầu, Lâm còn phụ giúp mẹ làm được vài việc vặt vãnh, nhưng càng lúc người đến chùa và vào bếp làm công quả càng đông hơn khiến vai trò của cậu trở nên thừa thãi. Mẹ cậu mới bảo cậu về tắm rửa thay đồ để đi cùng ba đến lễ Phật. Từ nhà bếp ra trai đường (nhà ăn), ngang phòng khách, băng qua sân trước, Lâm hầu như phải lách bên đông, né bên Tây để khỏi bị người lớn tung nhảm hoặc dẫm phải chân. Người đông lắm. Ai cũng cười cười nói nói. Quang cảnh vui như ngày Tết. Bọn con nít lên năm lên sáu như cậu đứa nào cũng mặc đồ mới, đẹp. Có đứa còn bận áo dài nữa, trông ngộ ghê là ngộ. Cậu đứng lại ở sân chùa nhìn bọn chúng một chặp rồi mới bỏ về. Cậu nhất quyết là phải về tắm rửa sạch sẽ và bận một bộ đồ mới nhất của cậu cho bọn trẻ kia biết mặt. Hừm, chúng nó cậu từ đầu đến chân như ngằm ý chê cậu không có đồ mới vậy! Lâm nhớ rằng bộ đồ ba sắm cho cậu hôm Tết vừa rồi cậu chỉ mới mặc vào mấy ngày Tết đó thôi, hãy còn mới lắm. Mặc vào, cậu sẽ không thua sút tụi kia đâu. Nghĩ vậy, cậu nhanh chân chạy ra khỏi chùa. Nhưng ra khỏi cổng, Lâm bất ngờ đụng phải một thằng bé dơ dáy. Cả hai cùng té nhào và cùng lồm cồm ngồi dậy. Thằng bé kia bị đánh rơi một cái ca nhôm móp méo và bắn, trong ca nhôm văng ra mấy đồng cắc. Nó lật đật lượm tiền bỏ lại vào trong cạp. Nó nhìn Lâm như muốn gây sự nhưng không hiểu

sao nó lại thôi, và nó quay lưng tiến về phía một người đàn ông đang nằm dưới đất gần đó. Một người ăn xin tàn tật. Hai tay ông ta cựa gài tới nách. Hai chân thì chỉ có từ đầu gối trở lên. Tay chân ông đều được bọc bằng vỏ xe hơi, đo và cắt vừa tầm, cột chặt vào các cùi để có thể lết đi được trên đường. Mắt ông bị lòa cả hai con. Mũi thì sứt mất chừa lại một cái lỗ sâu hoắm. Hai môi ông thì còn đủ nhưng không ngậm lại được, phải luôn luôn há ra để lộ cái lưỡi di động, thụt thò, giật giật như thể một con rắn đang vùng vẫy trong miệng hang vậy. Cậu bé Lâm đứng chết sững một chỗ nhìn người đàn ông tật nguyên khốn khổ kia. Trong khi đó, thằng bé dơ dáy kia lại tiếp tục cầm ca nhôm đưa qua đưa lại xin tiền những người đến chùa. Nó đọc tới đọc lui một câu thuộc lòng, nhưng ai nghe và thấy cảnh đó cũng muốn ứa lệ:

"Các chú, các bác, các dì, các cô ơi! Cho con xin một đồng mua cháo cho ba con. Ba con tật nguyên không xin, không nói cảm ơn cô bác được. Con xin thay ba con lạy tạ cô bác..."

Khi bước gần đến chỗ Lâm, nó bỗng khựng lại, không nói lời van xin nữa, chỉ im lặng cầm cái ca hướng về mọi người. Nó có vẻ ngượng và tủi khi thấy Lâm nhìn mình. Nó quay về bên cạnh ba nó, đặt cái ca nhôm dưới đất, ngồi thần thờ chẳng ngước nhìn ai. Lâm vẫn đứng chôn chân một chỗ nhìn hai cha con người ăn xin. Một chốc, Lâm bỗng vùng chạy về nhà. Vừa chạy, nước mắt cậu vừa rớt ở trên đường.

Và bây giờ, cậu mang cái bao trên vai, trở lại chỗ hai cha con người ăn xin kia. Cậu đứng một lúc ở xa xa, chờ khi vắng người mới tiến lại phía thằng bé ăn mày. Hai đứa bé ngáp ngừng ngó nhau. Rồi thằng bé ăn xin quay mặt chỗ khác. Bé Lâm đặt túi vải xuống đất, gần chỗ người đàn ông tật nguyên, nói với thằng bé kia:

"Tao cho mày đó, lấy đi!"

Thằng bé không nói gì nhưng mắt nhìn xuống cái túi vải, không dấu được vui mừng. Lâm nói:

"Có gạo ở trống. Với áo quần của tao nữa. Tao tên Lâm. Mày tên gì vậy?"

"Tao tên Bường," thằng bé trả lời mà trong giọng nó như gói theo lời cảm ơn cậu bé Lâm.

"Mày có má không?" Lâm hỏi.

Bường ngó lơ chỗ khác. Một chặp nó mới trả lời:

"Có, mà má tao bỏ đi luôn rồi."

Nói tới đó, Bường ngồi xuống khóc hu hu. Lâm cũng khóc theo Bường. Trong trí óc non nớt, Lâm không làm sao tưởng tượng được nổi là có thể có một người mẹ nào lại bỏ con đi luôn. Bây giờ nghe Bường nói, Lâm thấy trong lòng nao nao lên một nỗi bơ vơ kỳ lạ như thể chính cậu đang ở trong hoàn cảnh của Bường vậy. Và chẳng biết phải an ủi sao, Lâm đành khóc theo bạn. Đến khi thấy có người tới, Lâm mới nói với Bường:

"Thôi, tao vô chùa tụng kinh Phật đản nghe"

Vừa bước đi, Lâm vừa nghĩ đến mẹ. Ôi sao mẹ Lâm dịu hiền, dễ thương quá. Sao mẹ thương Lâm quá. Từ miếng bánh, cái kẹo, cho đến miếng cơm, manh áo, tập vở đi học... thứ chi mẹ cũng chăm sóc cho Lâm đầy đủ. Ngoài ra, hàng ngày, hàng đêm, Lâm không bao giờ thấy thiếu hình bóng mẹ với vòng tay thương yêu, với những nụ hôn trìu mến... Biết bao là hạnh phúc êm đềm Lâm được hưởng từ mẹ. Còn thằng Bường... Trời ơi! Sao mẹ nó có thể bỏ nó được! Tội

ngiệp nó quá! Sống một đời không có mẹ thì làm sao chịu nổi. Lâm rơm rớm nước mắt, tưởng tượng nếu mẹ bỏ mình như mẹ Bường bỏ nó, chắc Lâm sẽ khóc suốt ngày đêm chứ không nói chuyện được như Bường đâu.

Lâm không bước vào chánh điện được vì quá đông người. Cậu mon men đi vòng quanh phía ngoài để tìm cửa sổ ngó vào bên trong chánh điện, đồng thời là để kiểm xem mẹ mình đang đứng ở đâu. Không thấy mẹ đâu cả, tự nhiên Lâm thấy quý. Lâm thẳng thốt chen vào đám người đứng quanh hành lang chánh điện. Cuối cùng, Lâm mới thấy mẹ đứng bên cạnh quả đại hồng chung; mẹ đang chú tâm tụng niệm, hai tay chấp hương về phía Phật. Lâm bắt kể mẹ đang làm gì, chạy tới ôm chầm ngang hông mẹ. Mẹ Lâm giật mình, ngó xuống, hơi khó chịu một chút, nhưng rồi cũng vui liền khi biết đó là Lâm. Mẹ không nói gì, chỉ đưa tay ra dấu Lâm yên lặng. Lâm tui ngửi một chút, rồi níu tay mẹ giặt giặt mấy cái. Mẹ cúi xuống hỏi nhỏ:

"Con muốn gì vậy? Không thấy mẹ đang tụng kinh sao?"

Lâm ngập ngừng một lúc rồi cũng nói nhỏ giọng như mẹ:

"Mẹ có bỏ con không mẹ?"

Mẹ Lâm trợn mắt chẳng hiểu chuyện gì, nhưng rồi bà cũng cười phì, ôm Lâm thật chặt một lúc, nói:

"Không có con chắc mẹ chết luôn! Làm sao bỏ con được!"

Lâm tin ngay. Không cần hỏi lại. Lâm biết, mẹ lúc nào cũng nói thật với mình. Và những lời bà vừa nói là những lời rất thật. Mẹ không thể nào xa Lâm được, cũng như Lâm không thể nào thiếu mẹ được cả. Lâm yên tâm, không thắc mắc gì nữa. Cậu nói với mẹ:

"Vậy con đi nghe, ở đây con không thấy gì hết, người ta che con hết trơn rồi."

"ừ, con qua phía cửa sổ kia là nhìn vào được."

Chen được đến khung cửa sổ, nhìn vào trong, Lâm thấy các sư cô đang múc nước trong một cái chậu lớn và rưới lên tượng một chú bé đặt ở giữa chậu. Cậu chẳng hiểu tại sao các sư cô làm như vậy. Cậu cũng chẳng hiểu chú bé đứng trong chậu là ai. Nhưng trong cái vẻ cung kính trọng vọng của các sư cô và những người Phật tử đứng chung quanh, cậu cũng cảm thấy trong lòng nảy sinh một niềm cảm kích to lớn đối với chú bé trong chậu nước đó. Cậu đang đứng quan sát bức tượng chú bé trong chậu bỗng có người đặt tay lên đầu mình. Cậu ngước lên và bắt gặp bà

"Ba, ba ở ngoài này hả?"

"ừ, ba vào trễ nên đứng ngoài. đừng ồn con, đang làm lễ tắm Phật đó."

"Tắm Phật hả bà Em bé trong thau là Phật hả bà"

Ông Sư phì cười nhưng cũng vội bịt miệng con lại:

"Suýt, nói tầm bậy. Chút nữa về ba kể sự tích đức Phật cho con nghe"

Lễ xong, hai cha con cùng ở lại ăn cơm chay tại chùa. Sau đó, ông Sư dắt bé Lâm về. Nhiều

người ăn xin tràn vào tới tận thềm chánh điện, ngồi la liệt hai bên lối đi dẫn ra cổng chùa. Bé Lâm nói với ba nó:

"Ba, cho người ta tiền đi bạ"

"đông quá ba đâu có cho hết được."

"Cho mỗi người một đồng thôi mà."

"Cũng không có nữa. Họ khổ, họ nghèo, ba biết, nhưng con có biết là ba cũng đi làm cực khổ lắm mới nuôi được bà ngoại, mẹ con và hai cha con mình không! Con có biết là ba phải dành dụm từng đồng để mua sắm áo quần cho con đi học, mua gạo cho cả nhà ăn. Lúc nào ba cũng lo, cũng sợ trong nhà thiếu hụt. Còn mẹ con, không có tiền cúng dường Phật đản, đem công sức ra nấu nướng thức đêm thức hôm mà cúng dường đó."

Bé Lâm im lặng nghe ba nói. Cậu thấy thương ba quá và cậu ôm lấy bạ Ông Sự đứng lại xoa đầu con:

"Ba nói vậy thôi chứ khi nào có tiền ba cũng biết giúp đỡ người nghèo mà. Còn con, con phải ngoan ngoãn, rón học giỏi, sau này thành tài, có tiền có bạc thì mới giúp đỡ nhiều người được."

Bé Lâm như chẳng để ý lời ông vừa nói, ngược lên hỏi:

"Ba à, nếu con làm hao tổn của ba, ba có ghét con không?"

"Xi! Con nít mà hao tổn bao nhiêu lắm! Ủa, mà sao con hỏi vậy? Con làm đổ bể cái gì ở nhà phải không?"

"Không có, không có mà bạ Nhưng... con..."

"Con làm sao?"

"Con xúc gạo ở nhà đem cho người tạ"

"Vậy hả? đâu có sao. Con làm vậy là tốt. Nhưng sau này con muốn cho ai cái gì cứ nói ba biết, nghe không?"

"Dạ," Lâm tính nói thêm là ngoài gạo ra cậu còn cho đi thứ khác nữa. Nhưng ông Sự đã kéo cậu đi Ông hỏi:

"Con xúc gạo cho hết mấy người ăn xin này đó hả?"

"đâu có. Con cho có một người thôi. Ba mà thấy người đó ba cũng thương nữa. Giống như chú bé Phật đứng trong thau nước đó ba à. Tội nghiệp lắm. Ba nó... Má nó bỏ nó đó ba à."

Ông Sự chẳng để ý chuyện ba má thằng bé nào hết, ông chỉ thấy vui vui khi con mình ví một thằng bé khác với đức Phật. Ông cười to:

"đâu, chú bé đó đâu, chỉ ba xem."

Lâm kéo tay ông Sự ra ngoài cổng. Lúc đó, Bường đã mặc chiếc áo ca rô mới của Lâm vào.

Chiếc áo mà Lâm tính mặc đi dự lễ Phật đản hôm nay để cho bọn trẻ nhà giàu khỏi khinh. Lâm thấy Bường mặc áo của mình thì sung sướng là món quà đã làm Bường thích nhưng cậu cũng vừa lo sợ ông Sự la mắng hoặc đập cho một trận. Lâm nơm nớp ngược nhìn ba, chờ đợi thái độ của ông.

Ông Sự cũng đứng chết lặng trước cảnh tượng một đứa bé ăn xin cầm chiếc ca nhôm van lạy sự thương cảm của mọi người để nuôi nấng người cha tật nguyền suốt đời nằm vạ dưới đất. Lúc này đến chùa, vì vội vã và vì đám đông che khuất, ông đã không kịp nhìn thấy cảnh này. Bây giờ, ông sững người ra nhìn hai cha con người ăn xin. Đứa bé trạc tuổi con ông. Dơ dáy, nhưng khuôn mặt có vẻ sáng láng khôi ngô đúng như lời bé Lâm nói, giống như một đức Phật. Tắm rửa sạch sẽ thì không khác gì chú bé Phật đứng trong thau nước trên chánh điện cả. Chiếc áo mà thằng bé ăn xin đang mặc là chiếc áo ông Sự mới sắm cho Lâm dịp Tết. Ông nhìn thoáng là biết ngay. Ông cúi xuống nhìn con. Bé Lâm ngược lên thấy cha rơm rớm nước mắt.

"Ba ơi, ba không giận con hở ba"

"Không. Con làm đúng lắm. Con làm đúng lắm. Ba vui lắm con à!"

Lâm sung sướng ôm lấy ba, rồi lại ngược lên nói:

"Ba thấy không, nó giống chú bé Phật trong chùa phải không ba"

"Ừ, giống lắm. Và con, con cũng giống chú bé Phật vô cùng."

Phụ đính:

Về một bài thơ thiền mùa xuân

Bài thơ xuân trong cửa thiền được nhiều người biết đến nhất, có thể nói là bài "Cáo tật thị chúng" của Mãn Giác, một thiền sư Việt Nam thế kỷ thứ XI, thời Lý, cách đây gần một ngàn năm.

Bài thơ ấy thực ra không phải là một bài thơ. Không phải là thơ vì thiền sư, thực ra, đã không làm thơ. Chỉ có thể nói được rằng vào một lúc tâm tư tịch lặng an nhiên nhất, khi những thăng trầm của thế sự không còn là điều bận lòng với mình, khi những cánh hoa tan tác rơi rụng không làm tâm hồn xao xuyến, hãi sợ nữa; và khi, chính sự biến thiên của vạn hữu vô thường ấy lại ảnh hiện về trường cửu bất diệt của chân tâm, thiền sư bất chợt bật lên một tiếng kinh ngạc, hốt nhiên giác ngộ tính cách bất nhị của bản thể và hiện tượng giới. Lặng lặng cảm nhận niềm an lạc và trí tuệ vô biên đó, thiền sư đóng cửa, cáo bệnh, không bước ra khỏi phương trượng để sinh hoạt với đệ tử như mọi khi. Các đệ tử châu chực bên ngoài, lo âu, bồn chồn, như linh cảm rằng thầy mình sắp từ giã cuộc đời. Đến chiều tối, để không phụ lòng các đệ tử đang quan tâm đến mình, thiền sư mỉm cười thảo một bài kệ ngắn, gởi ra ngoài cho đại chúng. Bài kệ ấy trở thành những lời dạy cuối cùng ân cần, cảm động và siêu thoát nhất của thiền sư để lại cho đệ tử. Và ngôn ngữ của một kẻ giác ngộ, đứng trên đỉnh cao chói vót của trí tuệ, dù không đẽo gọt, uốn nắn, tìm chữ, sắp đặt ý lời, đã vô tình trở nên thơ. Bài kệ, hay bài thơ "Cáo tật thị chúng" (Cáo bệnh để dạy đệ tử) ấy, trở thành bài thơ bất hủ của nhân loại:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai

Sự trực nhãn tiền quá
Lão từng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Bài thơ nguyên gốc bằng chữ Hán, đã được phiên âm Hán-Việt như trên và cũng đã có khá nhiều bản dịch Việt ngữ từ nhiều năm nay. Trong số những bản dịch ấy, có lẽ bản dịch của Ngô Tất Tố là sớm nhất, và có thể là bản được biết đến nhiều nhất:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mặt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.

Mới đây, tôi được đọc thêm bản dịch của họa sĩ Võ Đình, từ Maryland gửi qua:

Xuân đi, trăm hoa rã
Xuân đến, trăm hoa khai.
Xem chuyện đời trước mắt
Tóc trên đầu đã phai.
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Tối qua, vườn trước một cành mai.

Họa sĩ Võ Đình cũng cho biết (qua Bản Tin Trung Tâm Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ—số tháng 5/93) là bài thơ của thiền sư Mãn Giác còn được dịch ra tiếng Anh với tựa đề "Rebirth" (Tái sanh) bởi giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, và còn được phổ thành nhạc Mỹ bởi cô Carey Creed trong tập nhạc Plum Branch (Cành Mai) của cô. Bản tin của Trung Tâm Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ còn cho biết cô Carey Creed đã lấy chữ "chi mai" (cành mai) trong bài thi kệ của thiền sư để đặt tựa đề chung cho tập nhạc của mình.

Bản tin kết luận: "Như vậy, sức mạnh truyền đạt của một bài thơ đã quá rõ: nó vượt qua một nghìn năm và đi từ Đông sang Tây, rồi lại còn hóa thân từ Hán-Việt sang tiếng Anh, để vươn lên thành một bản nhạc Mỹ của hôm nay. Đó mới thật là sự thần diệu của văn hóa."

Đọc xong bản tin ấy, tôi thấy vui nhiều lắm, chẳng hiểu vì sao. Có lẽ vì tôi đã nhập tâm bài thơ ấy từ thuở nhỏ. Cũng có thể vì bài thơ ấy lưu lại kỷ niệm đẹp giữa tôi và vị ân sư đã viên tịch. Mà cũng có thể vì một niềm hãnh diện nào đó... (Phải hãnh diện chứ! Một đệ tử Phật hãnh diện về bài thơ của một thiền sư; một người Việt Nam hiện tại hãnh diện về một bài thơ của một người Việt Nam xa xưa. Chuyện rất thường!).

Nhưng, càng hãnh diện, tôi càng thấy lo trong lòng làm sao ấy. Lo rằng: không khéo, qua nhiều lần dịch, nhiều lần hóa thân, bài thơ sẽ được hiểu hoặc được diễn tả bằng một cách rất khác, xa hẳn với bối cảnh và tâm tư của tác giả thời trước để rồi một bài thi kệ dạy đệ tử về thiền đạo trở thành một bài thơ rất thường của một thi nhân. Tôi không có ý nói rằng thơ của thi nhân thế tục là tầm thường hoặc dở, còn thơ của thiền sư thì độc đáo, hay. Tôi chỉ muốn nói rằng, mặc dù giữa thiền sư và thi nhân có những điểm rất giống, nhưng trong khi mỗi thiền sư giác ngộ thực sự đều có thể là những thi nhân ngoại hạng thì những thi nhân ngoại hạng không chắc đã là những thiền sư. Như vậy, thơ thiền, tuy cũng là thơ nhưng khác thơ ở chỗ nó còn đảm nhận vai trò dẫn đạo cho thiền giả tu tập. Thế nên, cần phải dịch thơ thiền một cách thận trọng. Không những dịch một cách rất thơ, mà còn phải dịch một cách rất thiền nữa (thi vị và thiền vị).

Đọc thơ, hay hoặc dở, phần lớn là do nghệ thuật diễn đạt của thi nhân, nhưng mặt khác, cũng do mức độ cảm nhận và thưởng thức của người đọc nữa. Cho nên, không phải bài thơ hay nào cũng hay. Chẳng hạn khi đọc Chế Lan Viên với những câu:

"Tôi có chờ đâu có đợi đâu
Đem chi xuân lại gợi thêm sầu
Vội tôi tất cả đều vô nghĩa
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau..."

ai cũng khen hay—nhất là những thanh niên ở tuổi mới lớn, kể cả tôi hồi đó, thích bị đau khổ, cô đơn để cảm thấy mình trưởng thành. Nhưng thử đem đọc vào một lúc mà tâm tư thấy an lạc, hạnh phúc nhất thì bài thơ ấy nghe sao vô duyên, thậm! Đọc thơ là để sống với, sống trong, hay sống cùng thi nhân nỗi buồn vui biến động của nhân tình. Thơ thất tình thì đọc nghe buồn. Thơ yêu thì đọc thấy băng khuâng, xao xuyến... Nhưng nếu bài thơ của thi nhân chẳng làm chúng ta rung động được (vì thơ không đạt, hoặc không thích hợp với cảm quan của mình) thì cũng chẳng có gì đáng tiếc xảy ra. Vô hại! Lỡ có người muốn hiểu khác đi, hoặc phiên dịch thành một bài thơ mà chính thi nhân tác giả cũng không hiểu nổi, thì cũng chẳng sao cả. Còn bài thi kệ của thiền sư để lại cho đệ tử thì khác. Nó không phải là một bài thơ thông thường; không phải loại ca dao, phong dao dạy về luân lý để phổ biến trong dân gian; cũng không phải là loại sấm ký truyền đạo để quảng bá cho thập phương bá tánh đủ mọi thành phần đều hiểu. Thiền sư chỉ thảo bài thi kệ ấy cho những đệ tử thân cận, có căn cơ, và nhất là có hoài bão giải thoát giác ngộ, để dẫn dắt họ trên đường thực nghiệm tâm linh (thuật ngữ Phật giáo gọi là khai thị). Nếu một bài thi kệ được dân gian đón nhận như một bài thơ đẹp ở một khía cạnh nào đó thì điều ấy cũng không phải là chủ đích của thiền sư. Thi kệ giống như một công án, một khẩu quyết, một chìa khóa để mở cánh cửa thiền, một bản đồ để hướng dẫn kẻ lữ khách quay về quê xưa. Như vậy, phiên dịch hay diễn giải bài thi kệ là một việc làm rất nguy hiểm. Diễn dịch sai ý cũng giống như đưa trật chìa khóa, như vẽ bản đồ sai để cho thiền giả, cho lữ khách, phải đi lạc mãi, vòng vo mãi, chẳng thể nào bước vào, hay trở về với căn nhà xưa được nữa.

Cho nên, những gì tôi muốn trình bày sau đây, không phải là để nói lên sự hiểu biết hay kiến thức của mình về thơ, về thiền học; mà chỉ là sự cố gắng chia sẻ sự cảm nhận của mình đối với bài thi kệ của thiền sư Mãn Giác mà thôi. Bởi vì, ai cũng biết, một thiền sư không bao giờ làm thi kệ để chứng tỏ kiến thức. Thiền sư chỉ nói những gì ông đã chứng nghiệm trong đời sống tâm linh. Và khi chúng ta bàn về các thi kệ của ông, chúng ta cũng chỉ có thể lạm bàn được bằng sự cảm nhận của chúng ta mà thôi.

*

Thực ra, bản chữ Hán của thiền sư không có những chữ khó mà toàn những chữ đơn giản, dễ hiểu, đến nỗi một người không biết chữ Hán cũng có thể dịch được từ bản phiên âm Hán-Việt. Nhưng chính vì thiền sư dùng những chữ quá đơn sơ, giản dị, nên ai cũng thấy mình có khả năng chuyển ngữ, và ai đọc vào cũng nghĩ mình đã hiểu rõ rồi, chẳng cần phải phân tích hay tìm hiểu, khám phá gì thêm ý nghĩa ẩn tàng bên trong những ngôn từ hay ngụ ý gói ghém ngay nơi cách thể trình bày cuộc đời và tâm cảm của thiền sư. Huống chi, trong chuyện dịch thơ—dù dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, rất gần gũi—cũng khó ai dám tự tin mình đã lột được cái tứ của tác giả một cách thần tình, chính xác. Cho dù lột được ý, cũng khó bắt kịp lời, tức là cách diễn đạt xuất thần và khéo léo một cách tự nhiên của tác giả.

Đọc các bản dịch:

Về phương diện lời, chúng ta có thể đọc lại bản dịch của Ngô Tất Tố và Võ Đình nói trên. Ở hai bản dịch, hai câu đầu đều đi sát với bản chính.

Thiền sư nói:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai.
Ngô Tất Tố dịch là:
Xuân đi trăm hoa rụng.
Xuân đến trăm hoa cười.

Còn Võ Đình dịch:

Xuân đi, trăm hoa rã.
Xuân đến, trăm hoa khai.

Câu đầu, Ngô Tất Tố dịch thật sát nghĩa đen, chữ sao dịch vậy. Đọc chữ lạc là tự nhiên ông phải nghĩ đến chữ rụng, nên khỏi cần tìm chữ nào khác để thay thế mà lời vẫn cứ tự nhiên, hay. Họa sĩ Võ Đình dịch chữ lạc là rã, cũng hay, không xa nghĩa chính mà nghe còn linh động, nên thơ, lạc quan hơn là rụng.

Câu thứ hai, Ngô Tất Tố dịch chữ khai (nở hoa) là cười. Kiểm được một chữ thoát cái nghĩa đen gốc như vậy mà vẫn nói được chính xác nghĩa của câu thì quả là tài tình; tài tình đến độ chúng ta có cố gắng tìm một chữ khác để khỏi bị trùng với ông, cũng không sao tìm ra nổi chữ thứ hai thơ hơn (huống chi chữ cười cũng giữ được cước vận trong câu). Cho nên cũng chẳng ngạc nhiên khi họa sĩ Võ Đình dùng lại y nguyên chữ Hán-Việt: hoa khai dịch là hoa khai. Có thể là họa sĩ Võ Đình cố ý dùng chữ hoa khai đó với một chủ đích nào đó mà tôi chưa nắm được. Nhưng dù sao, chữ khai ở đây cũng khiến cho một số người không rành tiếng Hán-Việt phải lúng túng.

Như vậy, ở hai câu đầu, hai bản dịch đều khéo, chẳng có gì phải phàn nàn. Qua hai câu kế tiếp, mới thực là có vấn đề.

Thiền sư nói:

Sự trực nhãn tiền quá
Lão từng đầu thượng lai.
Ngô Tất Tố dịch:
Trước mặt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi.

Họa sĩ Võ Đình thì:

Xem chuyện đời trước mắt
Tóc trên đầu đã phai.

Thiền sư mô tả hiện tượng xảy ra trước mắt với một tâm tư bất động, khách quan, không gán ghép, không đánh giá gì sự vật cả, cho nên thiền sư không dùng trạng từ, cũng không dùng tính từ trong các câu của mình (chữ bách là tính từ, nhưng bách hoa là danh từ kép). Chỉ nhìn sự vật biến thiên chứ không bình luận. Từ câu này qua câu kia là sự lên xuống chập chùng của những động từ:

Xuân khứ, bách hoa lạc
Xuân đáo, bách hoa khai
Sự trực nhãn tiền quá
Lão từng đầu thượng lai.

Bốn câu, hai chục chữ, mà đã có tới sáu động từ và không một tính từ hay trạng từ nào cả. Rõ ràng đó là một cách tả chân rất khách quan hơn cả thứ văn thơ hiện thực hiện đại. Phải là một

tâm tư tịch nhiên vắng lặng mới có thể dùng được thứ ngôn ngữ có vẻ như lạnh lùng mà lại nên thơ như vậy. Cho nên, khi Ngô Tất Tố dịch:

Trước mặt việc đi mãi

Trên đầu già đến rồi

thì có cái gì đó chưa được ổn.

Thứ nhất, sự dịch là việc, tuy rằng đúng chính xác ở nghĩa đen, nhưng xét cho cùng thì việc chẳng nói lên cái gì rõ ràng cả. Chữ sự ấy, nếu dịch là đời, hay việc đời, chuyện đời (như họa sĩ Võ Đình đã dùng), hoặc là thế sự mới hợp lý.

Thứ hai, Ngô Tất Tố dịch chữ quá là đi. Cách dịch này nghe phớt qua thì chẳng có gì nguy hại, đi hay qua cũng đều diễn tả sự vận chuyển của một sự thể nào đó thôi. Nhưng, xét sâu hơn trong ý nghĩa của từ vựng, người ta thấy rằng đi có thể bao hàm điểm khởi hành, trong khi qua thì thường không nhất thiết phải biết chỗ xuất phát của sự thể từ đâu. Trước mặt việc đi mãi diễn tả sự việc rời chủ thể mà đi, vẽ nên một sự ly cách theo chiều thẳng dọc; và hết sự thể này đến sự thể khác, khởi hành từ vị trí của chủ thể mà đi thẳng tới phía trước, chủ thể đứng lại nhìn theo và chỉ thấy những sự thể bỏ đi ở phía sau lưng của chúng. Có thể lấy hình ảnh một người tiễn đưa một người khác đi xa để thấy rõ hơn về chữ đi đó. Kẻ ở đứng lại dõi theo bóng người đi khuất dần đằng xa. Hình ảnh đó cũng cho thấy tâm tư người ở lại bám theo người đi (vậy cái tâm của thiền sư cũng vướng mắc vào sự việc đi mãi ở trước mặt). Hai chữ trước mặt rõ ràng cũng góp thêm cho sự diễn tả cách thế ra đi ấy. Trước mặt khác với trước mắt. Trước mặt giới hạn khách thể (đối tượng) trong phạm vi đối diện: cái gì ngay phía trước thì thấy; và khi muốn diễn tả cái đi mãi của sự việc, nó cho ta cảm tưởng là chủ thể di động: thiền sư quay mặt nhìn tới đâu cũng thấy sự vật bỏ đi, đi mãi. Trong khi đó, chữ trước mắt thực ra cũng không khác gì lắm, vẫn là giới hạn những gì xảy ra ở phía trước; nhưng nó cho phép người ta hình dung được là chủ thể đang ở thế tĩnh, còn khách thể thì động. Nhờ ở thế tĩnh mà cái nhìn của chủ thể về cuộc đời được rõ ràng hơn, khách quan hơn. Nhất là việc đời ấy lại được diễn tả là qua. Sự trực nhãn tiền quá (đời qua trước mắt). Chữ qua ấy không nói sự ly cách giữa chủ thể và khách thể: chỉ nói sự việc trôi qua, đi ngang ở trước mắt. Sự thể không bỏ đi (mãi). Sự thể trôi qua trước mắt vị thiền sư, rất khác với đi mãi trước mặt học giả Ngô Tất Tố.

Thứ ba, trạng từ mãi để bổ túc cho động từ đi cũng là một chữ không được ổn cho bài thiền kệ. Cách dùng thêm một trạng từ cho câu đó, xét về mặt văn chương, chẳng gì quá đáng, nhưng xét theo từ văn của thiền sư thì một chữ mãi đó đã phá tan cái vẻ tự tại an nhiên của tác giả rồi.

Trước mặt việc đi mãi

Đi mãi! Nghe như là than thở vậy! Nghe như là thiền sư chẳng muốn sự việc phải trôi mãi vậy!
Nghe như là thiền sư thấy buồn khi sự việc trôi qua vậy! Chữ mãi đó làm hỏng cả bài thơ.

Chưa hết, câu kế tiếp, Ngô Tất Tố dịch:

Trên đầu già đến rồi.

Không thể nói chữ rồi ở đây là một trạng từ bổ nghĩa cho động từ đến để đối (biên ngẫu) với trạng từ mãi bổ nghĩa cho động từ đi ở câu trên. Chữ rồi ở cuối câu trên chỉ là một hư từ (expletive), y hệt chữ liễu bên tiếng Tàu. Nếu là hư từ thì có nó hay không, nghĩa câu cũng không thay đổi. Nhưng trường hợp chữ rồi trong câu này, nó khiến cho nghĩa của câu trở thành khác.

Thử đọc hai câu sau chúng ta sẽ thấy sự khác nhau ấy:

— Trên đầu già đến (hay già đến trên đầu)

— Trên đầu già đến rồi.

Trong câu thứ nhất sự già được mô tả một cách bình thản. Cái già kéo đến trên đầu. Chỉ là một sự kiện, một hiện tượng. Không thấy sự biểu lộ cảm xúc buồn hay vui nào.

Ở câu thứ nhì, chúng ta thấy tâm hồn người diễn tả đã có xao động, bấn khoăn, buồn nhẹ. Trên đầu già đến rồi. Nghe như một tiếng thở dài. Người đọc có cảm tưởng là vị thi sĩ thiền sư đang rầu rĩ, lo âu trước cảnh vật đổi sao dời. Thôi rồi! Hết rồi! Tàn đời rồi! Tôi đã già rồi!

Thiền sư chỉ tả sự thế trôi qua, chứ không nói chúng trôi qua mãi; chỉ nói cái già kéo đến trên đầu, chứ không nói nó đến rồi!

Sự trực nhãn tiền quá
Lão từng đầu thượng lai.

Rất là bình thản, vô tư, như ngọn núi, như mặt nước, như bầu trời nhìn ngó đám mây bay qua.

Cho nên, dù muốn dù không—và dù rất nhiều người, kể cả tôi, từng trích đăng bản dịch của Ngô Tất Tố khi nhắc đến bài thi kệ của thiền sư Mãn Giác—cũng đành chịu lỗi để nói rằng hai chữ mãi và rồi (nếu không muốn nói là trọn hai câu) của Ngô Tất Tố không được ổn cho lắm. Và cách dịch của Ngô Tất Tố chỉ đạt khi được nhìn ở phương diện thơ. Ông dịch rất tài. Ông rất thành công trong việc dịch thơ Hán văn. Nhưng ông đã thất bại khi dịch bài thiền thi ấy.

Quay qua bản dịch của họa sĩ Võ Đình. Ở hai câu mà Ngô Tất Tố dùng hai chữ mãi và rồi nói trên, anh họa sĩ, kiêm văn thi sĩ Võ Đình đã dịch một cách rất thoát như sau:

[Xem chuyện đời trước mắt](#)
[Tóc trên đầu đã phai.](#)

Đọc lên là thấy bồi hồi, thấy run. Hơi thơ đi nhẹ mà lại buồn héo hắt, buồn không thở được. Anh dịch thoát, diễn tả khác, nhưng vẫn giữ được ý. Chữ sự dịch là chuyện đời, rất hay và rõ ràng hơn là chữ việc của Ngô Tất Tố. Chữ nhãn tiền dịch là trước mắt cũng chính xác hơn trước mặt. Bản dịch của họa sĩ Võ Đình không những thi vị mà còn có thiền chất nữa, vượt hẳn bản của Ngô Tất Tố, ít nhất cũng ở cái nhìn rất khách quan, không than thở buồn rầu về nỗi biến thiên của muôn sự trước mắt.

Xem chuyện đời trước mắt

Chỉ xem, chỉ nhìn thôi, chứ không đặt tên hay bình phẩm gì chuyện đời cả. Nói như vậy là nói đúng theo cách nói của thiền sư. Tuy nhiên, hình như vẫn còn cái gì đó hơi vướng mắc trong câu ấy. Thiền sư nói: Đời trước mắt trôi qua, diễn tả về động của khách thể. Họa sĩ Võ Đình nói: Xem chuyện đời trước mắt, là nói cái động của chủ thể. Động từ trong câu ấy thay vì dùng cho sự việc thì nay được dùng cho thiền sư. Thiền sư nhìn chuyện đời trước mắt. Chuyện đời trở thành tĩnh và thiền sư trở nên động. Đọc lại toàn bài thi kệ, chúng ta thấy thiền sư đã không nói gì về mình cả. Thiền sư không có mặt trong bài thơ, hay ít nhất, chủ từ tôi hoặc sở hữu tính từ của tôi cũng đều vắng mặt trong bài thơ ấy. Những chữ nhãn tiền, đầu thượng (trước mắt, trên đầu) nếu được hiểu là trước mắt và trên đầu của thiền sư thì lối diễn tả không chủ thể trong toàn bài cũng cho ta thấy ông không vướng kẹt gì vào những cái của ấy cả.

Sự trực nhãn tiền quá
Lão tùng đầu thượng lai.

Riêng tôi, tôi không thấy bất cứ hình dáng nào của thiền sư trong bài kệ ấy. Trước mắt, trên đầu, không nhất thiết phải là của thiền sư, mà có thể của bất cứ ai. Thiền sư không có cái tôi. Thiền sư không xem, không thấy vật thể. Chỉ có vật thể trôi qua, trôi qua trước mắt:

Sự trực nhãn tiền quá.
(Đời trước mắt trôi qua).

Ở câu kế tiếp, thiền sư nói:
Lão tùng đầu thượng lai.

Họa sĩ Võ Đình dịch bóng bẩy như sau:
Tóc trên đầu đã phai.

Dịch thơ như vậy, xét về mặt văn chương, thì quá đạt. Như có nói ở trên, đọc qua là thấy run. Thực tế phũ phàng được phơi bày, không chút úp mở. Người phương Tây quen với văn chương hiện thực hẳn phải chịu họa sĩ Võ Đình ở chỗ đó. Thiền sư không nói chuyện tóc bạc, tóc phai, tóc muối tiêu, tóc pha sương gì hết. Chỉ nói sự già (hay tuổi già) kéo đến trên đầu. Một lối nói khéo của người Đông phương. Họa sĩ Võ Đình không chịu sự úp mở đó, hoặc anh muốn nói huých toe.t, nói thẳng thừng thực tế tóc bạc là tóc bạc cho người đọc, nhất là các bạn phương Tây của mình để lĩnh hội hơn. Tóc trên đầu đã phai. Chữ phai trong câu này không phải tĩnh từ, mà là một động từ. Tóc phai, diễn tả tóc thay đổi màu chứ không nói màu (tính chất) của tóc. Như vậy, họa sĩ cũng không dùng tĩnh từ hay trạng từ cho thơ, y như cách diễn đạt trong nguyên tác của thiền sư. Nhưng anh ác quá, anh nói thực quá! Anh nhập vai thiền sư, quan sát cuộc đời trước mắt, nhưng diễn lại bài thi kệ ấy theo hoàn cảnh của anh; vì vậy, anh quên một điều còn thực tế hơn, rằng thiền sư không có tóc (có chăng cũng chưa dài khỏi một phân tây). Dù một tháng không cạo lại, tóc thiền sư cũng chỉ lúp xúp đầu chừng nửa phân. Ngắn cùn như vậy nên dù còn tóc trên đầu, người ta vẫn nói rằng các nhà sư không có tóc. Không có tóc nên thiền sư không thể diễn tả tóc bạc, tóc phai; chỉ nói cái già kéo đến trên đầu, vừa khéo, vừa đúng với hoàn cảnh nhà sư của mình. Họa sĩ Võ Đình là một nghệ sĩ ẩn cư (như một đạo sĩ) trên một ngọn đồi ở xứ lạnh Maryland nên lười hớt tóc (dù có lúc họa sĩ rất muốn cạo tóc làm sử). Họa sĩ thường để tóc dài, có khi muốn chấm vai, nên đầu có quên nhìn thấy tóc mình phai hàng ngày. Họa sĩ nói thẳng chuyện tóc phai đó là phải rồi. (Nhưng nếu họa sĩ nói với mọi người rằng thiền sư đã nói chuyện tóc phai thì chẳng khác gì anh đùa ghẹo—tiếng Huế gọi là ngắng —với các nhà sư đấy nhé!).

Tóm lại, trong hai bản dịch nói trên, có đôi chỗ cần bàn, cần sửa chữa đôi chút cho sát với lời lẫn ý của thiền sư Mãn Giác hơn. Nhưng khi chưa có một bản dịch hoàn chỉnh, thiết tưởng nên dùng bản dịch của Võ Đình hơn là của Ngô Tất Tố. Vì bản dịch của Võ Đình có phong thái tự tại, khách quan, trung thực so với nguyên tác.

Còn nếu dựa vào bản dịch của cả hai vị nói trên để đề nghị một bản dịch mới, có thể tạm dịch một cách không nên thơ nhưng giữ được nguyên vẹn cách diễn đạt của tác giả như sau:

Xuân đi, trăm hoa rơi
Xuân đến, trăm hoa cười.
Chuyện đời trước mắt trôi
Tuổi già trên đầu lại.
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Ngoài sân, đêm trước, một cành mai.

Đó chỉ là gợi ý cho các dịch giả thi sĩ. Ở đây chỉ dám đề nghị làm sao dịch những câu ấy mà không chêm vào trạng từ hay tính từ để mô tả thuộc tính hay đặc tính của sự việc; và làm sao vẫn tôn trọng cách thể phô diễn cuộc đời một cách khách quan của tác giả, giữ nguyên được các động từ mà tác giả sử dụng một cách linh động trong toàn thể bài.

Đóa hoa hay cành mai ?

Ở trên, chúng ta đã không bàn đến hai câu cuối của hai bản dịch. Lý do là vì cả hai bản đều dịch sát với nguyên tác, không sai một chữ, (chỉ có đảo một chút trong vị trí của hai cụm từ đình tiền với tạc dạ) nên không có gì phải bàn. Tuy nhiên, vì có hai tác giả khác nói và hiểu về bài thi kệ Cáo tật thị chúng này một cách rất khác—nhất là đối với hai câu cuối, nên nhân tiện cũng xin mổ xẻ đôi lời.

Thiền sư nói:

[Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận](#)

[Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.](#)

(Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết

Ngoài sân, đêm trước, một cành mai)

Đọc chữ xuân tàn , người ta đoán bài thi kệ được sáng tác vào lúc cuối xuân. Nhưng trở lại hai câu đầu, theo thứ tự câu, cũng là thứ tự của thời gian, chúng ta thấy rằng không phải xuân tàn, mà xuân mới đến.

[Xuân khứ bách hoa lạc](#)

[Xuân đáo bách hoa khai.](#)

Nếu là lúc tàn xuân, tự dưng thiền sư phải nói ngược lại là:

[Xuân đáo bách hoa khai](#)

[Xuân khứ bách hoa lạc.](#)

Vậy có thể đoán rằng khi mùa xuân đến, thiền sư lặng lẽ nhìn thế cuộc trôi qua, hoa rơi, hoa nở, sinh, trụ, hoại, diệt... bao biến dịch, đổi thay, vùn vụt kéo qua trước mắt. Điều này không phải chỉ mới xảy ra vào mùa xuân năm ấy. Điều này không phải thiền sư mới biết, mới thấy lần đầu. Thiền sư đã từng lặng ngắm thế sự phù hư trôi qua như vậy từ nhiều năm. Nhưng bây giờ, vào lúc tuổi xế chiều, đứng ở khoảng giữa hai bờ sinh diệt còn mắt, thiền sư trực nhận một cách triệt để hơn về tính cách bất biến vô sanh của chân tâm, thấy được bản thể mình vốn tịch nhiên, vắng lặng và bất sanh bất diệt như vậy từ xưa đến nay, và mãi mãi về sau. Trong tâm thái an nhiên đó, thiền sư viết nên bài kệ, qua đó, bóng dáng của khổ đau, của sợ hãi , lo âu, đều vắng bật. Thiền sư không băn khoăn về sự còn, mất, thăng trầm của bản thân, của vạn hữu vì chính trong sự biến thiên ấy, ông đã trực ngộ cái trường cửu bất diệt. Không phải một thế giới hay một cái gì bất diệt ở ngoài cuộc đời, hay bên kia cuộc đời, mà chính ngay trong cuộc đời đó. Thiền sư không cần phải thấy một cành mai vật chất ở ngoài sân nữa. Thiền sư cũng không cần phải thấy một cành mai ngay bây giờ nữa. Thiền sư nói:

[Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết](#)

[Ngoài sân, đêm trước, một cành mai.](#)

Sự xác quyết về lẽ bất sinh bất diệt của chân tâm khiến ông không cần phải bước ra vườn lần nữa để xem cành mai đêm qua có còn nở hoa trước sân hôm nay hay không. Chân tâm, một khi đã chứng ngộ, không bao giờ có thể mất, tàn, phai, héo, úa, chết đi được nữa. Vậy thì cái mà đêm qua thiền sư nhìn thấy đó, không bao giờ mất đi cả. Và thực ra, cành mai ấy, cũng chỉ là một cách nói, một cách để diễn tả cái gì mà kẻ khác không thấy được. Cành mai không phải

là cành mai. Đã chắc gì thiền sư có bước ra vườn vào đêm qua hay vào những ngày đóng cửa nhập thất ấy! Đã chắc gì thiền sư nhìn thấy cành mai ở trước sân! Có thể thiền sư chỉ nói về chân tâm mà thôi. Nhưng thôi, cứ cho là thiền sư đã nhìn thấy cành mai trước sân vào đêm qua. Chúng ta đọc lại:

Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Ngoài sân, đêm trước, một cành mai.

Nói theo văn xuôi là: đừng cho rằng khi xuân tàn hoa sẽ rụng hết nhé! Bởi vì, rõ ràng đêm qua có một cành mai nở hoa trước sân. Không cần dịch ra văn xuôi cũng thấy rằng trong hai câu ấy, chẳng có chỗ nào nói rằng chỉ còn độc nhất một nụ hoa, hay một cái chồi nhỏ xíu nứt ra từ cành mai. Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết / Đêm qua sân trước, một cành mai. Mệnh đề hoa rụng hết của câu trên khiến người ta phải nghĩ ngay rằng cụm từ một cành mai ở câu dưới phải là một cành mai có hoa, và không phải là một nụ hoa duy nhất hay một cái chồi duy nhất. Điểm nào, mấu chốt nào trong bài thơ khiến người ta có thể tưởng tượng rằng lúc đó hoa lá bên ngoài đều xác xơ, không còn một bông hoa và chỉ còn duy nhất một bông mai nở trên cành mai trước sân chùa? Ta hãy đọc thử một đoạn đối thoại của ông giáo Văn với cô con gái tên Nam trong Mùa Biển Động của nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Sau khi đọc bài thi kệ "Cáo tật thị chúng" (Nhất Chi Mai) bằng âm Hán-Việt, ông Văn nói với con gái:

—... Con thấy không, một đóa hoa mai nở đơn độc giữa cảnh trăm hoa rơi rụng tan tác, đóa hoa còn đó sau một đêm bão táp mưa gió, đẹp quá! Giữ được tâm an nhiên lặng lẽ giữa cuộc sống bụi bặm xô bồ này, ba ao ước được như thế!

Nam thì thảo vì cảm động:

— Con cũng vậy!

Cách nghĩ của ông Văn chỉ là thái độ của kẻ sĩ trong thời loạn. Đó là cách giữ khí tiết của Nho sĩ, chẳng phải là phong thái của thiền sư. Thiền sư không phải là một đóa hoa đơn độc nở lặng lẽ giữa cõi đời bụi bặm. Thiền sư cũng như mọi người, cùng có mặt trên cuộc đời, cùng chịu những vùi dập của cuộc đời và cuối cùng cũng tàn phai, rơi rụng. Thiền sư không giữ cho tâm không vướng bụi trần; vì khi giác ngộ, đã thể nghiệm được chân tâm thì không cần phải giữ tâm. Cái tâm đó vốn bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh... thì chẳng lo gì việc giữ gìn, chế ngự nữa. Thiền sư cũng không đứng ngoài cuộc đời. Ông bước vào cuộc đời như mọi người, nhưng nhìn thấy được cái trường cửu ngay trong chính cuộc phù sinh ấy. Thái độ thoát ly cuộc đời theo kiểu ông Văn ảnh hưởng tư tưởng Nho gia, Đạo gia hơn là từ Thiền gia.

Tôi cũng không nghĩ rằng lúc đó hoa lá bên ngoài xơ xác, tàn tạ; trái lại là khác. Muôn hoa đang nở rộ, và cành mai mà thiền sư nói đến cũng đang nở rộ. Bởi vì, lúc đó là lúc xuân mới đến. Xuân đáo, bách hoa khai. Hai câu kế tiếp nói việc đời trôi qua, tuổi già kéo đến, chẳng nói gì cảnh tàn tạ của hoa cỏ bên ngoài. Chỉ nhân mùa xuân đến, bên ngoài thiên hạ nô nức đón xuân, đón Tết, thiền sư nhìn cuộc đời trôi qua và nhớ rằng tuổi đời của mình cũng theo thời gian mà tăng thêm. Nhưng có một cái không sinh, cho nên cũng không bao giờ diệt mất. Cái đó vượt khỏi vòng chi phối của thời gian, của ngoại giới. Từ sự cảm nhận đó, thiền sư biết dù mùa xuân rồi sẽ tàn, nhưng hoa sẽ không rụng hết. Nếu có rụng hết đi chẳng nữa, thì hiện tượng tàn, rụng, vẫn là những biểu hiện khác của bản thể vô sinh.

Tôi cũng không nghĩ rằng bài thi kệ của thiền sư Mãn Giác nói đến tính cách bất tử của con người và hiện tượng giới qua sự luân chuyển tuần hoàn. Không phải vì những hoa này rụng hết rồi sẽ có những hoa khác nhú mầm mọc lên, hoặc là hoa rụng xuống đất biến thành phân bón cho gốc rễ để rồi được hóa thân thành những lá hay hoa khác, vậy là bất tử, vậy là khỏi lo lắng

gì về chuyện sinh diệt còn mất nữa! Chuyện sinh tử đâu có giải quyết bằng niềm an ủi được tái sinh!

Cho nên, tôi cũng không đồng ý với nhà văn Minh Tâm (N.P.), tác giả cuốn *Tim Phật Ở Đâu?* khi ông diễn tả tâm và cảnh vị thiền sư ra vườn như sau:

"Sống rồi chết, chết rồi lại sống, xuân qua thì hoa rụng, nhưng sự sống vẫn tiềm tàng trong thân cây. Chúng ta hãy tưởng tượng một buổi sáng cuối đông, sắp bước sang xuân, Thiền sư Mãn Giác già nua nhưng còn khỏe, tinh thần còn sáng suốt, chống gậy trúc ra thăm vườn. Những cây mai trơ trụi khẳng khiu cần cỗi chịu đựng những làn gió rét, thân cây xác xơ không còn một chiếc lá, một bông hoa. Cây mai đã chết trong mùa đông giá lạnh rồi chăng? Thiền sư đến gần và thấy trên một cành mai đã nhú ra một chồi non xanh tươi; sự sống đã xuất hiện đem vui cho đời và báo tin một mùa xuân ấm áp sắp tới."

Đọc đoạn trên, tôi thấy tội nghiệp cho vị thiền sư già nua. Tuổi già đã làm cho ông nao núng, bần khoản, nghi hoặc, và hình như ông không có đủ bản lĩnh để sống an nhiên ở cuối đời. Cho nên mới tự hỏi: "Cây mai đã chết trong mùa đông giá lạnh rồi chăng?" Và khi đến gần, thấy một chồi non lú ra, thiền sư vui mừng, biết rằng dù tiết đông đã tàn phá hết những bông hoa trong vườn nhưng mùa xuân đến sẽ làm cho cây cỏ xanh tươi trở lại. Vô thường không hủy diệt tất cả. Không phải mọi sự phải tan biến, mất hết. Vì, "sự sống đã xuất hiện..."

Tiếp sau đoạn đó, nhà văn Minh Tâm diễn tả "thiền sư thấy lòng thanh thản, không vui không buồn, mà trực nhận luật Trời..." Và những câu kệ tiếp rất cao siêu, rất bác lãm, nói được cái thường nhiên tuyệt đối của bản thể, nhưng rõ ràng là những câu sau này lại không ăn khớp với cách diễn tả thiền sư ra vườn ở trên, và cũng khác với một đoạn trước đó:

"Con người sinh ra trên trái đất thì làm sao thoát khỏi những luật lệ thiên nhiên, tuy vô hình nhưng sự trói buộc thật chặt chẽ. Việc sống chết tuy là đại sự, nhưng nếu biết là không tránh được thì cứ vui mà đón nhận, cái gì phải đến thì cứ mặc cho nó đến, chẳng thêm bận lòng; trong lúc còn sống thì cứ sống cho đầy đủ với đạo lý, không nghĩ gì đến quá khứ, không lo gì đến vị lai, chỉ biết có hiện tại "như thế, như thế."

Gộp chung lại cách diễn đạt của ông, chúng ta thấy vị thiền sư chưa đạt đạo. Vị thiền sư né tránh vấn đề sinh tử, không dám nhìn thẳng vào thực tế, hoặc chấp nhận nó một cách miễn cưỡng: "nhưng nếu biết là tránh không được thì cứ vui mà đón nhận, cái gì đến thì cứ mặc cho nó đến." Đó đâu phải là cách giải quyết sinh tử. Đó cũng đâu phải là phong thái của thiền sư giác ngộ. Đối với vấn đề sinh tử, thiền sư không né tránh, cũng không ngó lơ để mặc nó đến thì đến. Thiền sư cũng không sống thuận theo luật Trời (Thiên lý) tức là vui lòng chấp nhận sự biến dịch như là điều tự nhiên, để được an vui. Đó là tư tưởng Nho gia, Đạo gia. Đâu phải Thiền học. Và khi đã chứng nghiệm được thực tại tuyệt đối rồi, thiền sư trở nên bất tử ngay giữa dòng sinh tử; thiền sư thấy bản thể mình vốn bất sinh bất diệt; và bằng cái thấy đó, ông thoát ly sinh tử mà không cần phải hy vọng hay tìm kiếm sự an ủi nào trong việc tái sinh. Từ bản tâm vắng lặng, sinh tử đối với ông là huyền hóa, không thật. Đã không thật thì nó không làm ông hãi sợ nữa. Cho nên, không phải thuận theo lý Trời mà sống để có an vui, cũng không phải tin tưởng mình còn được tái sinh để cảm thấy bất tử. Bất tử không phải là sống mãi trong hay theo cái thường nhiên của vạn hữu (theo cách hiểu là mình sẽ được tái sinh, hoặc luân chuyển, hoặc hóa thân để tiếp tục một vận hành mới trong vũ trụ chứ không mất hẳn). Bất tử có được là nhờ ở sự chứng nghiệm lý vô sanh. Thấy được tự tánh mình vốn vô sanh (bất sanh bất diệt) thì không còn vướng mắc sinh tử nữa ("Nào ngờ tự tánh vốn sẵn thanh tịnh, Nào ngờ tự tánh vốn chẳng diệt-sinh..." (Huệ Năng, kinh Pháp Bảo Đàn). Chuyện sinh tử lúc ấy, đối với thiền sư, không còn là chuyện cần giải quyết, đối phó, hay giữ tâm như vậy như kia nữa. Cho

dù có tái sinh (vì hạnh nguyện độ sanh) thì việc tái sinh ấy cũng vốn là bất sinh. Mà đã bất sinh, thì cũng bất diệt. Biết chắc như vậy rồi thì đâu có thắc mắc cảnh mai sân trước đã chết hay còn sống!

Tóm lại, quan niệm nhất chi mai là một đóa hoa mai hay một chồi non duy nhất hình như không ăn khớp với toàn thể bài thi kệ. Ngô Tất Tố và họa sĩ Võ Đình đã đúng khi dịch nguyên chữ nhất chi mai thành một cành mai. Chi là cành, nhánh; không phải là một đóa, một cái. Nhưng điều này cũng không quan trọng lắm. Quan trọng nhất là đừng đem hoặc gán ghép tư tưởng Nho gia, Đạo gia vào một bài thiền thi, và đừng cho rằng bài thiền thi ấy được viết ra chỉ để an ủi con người trước sự sinh ly tử biệt của cuộc đời. Bởi vì, nếu không chứng nghiệm được thực tại tuyệt đối thì không có sự an ủi hứa hẹn nào có thể giải quyết được vấn đề khổ đau sinh tử cả.

Và để kết thúc bài viết này, chúng ta thử nhìn lại xem chỗ độc đáo nhất của bài thơ, tụ hội ở câu cuối cùng:

Ngoài sân, đêm trước, một cành mai.

Chúng ta thấy, trong khi năm câu trước đó phô diễn một thế giới linh động với sự nhảy múa dập dờn của các động từ, thì ở câu cuối cùng, không có động từ nào cả. Xin đọc lại:

[Xuân khứ, bách hoa lạc](#)

[Xuân đáo, bách hoa khai](#)

[Sự trực nhãn tiền quá](#)

[Lão từng đầu thượng lai](#)

[Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận](#)

[Đình tiền - tạc dạ - nhất chi mai.](#)

Không phải ngẫu nhiên mà tác giả bỏ sót động từ trong câu cuối. Văn học hiện đại không lạ gì với lối hành văn vượt nguyên tắc văn phạm như thế; nhưng ở thế kỷ XI, thời đại của thiền sư, lối viết như vậy quả là mới mẻ, độc đáo, đầy sáng tạo. Ngoài sân, đêm trước, một cành mai. Ba cụm từ rời rạc, vậy mà đọc lên vẫn rõ nghĩa. Cái độc đáo không phải chỉ ở chỗ đó, mà còn ở tiết điệu. Từ đầu bài, chúng ta thấy hơi thơ ngắn, mạnh, mô tả cuộc đời phăng phăng trôi qua với những thăng trầm, chuyển dịch:

[Xuân khứ, bách hoa lạc](#)

[Xuân đáo, bách hoa khai](#)

[Sự trực nhãn tiền quá](#)

[Lão từng đầu thượng lai](#)

Đến câu thứ năm, hơi thơ đột nhiên chuyển sang nhịp điệu nhẹ hơn nhưng mang cả một nghịch đề phủ nhận triệt để, khiến người đọc không khỏi bàng hoàng, và kinh ngạc:

[Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận.](#)

Không phải kinh ngạc, bàng hoàng như bị mất mát, hụt hẫng; mà vì giật mình thức ngộ rằng chẳng có cái gì bị mất đi. Vì sao? Bởi vì:

[Đình tiền, tạc dạ, nhất chi mai.](#)

Người ta nói một sinh thể được xem là hiện hữu là do ở cái dụng (sự hoạt dụng) của nó. Trong văn phạm, cái dụng của sinh thể được diễn tả bằng động từ chính trong câu. Tức là một câu chỉ hoàn bị khi nào có chủ từ (subject) và động từ chính (main verb). Một chủ từ được coi là chủ từ, tức thực sự hiện hữu, khi nó làm chủ một động từ theo sau. Ở đây, thiền sư chứng minh điều đó là vớ vẩn: câu cuối của bài thi kệ không có và không cần động từ. Tất cả các pháp vốn là

không (chân không), nhưng vẫn hiện hữu một cách màu nhiệm (diệu hữu). Tất cả các pháp có sinh có diệt, nhưng vẫn thường tịch vô sinh.

Đình tiền , đứng ra phải dịch là trước sân chứ không phải là sân trước (tiền đình), là cụm từ chỉ nơi chốn, nhưng vì câu không có động từ (và không có chủ từ), vai trò thực sự của nó trở thành như một danh từ riêng biệt. Tạc dạ (đêm qua) cũng vậy, là cụm từ chỉ thời gian, nhưng có nhiệm vụ như một danh từ kép độc lập trong câu. Nhất chi mai thì rõ ràng là cụm từ chỉ vật thể (mà ai đọc vào cũng nghĩ là chủ từ của câu, nhưng thực ra, theo nguyên tắc văn phạm, nó không thể làm chủ một cái gì khác). Như vậy, trong câu đó là ba cụm từ có vẻ độc lập, rời rạc trong cú pháp, văn phạm, mà lại liên hệ chặt chẽ với nhau trong ý nghĩa. Trước tiên, do ảnh hưởng của một câu không có động từ, chúng trình bày một thế giới tĩnh, vắng bật mọi hoạt động của vật thể. Những câu trên rộn ràng bao nhiêu thì câu cuối cùng chỉ còn là niềm tịch lặng vô biên. Nhưng đó không phải là một thế giới khô chết. Mỗi cụm từ có vai trò, vị trí và ý nghĩa riêng của nó. Đình tiền. Tạc dạ. Nhất chi mai. Không gian. Thời gian. Hiện thể. Nhưng chúng cũng không rời nhau để hiện hữu vì mỗi cụm từ đều nhờ vả vào cụm từ khác để lập thành một câu ý nghĩa. Nhất chi mai , tưởng như là chủ từ, mà kỳ thực, cũng chẳng phải là chủ từ (làm gì có một chủ từ trong một câu không động từ!). Không có cụm từ nào làm chủ của câu đó cả (cũng như không có cái ngã, sự hoạt động của ngã và những thuộc tính của ngã). Nơi chốn, thời gian, hiện thể, là ba, mà cũng là một. Chúng hiện hữu bình đẳng, độc lập, nhưng lại duyên với nhau để tồn tại; duyên với nhau mà không ngăn ngại nhau: cái này tỏa chiếu trong cái kia, cái kia ảnh hiện trong cái này. Đó cũng là ý nghĩa của sự sự vô ngại pháp giới trong kinh Hoa Nghiêm.

(Chúng ta chưa có thì giờ để bàn sâu về vấn đề thời-không trong câu cuối ấy. Chẳng hạn, tại sao tạc dạ (đêm hôm qua) mà không phải là kim dạ (đêm nay)? Tại sao đình tiền (trước sân) mà không phải đương xứ (chỗ này)? Theo lý thường, người ta nghĩ rằng thiền sư phải nhìn thực tại như là cái ở đây và bây giờ (đương xứ tiện thị), cho nên thiền sư phải nói về cái gì đang ở trong hiện tại, trước mắt. Nhưng thực ra, quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc (kinh Kim Cang). Cả ba thời gian đều là huyễn. Cả pháp giới cũng chẳng thật. Vậy có cái không thật nào có thể nói lên được chân như? Mà nếu đã thấy được cái vô sinh trong huyễn tướng, thì ở đây hay ở kia, quá khứ, hiện tại, hay vị lai, cũng đều có thể nói lên được chân như thực tại cả. Hà tất phải dùng ở đây với bây giờ mới là đúng!).

Chỉ sáu câu thơ thôi, tinh túy của thiền học Phật giáo được cất lên một cách siêu đẳng, trác việt. Dù sao, đó cũng chỉ là cách cảm nhận của tôi khi đọc bài thi kệ ấy. Sự cảm nhận của mỗi người dĩ nhiên là không thể giống nhau hoàn toàn. Cho nên, chuyện cành mai có một đóa hay nhiều đóa, cuối xuân hay đầu xuân, dịch đúng hay sai, hiểu sai hay đúng, xét về mặt nào đó, cũng chỉ là hí luận (bàn cho vui vậy thôi, chẳng giải quyết được đại sự sinh tử). Bài thi kệ làm ra không phải để được phân tích, mổ xẻ, bình giải (và có thể là làm ra không phải là cho chúng ta). Tôi chỉ nhân dịp xuân, trình bày cách cảm nhận đó để trao đổi cùng mọi người mà thôi. Việc đúng sai, có lẽ chỉ một mình thiền sư Mãn Giác trả lời được. Câu trả lời của ông, sẽ giản dị, như chính về nguyên sơ của vạn hữu:

Đình tiền - tạc dạ - nhất chi mai

Cây đa chùa cũ

Chú Hữu quét sân xong, không vội vào trong. Như thường lệ, chú cầm chổi đến dưới gốc đa, đặt cây chổi một bên, ngồi nghỉ mệt một chút, hóng gió cho ráo mồ hôi. Rồi chú móc trong túi

áo vạt khách ra một mẫu giấy nhỏ, trên đó chú đã ghi sẵn mười chữ Hán, kèm theo cả âm lẫn nghĩa từng chữ. Chú nói với gốc đa: "Đa ơi, giúp tôi mau thuộc nghe Đa!" Rồi chú bắt đầu học. Chú lấy một cái que nhỏ viết các chữ ấy trên đất, học kỹ từng chữ. Cho đến khi nào học thuộc, chú mới vào trong để phụ với cô Diệu Lan nấu bếp.

Chú còn nhỏ, mới mười ba tuổi thôi, nên chú chẳng thắc mắc gì về cô Diệu Lan này. Ngày chú vào chùa xuất gia cách đây hai năm, cô ấy đã có sẵn trong chùa, dọn dẹp lật vật, nấu cơm, giặt đồ, hầu hạ thầy. Chú đi tu làm chú tiểu thì đương nhiên chú cũng xắn tay làm việc chùa, phụ giúp cô ấy một tay. Có khi thầy dạy chú rằng cô Diệu Lan không phải là người tu như thầy và chú, cho nên, đứng ra những công việc trong chùa, chú phải cáng đáng hết. Nhưng vì chú còn nhỏ, không lo nổi mọi việc, cô Diệu Lan sẽ tiếp tục công việc chùa cho đến khi chú trưởng thành. Nghe thầy dạy như thế, chú thấy trong lòng biết ơn cô Diệu Lan lắm. Nếu không có cô ấy thì thật là cực nhọc cho chú biết bao. Công việc trong chùa không phải là ít. Vừa thỉnh chuông khuya, chuông tối, vừa tụng kinh mỗi ngày bốn thời, vừa quét dọn trong nhà, ngoài sân, tưới cây, nấu cơm, giặt đồ cho thầy... chưa kể có khi còn đốt búp cho thầy vào mỗi tối nữa.

Vào bếp nấu ăn phụ cô Diệu Lan có nghĩa rằng chú đến ngồi quanh quanh bếp để chờ cô ấy sai vặt. Có khi cô bảo chú xách nước giếng lên cho cô rửa rau, hoặc rửa tay rửa chân. Có khi cô sai chú đi mua nước đá ở quán chè đầu đường về để cô pha nước chanh mời thầy uống — và những lần pha nước chanh như thế, bao giờ cô cũng tự thưởng cô một ly mà không bao giờ cô có ý mời chú. Có lẽ cô nghĩ rằng chú có bổn phận phục vụ cô, vì cô đã bỏ hết thời giờ của cô ra để chăm lo việc chùa nhờ đó chú mới được chút rảnh rang mà học kinh kệ, học chữ Hán. Chú mang ơn cô, tất nhiên chú có bổn phận phải phục vụ lại cô để đền đáp phần nào công ơn đó. Nghĩ vậy, chú không dám hó hé hay buồn phiền gì. Cô sai gì chú làm nấy. Thậm chí có khi cô còn sai chú xách nước vào buồng tắm cho cô tắm nữa.

Buổi tối, cô Diệu Lan ngủ dưới bếp. Dưới đó có một phòng riêng dành cho cô. Còn chú, chú cũng có một phòng riêng ở phía bên trái của chánh điện. Phòng của thầy thì ở phía bên phải. Hai phòng cách nhau một khoảng rộng của chánh điện. Và hai phòng cũng cách xa nhà bếp một khoảng sân sau cùng nhà ăn của chùa. Thỉnh thoảng, chú nghe tiếng nói chuyện của cô Diệu Lan và thầy ở bên kia vọng qua. Chú biết là cô Lan đang đốt búp cho thầy. Thầy có thói quen phải đốt búp trước khi ngủ, không đốt búp thì không ngủ được. Lâu lâu cô Diệu Lan về quê, thầy bảo chú qua đốt búp thay. Thầy nói tay chú còn yếu lắm, khi nào chú lớn thì mới đốt được như ý thầy muốn. Cho nên khi cô Diệu Lan từ quê trở lại chùa, thầy lại tiếp tục nhờ cô ấy đốt búp mỗi tối chứ không bảo chú làm công việc ấy nữa. Chú mừng lắm nếu cô Diệu Lan nhận làm công việc đó, vì suốt ngày mệt mỏi rồi, chú cũng chẳng muốn thức khuya để đốt búp dù chú luôn nghĩ rằng chú có bổn phận phải hầu hạ, phục dịch thầy thay vì ở nhà phụng dưỡng cha mẹ.

Cho đến khi cô Diệu Lan mang thai, chú cũng chẳng thắc mắc gì cả. Chú chỉ giật mình vào một sáng nọ khi phát giác rằng cái bụng của cô tự dưng mà tròn vin như cái trái dưa hấu loại thượng hạng. Ngày nào chú cũng gặp cô mà chú không biết bụng cô lớn dần. Chú cũng không biết tại sao cô ấy mang thai nữa. Chú nhớ hồi ở nhà, khi mẹ chú mang thai, chú hay tới sờ bụng mẹ, hỏi:

"Mẹ à, sao mẹ có em bé vậy mẹ?"

Mẹ chú cười, chẳng trả lời được. Một lúc sau, bà nói cho qua chuyện:

"Có gì đâu con, tự dưng tới tuổi thì đàn bà phải có thai thôi."

"VẬY HẢ MẸ."

Từ đó, chú tin rằng con gái lớn lên thì có thai. Nay cô Diệu Lan có thai thì đúng rồi, có gì đâu mà thắc mắc. Tuy nhiên, thời gian cô ấy mang thai, chú thật là cực khổ. Cô ấy nóng tánh làm sao. Hờ một chút là cô la cô mắng cô chửi chú. Chưa hết, cô sai chú liền tay. Cô ngồi một chỗ, chỉ tay năm ngón, làm chú mệt đứt hơi. Bụng cô càng lớn, chú càng mệt nhọc với công việc. Chú thầm cầu mong cô sau lần có thai này là đủ rồi, đừng có thai thêm lần khác nữa. Cũng trong thời gian này, cô không dám bóp cho thầy nên mỗi tối chú phải qua phòng thầy đắp bóp cho thầy trước khi ngủ. Thầy dạy:

"Nè, cô Diệu Lan bụng mang dạ chửa, con phải hết lòng giúp đỡ cô ấy nghen. Đừng để cô ấy phải làm những công việc nặng nhọc. Thấy cô làm gì thì mình giành lấy mà làm, không phải đợi cô ấy sai. Khi nào sanh xong cô ấy sẽ làm việc bình thường lại, khỏi phiền con nhiều. Thời gian này thì chịu khó đi. Muốn tu thành Phật thì phải tập tu, tập chịu cực nhọc cho quen."

Chú chỉ dạ và im lặng đắp bóp. Lâu nay ở chùa chú chẳng bao giờ nệ hà chuyện gì. Chùa chỉ có ba người: thầy, cô Diệu Lan và chú. Thầy và cô là người lớn tuổi, như cha mẹ, như cô như cậu trong nhà, có sai chú làm việc thì cũng là lẽ tự nhiên. Tuy nhiên, đôi lúc chú thấy buồn tủi khi bị cô Diệu Lan la mắng. Thời gian mang thai, cô càng dữ dằn hơn, đùng đâu phang đó, đến thầy mà cô còn không vị nể huống chi là chú. Bị cô la vì những chuyện vô lý, chú ám ức lắm nhưng chẳng biết bộc bạch với ai. Mấy phen chú trình lên thầy rằng chú bị cô ấy trách oan thì thầy gạt đi, cứ bênh vực cô ấy, chẳng kể gì đến những gì chú nói cả. Những lần như thế, chú chỉ biết ra ngồi ngoài góc cây đa, khóc một mình. Từ lúc con chó tên Tuất ở chùa—người bạn thân yêu duy nhất của chú—bị xe cán chết, chú chỉ còn biết tâm sự với cây đa trước sân. Cây đa không biết nói, không ve vẩy liếm tay liếm chân chú, không kêu sủa như con Tuất nhưng chú biết cây đa lúc nào cũng lắng nghe một cách chân tình những gì chú tâm sự. Chú để ý mỗi lần chú buồn và khóc, tự dưng có gió ở đâu thổi qua, lá đa xào xạc, các giầy leo đong đưa trước mặt chú. Chú cho đó là cách mà cây đa biểu lộ tình cảm của nó. Chỉ có cây đa đó mới an ủi được chú mà thôi. Khi được cây đa an ủi, nước mắt chú càng rơi nhiều hơn. Chú có cha mẹ chứ chẳng phải không. Nhưng chú là đứa bé khó nuôi, cha mẹ lại nghèo, nên nghe lời người ta, đem chú lên gởi ở chùa cho thầy nuôi dùm. Chú vào chùa ở thì tự dưng mọi thứ bệnh đều hết, ngay cả cái bệnh còi mà cha mẹ chú nghĩ là không thể trị được cũng hết luôn và chú đang nẩy nở phát triển thấy rõ chứ không đèo đẹt như trước kia nữa. Vì thế, nếu chú có thừa với cha mẹ những chuyện làm chú buồn thì cha mẹ cũng chỉ bênh vực thầy, bênh vực cô Diệu Lan để mà qui lỗi cho chú thôi. Thậm chí, cha mẹ chú còn có ý nghĩ rằng sẽ gởi chú luôn ở chùa chứ không đem chú về lại với gia đình nữa, thì chuyện gì cha mẹ cũng muốn cho qua để êm thấm chứ đâu có dám bênh vực chú để rồi mất lòng thầy cô đâu. Những cảm nghĩ đó chú đều nói cho cây đa nghe. Chú nói rằng ngoại trừ con Tuất và cây đa ra, không ai thương chú hết. Chú còn nghĩ rằng nếu đức Phật có hiện xuống ngôi chùa này thì ngài cũng đi gặp thầy trụ trì—người có thẩm quyền của chùa—để nói chuyện chứ làm sao ngài để ý tới một chú tiểu nhỏ bé như chú.

Hôm nay chú lại bị cô Diệu Lan quở trách nữa. Chuyện chẳng có gì quan trọng. Chú đang ngủ trưa trong phòng riêng thì cô vào gọi giặt dẫy, sai ra chợ mua cho cô trái xoài xanh. Chú không muốn đi, chùng bưng, ngồi ì một chỗ. Cô tru tréo lên. Chưa đầy một phút sau là thầy bước xuống. Cô nói liền mà như trách thầy không biết dạy chú vậy:

"Sai nó ra chợ một chút mà cũng không được nữa. Đó, rồi ngồi một đồng!"

Chú vùng vằng nói:

"Hồi sáng đi chợ sao cô không dặn mua luôn một lần, bây giờ lại bảo đi chợ nữa. Mà có mua cái gì quan trọng! Trái xoài chứ gì đâu!"

"Câm miệng," thầy nói, "cô sai thì đi, không được cãi. Chú muốn ở chùa hay muốn ra ngoài đường?"

Chú vội vàng đứng dậy, xuống bếp rửa mặt rồi cầm tiền ra chợ. Cô còn dặn chú mua xoài ở đâu, lựa xoài như thế nào. Chú làm thỉnh không dạ không ừ. Ra tới gần cổng chùa, chú còn nghe thầy nói với theo:

"Khi nào cô sai mà chú không muốn đi thì chú lên đây nói tôi, tôi đi."

Đi bộ một mình dưới trời nắng chang chang, chú thấy trong lòng thật là bức dọc. Chưa bao giờ chú thấy bất mãn như lúc này. Tại sao chỉ ăn một miếng xoài cho vui mà bắt một đũa con nít dang nắng đi xa như vậy! Thêm gì mà bất nhơn vậy! Chú đây còn là con nít mà chú có thêm ăn vật bậy bạ đâu. Tự dưng nổi hứng giữa trưa bảo đi mua xoài!

Đi gần tới chợ, ngang một tiệm bán sách báo và dụng cụ học sinh, chú bỗng bắt gặp một chú tiểu khác đâu chừng mười sáu tuổi đang đứng trong tiệm. Chú tò mò đứng lại nhìn. Chú tiểu kia mặc áo dài năm thân màu lam trông đàng hoàng, chững chạc lắm chứ đâu như chú chỉ mặc bộ đồ vạt khách đồ loét (áo hơi giống áo bà ba, may thêm một vạt ngắn phía bên phải; quần thì luôn giầy thun, cùng màu với áo). Đồ vạt khách chú bận thì suốt ngày này qua tháng nọ chẳng thay đổi dù ở trong chùa hay đi ra đường.

Ông chủ tiệm thấy chú đứng tần ngần trước cửa tiệm bèn nói với chú tiểu bên trong:

"Kìa, có bạn chú ở ngoài kia."

Chú tiểu kia quay nhìn ra. Hai chú bờ ngõ ngó nhau một lúc. Chú tiểu trong tiệm sách bỗng đưa hai tay chắp lên ngực chào chú. Xưa nay chẳng ai chào chú như vậy cả. Chú lúng túng chắp tay chào lại. Chú không ngờ chú tiểu kia lớn tuổi hơn mình mà lại chào mình lịch sự như thế. Chú tiểu kia dặn dĩ, từ trong tiệm bước ra, đến gần chú, hỏi:

"Chú ở chùa nào vậy?"

"Ở chùa Nghĩa Trung."

"Nghĩa Trung?"

"Ừ, Nghĩa Trung. Còn chú?"

"Ở chùa Từ Quang. Chú đi đâu đó?"

"À... đi chợ. Còn chú?"

"Đi mua tập và bút máy. Tại vì sắp tới ngày khai giảng rồi. Vô đây chơi."

Chú rụt rè bước vào. Mắt liếc nhìn cách ăn bận của chú kia và thấy rõ sự khác biệt giữa mình với chú ấy. Chú có vẻ luộm thuộm lôi thôi quá. Tuy rằng ở chùa thì chẳng cần phải ăn diện gì, nhưng ít nhất cũng phải tươm tất, gọn ghẽ khi ra đường. Thầy và cô Diệu Lan chẳng hề nghĩ đến chuyện sắm áo dài cho chú mặc ra đường. Ngay cả đôi dép cũng không mua, đi đâu chú

cũng cứ đi chân trần như một hành khất. Áo quần thì đồ loét đồ loe với loại vải rẻ tiền nhất. Trông chẳng ra con giáp nào cả.

Chú kia lại hỏi:

"Chú pháp danh gì?"

"Pháp danh? À... tôi quên rồi vì chưa bao giờ thầy gọi bằng pháp danh cả. Tên tôi là Hữu. Chú có pháp danh rồi hả?"

"Ừ. Tôi pháp danh là Tâm Tuệ. Chú chuẩn bị sách vở đi học chưa? Chú học ở đâu?"

"Học ở trường Bồ Đề. Sách vở chưa sắm."

"Trường Bồ Đề thôi hả, chứ không vào Phật học viện à? Phật học viện sắp sửa khai giảng, các chùa đang chuẩn bị cho các chú tiểu như tụi mình vào đó."

"Phật học viện là cái gì?"

"Ủa, chú không biết hả? Phật học viện là trường dạy cho tụi mình về giáo lý, kinh điển, chữ Hán, các thứ đó."

"Tôi có học chữ Hán và học kinh ở chùa, thầy tôi dạy."

"Như vậy đâu có đủ. Chùa nào cũng có dạy như vậy hết, nhưng muốn học theo trường lớp, theo chương trình của Giáo Hội đảng hoàng thì phải vào Phật học viện kia."

"Vậy hả! Tôi đâu có biết. Phật học viện xa không vậy?"

"Xa. Phật học viện ở tận trong Hội An, cách đây chừng ba mươi cây số."

"Vậy sao mình đi học mỗi ngày được?"

Tâm Tuệ cười nói:

"Đâu có đi mỗi ngày, mà mình phải tới Phật học viện ở luôn tại đó mà học. Đó là chỗ cho tụi mình vừa ở vừa tu vừa học."

"Như vậy ở đó chắc đông bạn bè lắm hả?"

"Dĩ nhiên là đông rồi. Phật học viện nào cũng có khoảng bảy tám chục tăng sinh ngang tuổi ngang lớp với nhau."

"Làm sao mình xin vào học tại Phật học viện được?"

Tâm Tuệ suy nghĩ một lúc rồi trả lời:

"À, phải học thuộc hai thời công phu, bốn cuốn luật, học qua giáo lý sơ đẳng phổ thông, chút ít chữ Hán, đâu chừng 3000 từ là đủ. Rồi phải thi vào nếu đậu thì được học không thì thôi. Mà phải có Giáo Hội hay là thầy bổn sư giới thiệu nữa."

"Thầy bổn sư là ai vậy?" chú Hữu ngây thơ hỏi. Tâm Tuệ tuy không lớn hơn chú Hữu bao nhiêu nhưng cũng nhanh trí biết rằng người bạn mới của mình đã không được may mắn học hành hiểu biết nhiều như mình. Tâm Tuệ nói:

"Thầy bổn sư là thầy nhận cho chú xuất gia, cạo đầu, đặt tên pháp danh cho chú đó."

"Hai thời công phu thì tôi biết rồi, nhưng... bốn cuốn luật và giáo lý sơ đẳng là gì, làm sao có được để học?"

"Chú chưa học luật và giáo lý sơ đẳng hả? Chú lên hỏi thầy, thầy sẽ cho. Nếu ở chùa chú không có bộ luật Sa Di bốn cuốn thì qua chùa Từ Quang tôi tặng chú một bộ. Bộ Sơ Đẳng Phật Học Giáo Khoa Thư bằng chữ Hán cũng có ở bên tôi nữa, tôi sẽ tặng chú."

Chú Hữu mừng rỡ ra mặt, cảm ơn bạn mà rưng rưng cả nước mắt. Chú những tưởng suốt cuộc đời mình chỉ biết có thầy, cô Diệu Lan và cây đa trước sân. Không ngờ hôm nay, Tâm Tuệ mở ra trước mắt chú một khung trời tương lai đầy ánh sáng. Chú nói với Tâm Tuệ:

"Chắc thầy tôi không có bộ luật đó đâu, vì tôi không bao giờ nghe thầy tôi nhắc tới. Vậy... vậy tôi theo chú đến chùa chú bây giờ được không?"

"Chú đi chợ mà?"

"Tôi ghé qua chùa chú xong rồi đi chợ sau cũng được."

"Có sao không? Nghe nói..." Tâm Tuệ nói đến đó thì im. Rồi lại nói:

"Nếu chú đi được mà về không bị la thì tụi mình đi. Nhưng khoan, đợi tôi trả tiền sách đã."

Trong khi Tâm Tuệ lo tính tiền với ông chủ tiệm, chú Hữu đứng ngẫm nghĩ về số phận mình. Chú ở chùa đã hơn hai năm mà thầy chỉ dạy cho học hai thời công phu để mà tụng kinh hàng ngày, sau đó dạy cho chút chữ Hán để mà tập đọc sớ điệp công văn mà cúng đám chửi chửi chẳng bao giờ dạy chú giáo lý hay kinh luật gì khác. Đứng trước Tâm Tuệ, chú thấy mình sao què mùa ngốc nghếch. Mà Tâm Tuệ hình như có ý nghĩ gì không tốt đối với ngôi chùa mà chú đang ở thì phải. Cũng may Tâm Tuệ tốt bụng, không khinh chê chú. Chú thầm cảm ơn đức Phật, cảm ơn cây đa đã cho chú gặp người bạn tốt như Tâm Tuệ hôm nay.

Khi Tâm Tuệ trả tiền xong, hai chú cùng đi bộ đến chùa Từ Quang. Chùa này cũng nằm trên cùng một con đường với chùa Nghĩa Trung mà chú Hữu ở, nhưng hai chùa cách xa nhau cả cây số. Vào chùa, Tâm Tuệ đưa bạn vào phòng riêng của mình rồi lục soạn trong đồng sách trên bàn học, lấy ra vài cuốn sách đưa cho chú Hữu.

"Đây là cuốn luật Sa Di mà tôi nói khi nãy, phải học thuộc lòng. Trong này vừa có cả âm lẫn nghĩa. Đáng lẽ phải có người giảng dạy, nhưng nếu chú không có người dạy thì cứ học thuộc lòng trước đi, rồi sau này học kỹ hơn. ở đây tôi có thầy dạy nên học cũng nhanh. Độ chừng hai tháng thì xong."

Chú Hữu nhắm tính một lúc rồi hỏi:

"Bao giờ thì Phật học viện khai giảng?"

"Tháng sau. Bây giờ đã có người tập trung tại đó rồi, vì còn phải trải qua một kỳ thi nữa."

"Vậy thì... tôi đâu có học kịp," chú Hữu nói.

"Chắc là không kịp... nhưng, nếu cố gắng... hay là đi đại..."

"Là sao?"

"Tức là đến đại Phật học viện, năn nỉ được ở đó mà học. Nếu không cho học thì xin ở đó mà tu cũng được. Xin ở được thì vào học ké cũng đâu có khó khăn gì!"

"Làm vậy cũng được hả?" chú Hữu mừng rỡ hỏi.

"Tôi nghĩ là được, vì mấy thầy ai cũng thương các chú tiểu như tụi mình. Nếu chú lạy thầy Giám Viện, nói hoàn cảnh của mình rồi xin ở đó tu học, chắc thầy thương mà nhận."

Chú Hữu sung sướng, thấy như mình đã được tham dự vào Phật học viện rồi vậy. Chú cũng thâm cảm phục Tâm Tuệ. Người đâu mà lanh lợi quá đỗi!

Hai chú đang ngồi nói chuyện với nhau thì thầy của Tâm Tuệ bước ngang cửa phòng. Thấy chú tiểu lạ, thầy bước vào. Tâm Tuệ và chú Hữu cùng đứng dậy chấp tay vái chào. Thầy xoa đầu chú Hữu hỏi:

"Con ở đâu tới đây? chùa nào?"

Giọng thầy nghe ấm cúng, tình cảm làm sao. Chú ngược lên trả lời thầy:

"Dạ, con ở chùa Nghĩa Trung."

"A, chùa Nghĩa Trung! Thầy con có khỏe không?"

"Dạ, khỏe."

Tâm Tuệ bỗng nói chen vào:

"Con mới quen chú ngoài tiệm sách Tiến Đức. Chú ở chùa hai năm rồi mà chưa được cho học giáo lý. Chùa Nghĩa Trung không có kinh sách gì hết, bạch thầy."

Thầy không nói, lẳng lặng đến ngồi bên bàn học của Tâm Tuệ:

"Tại thầy ấy muốn cho chú trau luyện đức hạnh trước, học hành sau. Cũng như người ta nói 'tiên học lễ, hậu học văn' đó mà. Chưa chắc hoàn cảnh của chú như vậy là xấu hơn con."

Tâm Tuệ tiếp tục nói, và chính lúc này, chú Hữu mới nhận thức được rằng trong giọng của Tâm Tuệ hẳn lên những bức tức như thể chú ấy đang nói lên sự bất mãn thay cho hoàn cảnh của mình:

"Hồi trước chú Tiến cũng ở chùa Nghĩa Trung ra đó, bạch thầy. Chú ấy cũng giống như chú Hữu bây giờ. May mà..."

Thầy cắt ngang:

"Thôi con à. Chuyện xưa rồi nhắc làm gì. Mỗi nơi có một nếp sống, một qui luật riêng. Không thể bắt mọi chùa phải sinh hoạt giống nhau được."

Tâm Tuệ vẫn cứ lý luận:

"Nhưng... có cái bắt buộc phải giống nhau chứ, bạch thầy?"

Thầy ôn tồn dạy:

"Con chưa đủ lớn để xét việc của người khác đâu con ạ."

Thầy nói vậy, Tâm Tuệ mới chịu làm thinh. Thầy từ từ đứng dậy rời phòng. Đến cửa, thầy quay lại nói với chú Hữu:

"Nếu trên bước đường xuất gia con gặp phải những buồn đau, trở ngại, hãy coi đó như những thử thách ban đầu của con. Chí càng lớn, gian nan càng nhiều. Đừng nản lòng nghe con. Con có cần kinh sách gì thì nói với Tâm Tuệ, rồi thầy sẽ giúp con."

Những lời thân mật đầy thương yêu của thầy khiến chú Hữu không ngăn được giọt lệ. Chú như kẻ lần đầu tiên nhận được tình cảm từ một vị thầy khả kính trong cửa chùa, và ngay lập tức, chú hiểu ngay rằng có những cái cao đẹp thiêng liêng hiện hữu trên cuộc đời. Chỉ tại chú chưa được may mắn để đón nhận mà thôi. Chú bỗng quỳ sụp xuống lạy thầy mà nước mắt chảy dài trên hai tay. Thầy đỡ chú đứng dậy, hỏi:

"Con... con khổ lắm phải không?"

Thầy chỉ hỏi vậy thôi là chú bật khóc nức ra tiếng, không kềm hãm được nữa. Tâm Tuệ đứng bên cạnh cũng ứa nước mắt, quay đi. Tâm Tuệ nói:

"Con biết mà. Con biết bạn con cũng bị như chú Tiến trước kia mà. Đó không phải là chùa. Ông ấy không phải là thầy."

Thầy lớn tiếng cắt lời Tâm Tuệ:

"Im! Con không được nói vậy. Chuyện ai làm người đó gánh chịu. Không dòm ngó lỗi người mà hãy tự nhìn xét chính mình. Con không nhớ lời dạy đó sao! Thầy không muốn con nhắc tới chuyện cũ của chú Tiến nữa, nghe chưa!"

Tâm Tuệ cúi mặt dạ nhưng lòng như vẫn còn ấm ức. Thầy quay sang chú Hữu, an ủi:

"Thầy đã nói với con khi nãy, hãy nhẫn nại. Xem tất cả như những thử thách ban đầu cho chí nguyện xuất gia của con. Khi nào gặp trở ngại lớn không giải quyết được thì đến đây thầy dạy cho phương cách tốt đẹp cho con."

Rồi thầy đi ra. Hai chú ngồi lại trong phòng, im lặng chẳng nói gì. Một chập, Hữu hỏi nhỏ:

"Chú Tiến là ai vậy? Chú ấy bây giờ ở đâu rồi?"

Tâm Tuệ suy nghĩ một lúc, nói nhỏ:

"Chú đừng cho thầy biết là tôi nói nghe. Chú Tiến bây giờ ở chùa Phổ Hiền. Hồi đó tôi và chú

Tiến cùng học ở trường Bồ Đề, chú ấy kể tôi nghe chuyện ở chùa Nghĩa Trung. Sau, tôi bày mưu cho chú ấy... Chú Tiến sắp đi học Phật học viện với tôi đó."

"Chú bày mưu làm sao?"

"Đâu có gì đâu. Tôi nói chú ấy nói với ba má rằng chú không muốn tu nữa. Ba má chú đem chú về nhà. Rồi chú xin ba má cho đi tu lại ở chùa Phổ Hiền."

Chú Hữu ngồi lặng thinh. Một hồi, chú hỏi:

"Sao không xin từ chùa Nghĩa Trung qua chùa Phổ Hiền luôn mà lại về nhà rồi xin đi lại, mất công quá vậy?"

Tâm Tuệ cười:

"Tại vì đi từ chùa Nghĩa Trung thẳng qua Phổ Hiền thì thầy ở Nghĩa Trung sẽ trách thầy ở Phổ Hiền sao dụ dỗ đệ tử mình."

"À, té ra là vậy. Mà chú Tiến kể cho chú nghe chuyện gì ở chùa Nghĩa Trung?"

Tâm Tuệ nhìn bạn, ngập ngừng:

"Chú ấy nói... chú ấy nói ở chùa đó chú không được học hành gì cả mà chỉ làm việc suốt ngày."

Chú Hữu thở dài:

"Tại vì chùa đâu có ai, mình phải làm thôi. Mình ăn ở tại đó thì phải làm việc chứ làm sao nữa."

"Biết vậy rồi. Nhưng... mình đi tu đâu phải là để làm việc suốt đời như vậy."

"Vậy chú không làm việc gì trong chùa này hết hả?"

"Không phải. Làm việc thì chú tiểu như tụi mình ở đâu cũng làm hết, quét sân, quét chánh điện, lau bàn ghế, thỉnh chuông, tụng kinh... nhưng, ngoài công việc ra, phải có tu học."

"Tôi có tụng kinh niệm Phật và học chữ Hán mỗi ngày."

"Như vậy chưa đủ. Chú nên biết tôi học hết bốn cuốn luật bằng chữ Hán, rồi cả bộ Sơ Đẳng Phật Học Giáo Khoa Thư, lịch sử Phật giáo, Phật Học Phổ Thông cuốn I và II, vậy mà thầy vẫn gởi tôi đi học ở Phật học viện. Thầy đâu có muốn giữ tôi lại đây hầu hạ thầy để rồi tôi thành người dốt."

Chú Hữu cúi mặt xuống, tủi thân. Tâm Tuệ an ủi:

"Tôi nói vậy chú đừng có buồn, đừng giận tôi nghe. Tôi nói thiệt đó mà. Tôi biết chú Tiến ở đó, rồi bây giờ thêm chú nữa. Tôi muốn giúp chú thôi."

"Chắc không giúp gì được đâu. Tôi với chú Tiến khác nhau. Ba má chú Tiến thương chú, nghe chú đòi về thì cho về, đòi đi lại chùa khác thì cho đi chùa khác. Ba má tôi không cho phép tôi làm như vậy đâu. Tôi giống như con của thầy ở đó. Ba má tôi đâu có nhận tôi trở về lại với nhà đâu."

Tâm Tuệ cảm thương cho bạn mình, ngồi ứa nước mắt. Một hồi, Tâm Tuệ nẩy ra ý kiến mới, liền nói cho bạn nghe:

"Hay là chú xin thầy cho chú vô Phật học viện học. Nếu thầy cho đi, chú ở luôn tại Phật học viện, không trở về Nghĩa Trung nữa."

"Như vậy thì tội nghiệp thầy quá đi. Tôi không muốn bỏ thầy đi luôn."

"Nhưng ở đó chú đâu có tương lai! Huống chi... chú cũng phải đi học chứ bộ tội nghiệp thầy rồi ở bên thầy suốt đời hả!"

"Tôi cũng biết vậy, nhưng tôi vẫn thương thầy, thấy khó bỏ thầy đi xa quá. Vớ lại... tôi biết thầy không cho tôi đi Phật học viện đâu, vì tôi đi thì đâu có ai giúp việc trong chùa cho thầy."

"Đừng có lo chuyện đó mà. Hồi chú chưa đến đó chùa cũng đâu có ai, có sao đâu! Mà chú nói vậy có nghĩa rằng thầy muốn giữ chú lại ở chùa để giúp thầy thôi chứ gì! Như vậy thì thầy đâu có thương gì chú!"

Chú Hữu ngồi suy nghĩ, một lát thì nói:

"Để tôi về tính lại. Thôi bây giờ tôi phải về đi chợ kéo..."

"Kéo cô Lan dưới bếp la phải không?"

"Ủa, sao chú biết?"

"Biết chứ sao không. Cô ấy nổi tiếng mà, ai lại không biết! Nổi tiếng là bà chủ của chùa Nghĩa Trung đó!"

Chú Hữu nhìn bạn, vẻ mặt vừa ngạc nhiên vừa buồn bã khi nghe vậy. Một lúc ngắn, chú mới giật mình đứng dậy, cáo từ. Tâm Tuệ bỏ kinh sách mình tặng bạn vào một túi ni-lông, đưa cho Hữu rồi đưa bạn ra đến cổng tam quan. Khi chú Hữu định đi, Tâm Tuệ, gọi lại:

"Nếu học mấy cuốn này thấy không hiểu chỗ nào, chú qua đây tôi nói chú nghe, chỗ nào tôi không nói được thì nhờ thầy tôi giảng. Đừng ngại nghen. Thôi, chú về há. À khoan, để tôi kể chú nghe câu chuyện ngắn này. Mẹ của thầy tôi lâu lâu đến chùa ở lại tuần lễ hay nửa tháng. Những ngày ở lại đây bà ấy hay sai bảo mấy người Phật tử đến chùa làm việc này việc nọ, có khi sai tôi làm nữa. Ban đầu, tôi nghĩ bà ấy là mẹ thầy mà lại là người lớn tuổi như bà nội bà ngoại mình nên bà sai gì tôi làm đó. Nhưng sau tôi thấy bà có vẻ quá trớn, muốn tỏ ra mình là mẹ của thầy nên tôi phản đối, không chịu làm. Bà ấy lên thưa với thầy tôi, nói rằng tôi bướng bỉnh không nghe lời bà. Chú biết thầy tôi phản ứng làm sao không?"

Chú Hữu trả lời ngay:

"Kêu chú lên la một trận còn không thì cũng bắt quì nhang."

Tâm Tuệ cười nói:

"Không phải. Thầy tôi nói với bà ấy rằng tôi làm như vậy là đúng."

"Sao kỳ vậy?"

"Thầy nói rằng tôi đến đây xuất gia làm đệ tử thầy chứ không phải để làm đệ tử của bà ấy. Cho dù bà ấy là mẹ của thầy, bà cũng không có quyền sai bảo một chú tiểu ở chùa làm việc này việc nọ. Chỉ có quý thầy mới có quyền sai bảo các chú thôi. Thầy còn nói là ba má tôi xin cho tôi được làm đệ tử thầy vì kính mến ngưỡng mộ thầy chứ không phải ngưỡng mộ mẹ thầy. Còn nữa, không thể lấy cái chuyện trật tự ở ngoài đời mà áp dụng vào chùa. Một chú tiểu tuy nhỏ tuổi nhưng cả tính mạng và tâm hồn đã trao phó cho lý tưởng phụng đạo, cho nên không ai được phép lấy quyền hạn thân thích hoặc dựa vào tuổi tác, dựa vào chức quyền mà sai bảo chú tiểu ấy. Như vậy thì mẹ thầy cũng không có quyền nạt nộ sai bảo hay chửi mắng tôi. Thầy nói với mẹ thầy thế nào nữa chú biết không? Tôi chỉ nghe lén thôi. Mẹ thầy nghe thầy nói thì giận lắm bỏ về, nhưng mấy hôm sau bà trở lại chùa, tự tay quét dọn rồi làm những việc lật vật trong chùa. Bà ấy không đứng chỉ tay sai hết người này tới người khác nữa."

"Thầy nói với bà ấy cái gì nữa mà bà giận rồi sau đó thay đổi?"

"Thầy nói... mẹ không phải là người xuất gia, mẹ sai bảo các chú tiểu ở chùa thì mẹ bị tổn phước lắm đó. Vì các chú tiểu đến chùa là để học làm Phật ngay trong kiếp này. Cho dù không thành Phật thì các chú cũng sẽ trở thành những vị tăng sĩ đi theo con đường của Phật. Các chú bỏ nhà đi tu không phải để đến chùa làm tội cho mọi người sai bảo..."

Chú Hữu nghe đến đó thì trong lòng bị kích động, sực nhớ lại vị trí của mình ở chùa. Dù trước đây chú vào chùa chỉ vì hoàn cảnh gia đình, cũng như chính thân phận èo uột khó nuôi của chú; nhưng sau một thời gian ở chùa thì nếp sống đạo, những thời kinh, tiếng chuông chùa, bài học giáo lý... cũng ít nhiều thấm vào tâm hồn xanh tươi hồn nhiên của chú. Trong thâm tâm, chú biết rằng có cái gì không ổn trong đời sống hàng ngày của chú ở chùa hiện nay nhưng chú không tìm thấy được hoặc không có khả năng để nhìn thấy. Bây giờ những lời của Tâm Tuệ làm chú hiểu được loáng thoáng con đường cao đẹp của mình — một chú tiểu bỏ nhà xuất gia để học làm Phật. Chú như một kẻ bị bỏ quên lâu ngày tưởng mình tầm thường nhỏ mọn, nay được người khác nhắc nhở ca ngợi con đường thiêng liêng mình đang dần bước thì thấy bàng hoàng, chấn động đến nỗi tim chú đập mạnh lên từng hồi.

Tâm Tuệ nói tiếp:

"Thầy còn nói rằng chú tiểu là người cất bước đi tìm một phương trời cao rộng mà không một người lớn nào ở thế tục có thể làm nổi. Con đường của tụi mình là như vậy đó. Không thể tự khinh thường mình rồi bỏ quên chí nguyện xuất gia cao cả."

Chú Hữu nghe bạn nói xong thì sa lệt. Chú cảm ơn Tâm Tuệ. Hai chú chấp tay chào nhau rồi chia tay.

*

Khi chú bước vào chùa đã trông thấy cô Diệu Lan ngồi chờ ở cửa bếp. Mặt cô ấy hầm hầm. Chú đặt mấy trái xoài xanh và tiền lẻ thối lại lên bàn, không nói lời nào. Cô Diệu Lan đay nghiến:

"Cám ơn chú, chú đi nhanh quá làm tôi hết muốn ăn rồi."

Chú lặng thinh không đáp, quay đi về phòng riêng của mình. Ngay lúc đó, thầy từ trên chánh điện xăm xăm bước xuống, chặn chú giữa đường, hỏi:

"Chú đi đâu giờ này mới về. Ra chợ mua trái xoài mà mất mấy miếng đồng hồ hả?"

Chú cúi mặt chẳng dám nói thật:

"Con... con... ghé tiệm sách coi mấy cuốn sách."

"Tôi có biểu chú ghé coi sách không?"

"Dạ không..."

"Không sao chú làm? Chú bây giờ to gan lắm, muốn gì làm nấy mà, phải không?"

"Bạch thầy, từ nay về sau con không dám nữa."

Thầy im lặng, ngó cô Diệu Lan. Cô Diệu Lan nguyệt thầy một cái, ngó chỗ khác, nói:

"Nói vậy ăn thua gì."

Thầy liền hét lên:

"Chú lập tức lên chùa quỳ một cây nhang rồi sau đó tụng một thời kinh sám hối."

Chú dạ nhỏ một tiếng rồi về phòng. Tiếng cô Diệu Lan còn vẳng sau lưng chú:

"Quỳ nhang mà thám thập gì với nó. Oánh cho nó một trận mới hả giận chứ! Dạy trò mà dạy như thầy thì làm sao nó nên thân nổi."

Thầy nói:

"Thôi mà, phật như vậy được rồi."

"Tôi thấy chưa được. Lần sau, thầy để tôi dạy nó. Dạy kiểu thầy chẳng kết quả gì đâu. Tới tay tôi thì nó phải biết..."

*

Chú Hữu không dám thưa thầy về dự tính nhập học Phật học viện. Chú chỉ lén lấy kinh sách của Tâm Tuệ cho mà tự học một mình trong phòng riêng. Phật học viện đã sắp đến ngày khai giảng rồi mà chú cũng chưa thuộc hết bốn cuốn Luật. Trình độ thấp kém của chú không sao có thể tự học nổi. Đêm nằm trần trọc, chú quyết định ngày mai sẽ lạy thầy mà xin đi học xa. Nghĩ đến đời sống tu học vui vẻ với chúng bạn cùng trang lứa nơi Phật học viện, chú thấy sung sướng và nghe nôn nã, rạo rục trong lòng.

Buổi sáng, thầy đang ngồi viết sớ, viết bùa cho một đám ma nào đó. Chú rón rén đến gần thầy hai ba bận rồi quay đi, chưa đủ can đảm để thưa thiệt với thầy ước muốn của mình. Đang ngập ngừng, do dự nghĩ lời để thưa thầy, chú bỗng nghe tiếng cô Diệu Lan dưới bếp la ơ ơ. Chú chưa kịp phản ứng sao thì thấy thầy đã đứng phất dậy, chạy nhanh xuống phòng cô ấy. Vừa chạy, thầy vừa nói với chú:

"Nhanh, nhanh, chạy đi kêu xích-lô!"

Chú lật đật chạy vù ra ngoài, chẳng biết át giáp gì. Có lẽ cô ấy bị trúng gió. Thầy sao biết hay quá, nếu không có thầy chắc chú chẳng biết phải làm gì.

Bác xích-lô chờ chú chạy nhanh về chùa. Bác vừa dừng xe ở sân chùa đã thấy thầy dìu cô Diệu Lan bước ra. Chú thấy mặt cô ấy xanh mét. Cô ôm bụng la, rên thật thảm. Bác xích-lô giữ cho xe khỏi chổng gọng trong khi thầy đỡ cô Diệu Lan lên xe. Thầy bảo bác chờ xuống nhà thương hộ sinh. Chú biết nhà thương chứ không hiểu hộ sinh là gì. Thầy bảo chú coi chùa rồi thầy phóng xe gắn máy chạy theo xích lô. Chú mất cơ hội để xin thầy đi học. Còn có vài tuần nữa là Phật học viện khai giảng. Chú nôn nóng chịu không nổi, bèn đóng cửa chùa chạy qua chùa Từ Quang để kiểm chú Tâm Tuệ.

Tâm Tuệ thấy chú thì mừng rỡ đưa vào phòng hàn huyên. Tâm Tuệ cho biết chú ấy đang thu xếp để vào Hội An dự thi và nhập học Phật học viện. Tâm Tuệ hỏi về chuyện xin đi học của chú Hữu. Chú buồn buồn đáp:

"Tôi định thưa thầy thì cô Diệu Lan bỗng đau bụng, rồi thầy đưa cô ấy đi nhà thương hộ sinh rồi. Chắc cô đau nặng lắm. Thầy có vẻ lo lắng lắm."

"Nhà thương hộ sinh?"

"Ừ."

"Vậy là cô ấy đi sanh đó mà."

"Hả? sanh con? sanh em bé hả?"

"Chứ gì nữa. Thiệt là quá sức! Nhục ơi là nhục!"

"Sao mà nhục?"

"Chú không biết thật à? Thì... cô ấy với thầy ấy có con với nhau đó. Đâu có thể làm như vậy được. Xấu hổ quá đi! Chú phải rời ngay cái chùa đó lập tức. Đó không phải là chùa. Tôi nói rồi mà chú không tin. Bây giờ chú thấy chưa! A, chú Tiến kia. Chú Tiến đến chơi, nhờ chú ấy giúp chú được lắm."

Từ ngoài sân, một chú tiểu to cao, đầu khoảng mười bảy mười tám tuổi bước nhanh vào. Tâm Tuệ bước ra đón. Chú Hữu rụt rè bước theo. Ba chú chào nhau. Tâm Tuệ giới thiệu hai người rồi cùng kéo nhau vào phòng. Tâm Tuệ kể hoàn cảnh của chú Hữu cho chú Tiến nghe. Tiến cười ồ ồ, giọng chú như giọng vịt đực. Chú giải thích một cách mạch lạc cho Hữu nghe:

"Đó không phải là chùa. Ông ấy cũng không phải là ông thầy. Đúng ra chỉ là một cái nhà thờ Phật của một ông thầy cúng, một ông thầy pháp. Họ ăn mặn, phải không? Chú ở đó thì biết quá rồi mà, đâu có ăn chay ngày nào đâu! Những ông thầy đó còn lấy vợ, có con, lợi dụng ngô đạo để làm ăn, mưu sinh bằng nghề cúng đám chứ chẳng có lý tưởng xuất gia xuất trần gì cả. Ai thiệt xui xẻo mới lọt vào đó để chôn cả cuộc đời tu. Tôi đã lầm lẫn rồi, nay tới chú, chú biết rồi thì... tốt hơn là rời nơi đó sớm chừng nào tốt chừng đó."

Chú Hữu nghe xong rúng động tim gan, người chú xụi xuống, xanh mét, thất vọng nảo nê. Ngay lập tức chú hiểu hết. Chú ôn lại cách thầy đối xử với mình, cách thầy và cô Diệu Lan giao tiếp với nhau, cách sinh hoạt của chùa với sự thờ ơ khinh bỉ của những người Phật tử bên

ngoài. Chùa chú ở không bao giờ có Phật tử tụ tập đông như các chùa khác. Quanh năm suốt tháng chỉ có thầy, cô Diệu Lan và chú. Tỉnh thoảng mới có một gia đình lầm đường lạc lối đến xin làm lễ đám ma. Đi đám ma cho người ta, thầy ra giá cả y như những người buôn bán ngoài chợ. Bây giờ thì chú hiểu hết. Chú buồn tủi cho mình, ngồi cúi mặt nhìn xuống đất. Chú Tiến an ủi:

"Chỉ còn một con đường thôi là phải lập tức rời khỏi ngôi chùa đó. Chú đi tu không phải để làm đầy tớ cho những người không có chút tâm đạo như vậy. Họ chỉ lợi dụng đạo mà thôi."

Chú Hữu không nói. Chú biết hoàn cảnh của chú khác với hoàn cảnh chú Tiến. Chú như là đứa con của thầy chứ không phải là một đứa trẻ đến chùa xin xuất gia với ý thích, chí nguyện hay một mục tiêu vạch sẵn. Cha mẹ chú sẽ không đón chú về cho dù họ có biết thầy chú thực ra chẳng phải là ông thầy tu. Cha mẹ chú đâu có mong đợi là cho chú đi tu với một vị thầy chân chánh gì đâu. Họ chỉ gởi chú vào đó để khỏi phải nuôi một đứa con khó nuôi mà thôi. Như vậy, chú trở thành con của thầy rồi. Chuyện lý tưởng xuất gia là chuyện khác. Chú nói với chú Tiến và Tâm Tuệ hoàn cảnh của mình. Tâm Tuệ nói:

"Tôi biết rồi. Trước đây chú đã kể cho tôi nghe. Nhưng, chú phải tìm lối thoát cho chú chứ. Dù thế nào thì ông ấy cũng không phải là cha ruột của chú."

"Nhưng thầy đã nuôi tôi từ mấy năm nay."

"Từ lúc chú mười một tuổi. Đến nay chỉ mới hai năm. Nhưng hai năm đó, chú làm việc cực nhọc để đổi lấy mấy bữa cơm không tình cảm. Hơn nữa... cơm chùa là của bá tánh chứ không phải của ông thầy. Nói thầy nuôi là nói cho gọn, cho dễ hiểu. Chứ thật ra một người xuất gia ở chùa chỉ mang ơn cơm gạo của bá tánh mà thôi. Ông thầy không có công nuôi nấng cơm ăn áo mặc gì hết, nhất là một ông thầy đám thầy cúng. Ông ta chỉ đào tạo chú thành một người phụ tá để đi cúng kiếm tiền, để sai làm việc trong chùa thôi, và mỗi ngày đi cúng đám với ông ấy là chú đã tự kiếm miếng cơm cho chú, chứ có phải là ông ấy nuôi chú đâu! Ông không có nuôi chú ngày nào hết, nghĩ lại đi!" chú Tiến nói một hơi với giọng đàn anh như vậy.

Chú Hữu còn đang phân vân thì chú Tiến lại tiếp:

"Ở đó chú không được dạy dỗ gì hết. Chú nhớ lại xem. Suốt năm suốt tháng chú không được dạy dỗ điều gì hay ho cả. Chỉ có sai vặt, đám bóp, đi chợ, giúp cô Diệu Lan, xách nước cho cô tắm... toàn là ba cái chuyện bá láp, bất công! Tôi nói có đúng không! Tôi có ở Nghĩa Trung một thời gian đó chú à! Chú tin tôi đi, suốt đời chú ở đó chú vẫn cứ là một người để sai vặt mà thôi."

Tâm Tuệ chen vào:

"Chú Tiến biết không, cô Diệu Lan mới vừa đi nhà thương hộ sinh đó, có thầy lái xe gắn máy theo hộ tống."

Chú Tiến thả xụi hai vai xuống ra dáng muốn xỉu:

"Ôi trời! Chú tiểu đây có rồi mà thầy còn kiếm chi thêm chú tiểu khác nữa vậy thầy!" (nói ngang đây, Tiến bỗng ngay người lại, nói giọng nửa giỡn nửa thiệt) "à này, vậy là chú tiểu sắp ra đời sẽ là trụ trì tương lai vì nó là con ruột của thầy ấy, còn chú chỉ là con nuôi thôi. Trước sau gì rồi chú cũng phải cuốn gói ra khỏi chùa. Có một đứa con ruột ra đời, chú càng bị đối xử tệ hơn. Chú lo tính chuyện sớm đi."

Chú Hữu càng nghe càng bối rối chẳng biết tính sao. Tâm Tuệ thấy tội nghiệp, nói:

"Tôi định bụng là nếu tôi với chú Tiến xin vào Phật học viện được, hai đứa chúng tôi sẽ lên xin thầy Giám viện cho chú vào đó ở tu rồi học dự thính một thời gian, sau đó nếu chú học kịp thì xin học chính thức luôn."

"Nhưng... phải có thầy bổn sư giới thiệu mà. Hôm trước chú nói vậy."

Chú Tiến trả lời thay Tâm Tuệ:

"Đó là theo nguyên tắc, chứ hoàn cảnh của chú, thầy nào nghe cũng sẽ hết lòng giúp đỡ. Chẳng hạn như thầy của Tâm Tuệ hay thầy tôi ở chùa Phổ Hiền cũng có thể giúp chú được."

Chú Hữu sáng mắt mừng rỡ:

"Vậy hả?"

Nhưng rồi chú mặt chú lại chùng xuống. Chú nhớ đến chùa mình. Nơi đó, chú không hiểu có cái gì đó kháng khí với mình lắm, đến nỗi khi nghĩ đến chuyện bỏ đi, dù sung sướng cách mấy, chú cũng nghe đau nhói ở bên trái ngực mình. Chú không phân định được cái gì đã níu kéo, ràng buộc tâm hồn mình. Lòng chú bỗng buồn vô hạn. Chú nói với hai chú kia với giọng không mấy tin tưởng rằng mình sẽ quyết định tìm một cuộc sống mới:

"Có hai chú hay quý thầy giúp thì tôi mừng lắm. Nhưng... tôi không biết tôi có đi được không nữa. Thôi, hay là các chú cứ vào Phật học viện đi. Khi nào nghĩ học về đây các chú ghé cho tôi biết rồi tôi mới tính được."

Chú Tiến nói:

"Cái đó tùy chú thôi. Hai đứa tôi sẽ cố gắng giúp chú thoát khỏi đó rồi vào Phật học viện nữa. Chú chưa tính được bây giờ thì rãi rãi mà tính, nhưng chân thành mà nói, tôi khuyên chú bằng cách nào cũng phải tính chuyện rời khỏi cái chỗ hắc ám đó nếu chú thật sự muốn trở thành một người xuất gia chân chính. Còn như chú muốn trở thành thầy đám thầy cúng thì tui tôi không bàn tới nữa."

Ba chú từ biệt nhau ở cổng tam quan. Tâm Tuệ còn gắng níu chú Hữu lại, căn dặn kỹ càng với giọng cảm động:

"Thầy tôi có dặn chú hôm trước là khi nào chú có chuyện khó xử thì đến thầy, thầy sẽ giúp chú, chú nhớ nghe, đừng để ai ăn hiếp hành hạ chú nghe."

Chú Tiến cũng nói:

"Có hàng trăm chùa sẵn sàng dang tay đón nhận những chú tiểu xuất gia như chú. Hoàn cảnh của chú, không chùa nào từ chối đâu. Chú nhớ nghe."

Chú Hữu nghe lời dặn dò của hai bạn mà chảy nước mắt. Chú không ngờ chú có thể có được những người bạn tốt như hai người bạn này. Các chú chấp tay vái chào nhau. Chú Hữu vội vã trở về chùa.

Vừa bước vào cổng chú thấy thầy tay cầm roi đứng chực sẵn. Thầy vụt cho chú mấy roi vào

lưng, vào vai. Đau quá chú chạy ra sân, thầy rượt theo, hét:

"Đứng lại, đứng lại không tao đuổi luôn ra ngoài đường!"

Chú không dám chạy nữa, đứng lại chịu đòn. Thầy chẳng nói chẳng rằng, quát chú túi bụi bằng chiếc roi mây mà khi nào nóng giận lắm thầy mới cầm đến để phạt chú. Chú té xuống đất, thầy cũng chẳng tha, quát bừa lên người chú. Chú lăn qua lăn lại để tránh đòn nhưng vẫn không thoát được những lần roi đau xé thịt da. Thầy ngưng tay rồi, chú mới lồm cồm ngồi dậy, khóc thút thít. Thầy gần giọng:

"Tôi bảo chú giữ chùa mà chú bỏ đi đâu? Lỡ ăn trộm vô hốt hết đồ thì sao!"

"Dạ... con đã khóa cửa rồi."

"Khóa cửa mà ăn nhầm gì! Nhưng tôi hỏi chú đi đâu?"

"Dạ... con... con ra tiệm sách."

"Ra tiệm sách làm cái gì! Tôi có bảo chú đi không! Kinh sách ở chùa chú học có hết đâu. Chứ Hán học đã hết đâu! Bộ tôi dạy chú không đủ sao mà còn đi kiếm thêm sách về học? Làm như là hiếu học lắm vậy! Đi vô rửa mặt đi. Chú còn tái phạm tôi đuổi chú về với ba má chú lập tức."

"Dạ... con không dám nữa," chú đứng dậy vái chào thầy rồi vào trong.

Thầy thì vào phòng cô Diệu Lan loay hoay soạn đề đọc gì đó. Chú vào phòng kiểm dầu xức lên các vết xước và bầm trên người, thấy đau rát cả người. Một lúc, thầy ôm một gói đồ lớn ra cột phía sau xe gắn máy.

"Hửu!"

Chú dạ rồi chạy ra sân:

"Thầy gọi con?"

"Coi chùa nghe chưa. Thầy đi xuống nhà thương, tối mới về. Nếu sau mười giờ không thấy thầy về, chú cứ đóng cửa nẻo kỹ lưỡng rồi đi ngủ, nghe chưa?"

"Dạ," chú đáp mà trong lòng thấy vui vui. Chú chẳng hiểu sao bây giờ chú lại thấy vui khi thầy đi vắng. Chú phụ giúp thầy ràng bao đồ sau xe. Thầy đang hầm hầm bỗng đổi vui, vừa cười vừa nói:

"Cô Lan sanh đứa con trai."

"Vậy hả thầy?" chú Hửu hỏi lại cho có lệ.

Thầy có vẻ vui lắm. Nếu không thì thầy còn đánh phạt chú nặng nề hơn nữa. Chú nghĩ vậy. Đứa bé trai mới chào đời chẳng dính dáng gì đến chú để có thể cho chú niềm vui. Nhưng cũng nhờ nó mà thầy nhẹ tay với chú hôm nay mà thôi. Khi thầy đi rồi, chú lần thân bước ra sân, đến ngồi dưới gốc cây đa. Những rễ má chằng chịt của cây đa rũ xuống quanh chỗ chú ngồi. Chú thấy ấm lòng khi ngồi dưới gốc đa—người bạn thân thuộc của chú. Chú nói với cây đa:

"Đa ơi, sao tui khổ vậy Đa? Thầy đánh tui Đa có thấy không? Đây nè, đánh chỗ này sứt cả miếng da, chảy máu ra, Đa có thấy không? Còn chỗ này, chưa chi mà bầm tím rồi. Từng lần, từng lần ở đây nữa nè. Đau lắm đó Đa à! Không ai cản thầy hết Đa thấy không? Hồi tui ở nhà... hu hu... hồi tui ở nhà... ba má tui đâu có đánh tui. Ba má tui thấy tui ốm yếu nên không bao giờ đánh tui hết á. Hu hu... ba má tui tưởng thầy tui hiền, sẽ không đánh tui... hu hu... vậy mà thầy đánh tui hoài. Ba má tui đâu có biết. Mà tui cũng không dám nói cho ba má tui nghe nữa. Tui đâu có muốn ba má tui buồn... Đa thấy tui có hoang không? Tui đâu có hoang phải không? Tui đi qua chùa của bạn tui thôi mà, vì bạn tui sắp đi học xa rồi, tui phải qua từ giã bạn tui chớ. Bạn tui hai người, người nào cũng được đi học hết đó Đa à. Bạn tui sợ lắm, được thầy thương, không bị ai mắng chửi, đánh đập, ăn hiếp hết.... hu hu, sao tui khổ vậy hờ Đa?"

Cây đa như lắc lư, xào xạc cả lá cành để an ủi chú. Chú ngồi đó mà khóc cho đến khi trời tối mới từ giã cây đa mà vào trong.

Ngồi nơi bàn học trong phòng riêng của mình, nhìn sách vở bút tập, nhìn mấy cuốn luật mà Tâm Tuệ tặng, chú bỗng thấy nỗi háo hức đi học xa ùn ùn nổi dậy. Chú khất khao được vào Phật học viện biết bao. Chú tự nhủ: "Không lẽ mình ở suốt đời tại đây để đi cúng đám, làm việc lật vật như vậy hoài sao!" Chú đứng dậy đi vòng vòng trong phòng rồi lại ngồi xuống trước bàn học. Tại sao mình không nhân cơ hội thầy đi vắng mà bỏ chùa trốn theo chú Tiến với Tâm Tuệ? Hai chú ấy nói là quý thầy ở chùa nào cũng vui lòng nhận mình đến ở hết. Quý thầy khác đâu có giống thầy ở đây. Như thầy của Tâm Tuệ đó, thầy ấy sao mà hiền và thương Tâm Tuệ quá, thương cả mình nữa. ở chùa khác cũng đâu có ai như cô Diệu Lan, đụng đâu sai đó, chửi đó, có khi cãi lộn với cả thầy nữa. Thầy còn nể sợ cô ấy nữa thì làm sao cô ấy chẳng ăn hiếp mình! Nghĩ vậy, chú vụt đứng dậy, ra cổng chùa nhìn xem thầy đã về chưa. Rồi chú trở lại phòng, đứng tần ngần, phân vân một lúc. Cuối cùng, chú vội vàng thu xếp hai bộ áo quần cùng một ít kinh sách của mình vào một cái bao ni-lông lớn. Xong, chú khép cửa phòng lại. Đi quanh khóa chặt các cửa để ăn trộm khỏi vào lấy đồ của chùa. Rồi chú ôm gói đồ, vụt chạy ra ngoài. Nhưng đến ngang cổng tam quan, chú bỗng khựng lại. Chú thấy sao mà khó lòng bỏ đi một cách âm thầm lén lút như vậy. Có cái gì đó níu kéo chú mà chú không hiểu nổi. Mấy năm nay sống bên một vị thầy nhu nhược sợ đàn bà, ít suy nghĩ, ít tình cảm và một người đàn bà đánh đá hiểm ác lúc nào cũng sẵn sàng hoác rộng miệng ra để chửi rửa tru tréo, chú thấy không lưu luyến gì với họ cả khi quyết định rời họ mà đi ngay lúc này. Nhưng sao trong lòng chú vẫn nghe một cái gì đó buồn buồn, vương vấn. Dường như nơi cảnh chùa nhỏ hẹp buồn tẻ này vẫn có cái gì êm đềm khắng khít với tâm hồn chú, vượt ve những đau buồn tủi nhục của chú hằng ngày. Chú thấy quặn đau trong lòng khi đứng nơi cổng tam quan với ý nghĩ nhìn lại ngôi chùa lần cuối trước lúc từ biệt. Dừng dằng một lúc, chú thở dài rồi lững thững quay trở vào trong, không đi nữa. Chú ném gói hành lý của mình trên giường. Chú bước lên chánh điện, đi quanh các bàn thờ, nhìn thật kỹ những tượng Phật, tượng Bồ Tát, tượng Hộ Pháp và các khuôn hình quen thuộc trên bàn thờ vong linh. Chú nhớ những thời tụng kinh của mình từ khi mới vào chùa đến nay. Chắc là cả ngàn lần chú tụng kinh nơi chánh điện này rồi. Những lần đó, có khi có thầy, có khi chỉ mình chú. Chú thích tụng kinh lắm. Nhưng, hình như chuyện tụng kinh không phải là điều làm chú lưu luyến. Chú có thể tụng kinh ở một ngôi chùa khác với thầy khác hoặc các chú tiểu khác. Chú đứng mãi nơi chánh điện mà chẳng hiểu chú luyến tiếc gì nơi đây và chú cũng thật tình chẳng biết phải làm gì ngay lúc này nữa. Chỉ thấy một nỗi buồn tràn ngập trái tim nhỏ bé của mình.

Bỗng chú nghe thấy tiếng xe gắn máy của thầy chạy vào sân chùa. Chú lật đật rời chánh điện trở về phòng mình, cất dấu gói hành lý. Chú ra đón thầy ở cửa hông của chùa. Vừa khóa xe, thầy vừa nói:

"Thằng nhỏ dễ thương hết sức!"

Chú chẳng nói gì. Chú nhớ đến Tâm Tuệ và chú Tiến. Các chú ấy cho rằng thầy và cô Diệu Lan đã có con với nhau. Có nghĩa rằng thằng bé mới chào đời là con thầy. Hèn chi thầy vui quá. Y hệt ba chú mừng thằng cu Đen em út của chú lúc nó mới được mẹ chú sanh ra vậy.

Ngày nào thầy cũng lái xe gắn máy mang cơm mang nước gì đó cho cô Diệu Lan. Đầu khoảng tuần lễ thì thầy đưa cô ấy cùng thằng bé sơ sinh về chùa. Thằng bé được thầy hay cô Diệu Lan đặt tên là Mừng. Chắc thầy mừng quá không nghĩ ra được cái tên nào khác bèn đặt đại theo xúc cảm của thầy thôi. Cô Diệu Lan hay sai chú quạt lò than đặt dưới giường cho cô. Khi thằng Mừng khóc, cô bảo chú đu đưa cái nôi cho nó nín. Rồi cô tập cho chú thay tả cho nó nữa. Chú ghét nhất là công việc thay tả này. Một tay bịt mũi một tay thay, chú bị cô Diệu Lan chửi cho một hồi:

"Làm gì dữ vậy! Em nó có ăn uống gì đâu mà c. em thúi! Bịt mũi bịt mũi có ngày bị quả báo sứt mũi cho mà coi!"

Những ngày cô nằm dưỡng chú thật là cực nhọc. Hầu như suốt ngày chú thường trực dưới phòng cô để chực cô sai bảo và cũng để ẵm, ru thằng Mừng cho cô ngủ ngon giấc (thầy bảo vậy). Vừa lo việc chùa, chú còn phải lo cho cả hai mẹ con cô Diệu Lan nữa, thật là cực nhọc. Chú nhớ hồi thằng cu Đen em chú chào đời, ba má chú đâu có bảo chú làm gì. Chú thấy chán nản lắm, nhưng chú cứ bặm môi, cúi mặt mà làm tất cả những gì thầy và cô sai bảo. Có lúc đang ngồi đưa nôi cho thằng Mừng, chú bỗng nảy sinh ý nghĩ bỏ chùa mà đi. Nhưng, chú nghĩ, có lẽ giờ này Tâm Tuệ và chú Tiến đã đi vào Hội An để dự cuộc thi tuyển vào Phật học viện rồi. Chú có trốn đi thì cũng chẳng ai hướng dẫn và giúp đỡ. Thôi thì đành cắn răng mà chịu. Hướng chi chú vẫn còn quyển luận gì đó nơi chùa này đến nỗi mỗi khi nghĩ đến chuyện đi thì tự dưng thấy đau đau ở trái tim.

Chiều đó, cô Diệu Lan lại sai chú đi mua đồ. Mua sữa bò cho thằng Mừng. Chú nghĩ bụng, phải nhân cơ hội này ghé chùa Từ Quang thăm Tâm Tuệ. Hy vọng chú ấy và chú Tiến chưa đi Hội An.

Quả nhiên Tâm Tuệ chưa đi. Chú Hữu mừng lắm, bước vào phòng bạn là hỏi dồn:

"Tôi tưởng chú đi rồi chớ. Chùng nào mới đi? Chú Tiến có qua đây đi chung với chú không? Các chú đi chùng nào thì về thăm?"

Tâm Tuệ nói mà giọng có vẻ ái ngại, sợ bạn buồn tủi:

"Sáng mai hai đứa tôi đi rồi. Tối nay chú Tiến qua đây ở lại một đêm. Đến Phật học viện, tụi tôi phải chờ khoảng tuần lễ rồi mới thi khảo hạch. Nếu đậu thì ở luôn đó mà học, rớt thì về lại đây ngay."

"Nhưng chắc là không rớt đâu phải không chú?" chú Hữu hỏi.

"Tôi cũng nghĩ vậy. Tôi và chú Tiến học kỹ lắm. Điều kiện là tốt nghiệp Sơ đẳng Phật học nhưng tôi và chú Tiến đều đã học chương trình tương đương với Trung đẳng I thì làm sao mà rớt được. Chú Tiến nói sẽ cố gắng xin cho chú vào Phật học viện, nếu không dự học được thì cũng xin ở đó mà tu cũng tốt phước hơn là..."

Tâm Tuệ chưa nói hết câu thì Hữu đã sa nước mắt, cúi mặt nghẹn ngào.

"Sao vậy? Có chuyện gì vậy? Chú bị họ ăn hiếp phải không? Nói tôi nghe đi?" Tâm Tuệ nóng ruột hỏi.

Chú Hữu không trả lời được, cổ họng chú nghẹn cứng. Sự quan tâm của bạn làm chú cảm động và càng khóc nhiều hơn, nước mắt chú chảy từng hàng từng hàng xuống hai gò má ồm xanh. Tâm Tuệ lúng túng chẳng biết an ủi bạn thế nào. Chỉ cầm tay bạn mà bóp nhẹ. Vừa lúc đó, chú Tiến bước vào, mang theo hai cái va-li lớn. Thấy Hữu khóc, chú Tiến nói ngay:

"Có chuyện rồi phải không! Cái mụ đó đánh đập chú hả? Tôi nói chú bỏ đi, đừng nấn ná chi ở cái chỗ u tối đó. Họ làm gì chú vậy, nói tôi nghe coi."

Chú Hữu không nói gì được. Phải một lúc lâu, chú mới nói tóm được một câu:

"Suốt ngày tôi phải giữ em, thay tả, chăm sóc cho cô Diệu Lan và thằng con của cô..."

Chú Tiến nghiêng răng nói:

"Không được! Dứt khoát là không được rồi. Họ làm vậy là hết mức rồi. Không ai mà chấp nhận được! Để tôi qua đó nói chuyện với họ. Phải chấm dứt lập tức tình trạng bị ối đó!"

Chú Hữu níu Tiến lại:

"Đừng chú. Đừng làm vậy, thầy đuổi tôi đó."

"Đuổi? Đuổi thì đi chứ sợ gì! Thiếu gì chùa thương chú. Chú là chú tiểu rồi thì tất cả các chùa đều là nhà chú, chú có biết không? Chú là con của Giáo Hội, chẳng phải là con riêng gì của ông ấy hết! Đi, ba đưa mình đến đó nói chuyện thẳng với họ."

Chú Hữu dùng dằng níu bạn, không muốn đi. Tâm Tuệ cũng giữ chú Tiến lại, nói:

"Khoan đã Tiến à, đừng nóng nảy như vậy. Thầy ấy là người lớn, thầy đâu thèm nói chuyện với tụi mình. Nếu cần thì nhờ thầy tôi qua nói chuyện, hoặc là... chú Hữu cứ đi luôn khỏi cần quay về nữa thì êm chuyện. Chú ở đây, ngày mai theo chúng tôi đi đến Phật học viện. Tụi tôi xin dự thi để nhập học, còn chú thì xin nhập chúng ở tu; khi nào chú có thể học theo kịp thì xin học. Thời gian đầu chỉ xin ở tu thôi. Chắc chắn ba đưa lên lạy thầy Giám viện nói rõ hoàn cảnh chú thì thầy sẽ nhận chú làm đệ tử ngay. Các chú thấy sao?"

Tiến đáp ngay:

"Hay lắm, ý kiến rất là hay. Chú Hữu bây giờ cứ ở lại đây đi, sáng mai tụi mình cùng đi. Chắc chắn thành công mà. Đừng có thèm trở về cái địa ngục đó nữa."

Hữu nghe ý kiến các bạn, trong lòng vô cùng phấn khởi. Nhưng nhớ lại là mình chưa chuẩn bị gì hết, chú nói:

"Cám ơn các chú bày cách hay. Tôi vui lắm. Nhưng..."

"Đừng có nhưn nhị gì hết. Không có tiếc gì cái chỗ đó nữa," chú Tiến chặn ngang.

"Không phải. Tôi đang cầm tiền để mua sữa cho thằng Mừng con cô Diệu Lan."

"Cứ mua sữa đi... rồi để tôi nhờ một bác xích lô mang về chùa Nghĩa Trung dùm là được rồi. Có bác Bảy xích lô ở kế bên chùa này nè," Tâm Tuệ nói.

"Nhưng... tôi còn đồ đạc ở chùa, làm sao mà lấy được?" Hữu nói giọng lo lắng.

"Đồ của bọn tiểu mình có gì đâu mà tiếc! Cũng là hai ba bộ đồ vặt khách với dăm ba cuốn kinh thôi chứ nhằm nhò gì đâu! Bỏ hết đi, tội tôi góp tiền may đồ khác cho chú. Bây giờ chú mặc tạm đồ của Tâm Tuệ cũng vừa mà," Tiến góp ý.

"Chú Tiến nói đúng đó, bỏ hết đồ đó đi, sắm lại đồ khác. Tội tôi có may thêm đồ trước khi đi Hội An, để tôi chia bớt cho chú hai bộ mặc tạm. Sau này tội mình may thêm. Tôi và Tiến đều có tiền của gia đình, lại thêm tiền của thầy cho nữa. May đồ, mua vé xe đò, vậy là đủ rồi, kinh sách học thì chùa nào lại chẳng có, khỏi lo chú à. Đồng ý đi. Tội tôi không muốn chú tiếp tục bị đày đọa nữa. Chú phải dứt khoát thì mới có tương lai được."

Chú Hữu suy nghĩ một lúc, lau nước mắt rồi sung sướng gật đầu.

*

Tâm Tuệ đưa tiền nhờ bác Bảy xích lô mua sữa rồi đem đến trao tận tay cho cô Diệu Lan. Bác Bảy là Phật tử thân cận của chùa Từ Quang, theo lời dặn của chú Tâm Tuệ, chỉ nói vắn tắt là có một chú tiểu nhờ đem sữa đến và chú ấy sẽ không bao giờ trở lại nữa. Cô Diệu Lan tròn xoe đôi mắt, lật đật lên báo tin cho thầy biết. Thầy hằm hằm la hét om sòm:

"Để rồi coi, một hai ngày đói meo ngủ bờ ngủ bụi rồi nó cũng lết về đây cho mà xem! Đồ cái quân mất dạy, phản chủ!"

Tâm Tuệ không muốn phiền đến thầy mình nên đem dẫu chú Hữu trong phòng. Buổi tối, Tâm Tuệ đem cơm vào phòng cho chú Hữu ăn. Tâm Tuệ nói:

"Chút nữa tôi và chú Tiến lên lạy từ giã thầy để khuya nay đi. Khi tội tôi đi chào thầy, chú cứ ở lại trong phòng này. Tối nay chú ngủ tạm một đêm ở đây, khuya này khi thầy đang tụng kinh thì tội mình rời chùa ra bến xe, vậy thì thầy sẽ không biết gì hết. Tôi không muốn thầy biết chuyện... thực ra thầy tôi biết thì thầy cũng thương mà giúp chú thôi, nhưng sợ thầy khó xử với thầy chú. Chuyện tội mình tính tôi nghĩ là sẽ êm xuôi, không muốn phiền thầy để rồi giữa hai chùa, hai thầy có xích mích với nhau. Chú hiểu tôi không?"

Chú Hữu gật đầu ngay. Chú không ngờ Tâm Tuệ mới mười sáu tuổi mà lanh lợi, tế nhị, biết điều làm sao.

Buổi tối sau khóa Tịnh Độ, thầy gọi chú Tâm Tuệ và cả chú Tiến lên phòng riêng của thầy để dặn dò chuyện đi học xa. Tâm Tuệ và Tiến dẫu nhem chuyện của chú Hữu, không hé môi với thầy lời nào. Thầy soạn cho Tâm Tuệ và chú Tiến một ít kinh sách cần thiết. Thầy còn cho hai chú tiền để đi học xa nữa. Khi rời phòng thầy, chú Tiến nói với Tâm Tuệ:

"Thầy tôi có cho tôi tiền rồi. Tiền của thầy chú cho thêm, tôi dành cho Hữu. Nghĩ đến chú ấy tôi thấy tội nghiệp quá. Hy vọng chuyến đi này sẽ cho chú ấy một cuộc sống mới, đúng nghĩa."

Sau khi coi lại hành lý lần chót, Tâm Tuệ và chú Tiến giãng mừng. Ba chú nằm chung trong một cái mừng to, cùng ngủ dưới đất. Cả đêm ba chú cứ bàn tính, nói chuyện tương lai. Hữu sung sướng ngủ không được. Hai chú kia ngủ ngon rồi mà mắt chú cứ trao tráo. Chú nằm lẩn qua

trở lại bao lần. Chú nhớ về chùa. Chú ôn lại những ngày đầu khi cha mẹ chú đưa chú vào chùa. Chú thấy thương cha mẹ quá. Cha mẹ chú đâu có biết chú bỏ chùa mà đi thế này. Nếu biết, cha mẹ chú hẳn là buồn lắm. Chắc cha mẹ sẽ nghĩ rằng chú hoang đường, ngỗ nghịch, dám cãi thầy, bỏ chùa đi hoang. Chú nghĩ là chú cần phải viết cho cha mẹ một lá thư ngay sau khi đến Phật học viện và biết kết quả chuyện cư trú của mình tại đó. Càng suy nghĩ lòng chú càng nghe buồn vô hạn. Nỗi vui nỗi buồn chen vào nhau, cắn xé nhau, làm cho lòng chú dửng dăng rồi căng ra, thật khó chịu. Chú không rõ tại sao quyết định bỏ chùa đi để tìm một đời sống mới nơi chùa khác, là một quyết định hợp lý, đầy ý nghĩa, đầy hạnh phúc, mà lại khiến cho tâm hồn chú thấy chùng xuống như mất mát một cái gì to lớn lắm vậy. Nghĩ đến thầy và cô Diệu Lan, trong lòng chú không nẩy sinh chút tình cảm êm đềm nào hết. Thật uổng phí hai năm chung sống với họ dưới một mái chùa. Giờ này nghĩ đến họ, chú chỉ nghe một nỗi chán chường, tởm lợm. Chú không luyến tiếc gì họ cả. Có một cái gì khác mà chú bỏ quên nơi ngôi chùa đó. Chú không nghĩ ra được. Chú nằm trần trọc cho đến một hai giờ khuya, bỗng dưng chú sực nhớ đến người bạn thân yêu của chú. Chú ngồi vùi đầu. Phải rồi, cây đa, cây đa! Chú thương cây đa của chùa quá. Đó là người bạn duy nhất từng lắng nghe, từng chứng kiến bao nỗi đau buồn khổ nhục của chú suốt hai năm nay, từ khi chú vào chùa. Chú ngồi đó, nghĩ đến cây đa, chú nhớ cây đa, và chú khóc. Một chập lâu, thấy Tiến và Tâm Tuệ hãy còn ngủ ngon, chú bỗng nẩy ý định quay trở về chùa.

Chú rón rén chui ra khỏi mùng. Chú ước tính, từ đây về chùa chú khoảng một cây số, nếu chú đi bộ thì chỉ mất mười lăm phút là cao. Chú rón rén mở cửa phòng Tâm Tuệ, bước ra ngoài. Chú nhẹ nhàng đi băng ngang phòng ăn, phòng thầy trụ trì, hành lang chánh điện, rồi ra sân. Cổng chùa này chỉ cài then chứ không khóa kỹ như cổng chùa chú. Chú khép cổng lại rồi đi nhanh về hướng chùa mình.

Đường phố vắng hoe, chỉ có vài chiếc xích lô đạp nhanh đi tìm khách. Chú cúi mặt đi không nhìn ngó ai. Từ xa, chú đã thấy cây đa vươn lên phủ rợp cả một nửa mái chùa. Nhìn thấy cây đa, trong lòng chú đã rung lên, xúc động. Chú chạy nhanh đến cổng chùa. Cổng khóa không vào được, chú leo qua song sắt nhảy vào trong. Rồi chú chạy a đến cây đa. Chú ôm cây đa mà khóc nức. Cây đa, người bạn khổng lồ của chú, dường như dang tay để ôm chặt chú vào lòng. Chú chẳng nói gì với cây đa. Chỉ khóc thôi. Rồi chú từ biệt cây đa. Nhảy ra khỏi cổng rào rào, chú đưa tay vẫy vẫy với cây đa:

"Tạm biệt Đa nghen. ở đâu tui cũng nhớ Đa hết. Đa ở lại đừng có buồn nghe Đa..."

Rồi chú phóng nhanh trở lại chùa Từ Quang. Nhẹ nhàng vào sân chùa, vào phòng Tâm Tuệ, chui vào mùng, nằm xuống ngủ. Bây giờ chú ngủ được rồi.

Bốn giờ khuya, khi thầy của Tâm Tuệ tụng kinh trên chánh điện, Tâm Tuệ đánh thức Hữu và Tiến dậy. Cả ba cùng mang hành lý ra bến xe. Chú Hữu phụ xách hành lý cho hai chú kia, vì chú chẳng có hành lý gì. Mua được vé xe rồi, ba chú leo lên xe ngồi. Tài xế cho biết một tiếng đồng hồ nữa xe mới chạy. Ba chú ngồi trên xe với tâm trạng nao nao, sung sướng. Khi chất hành lý xong xuôi, bác tài xế kiểm soát vé của hành khách trước khi khởi hành. Các chú biết là xe sắp chạy rồi. Khung trời mới sắp mở ra rồi.

Bỗng nghe tiếng gọi từ phía dưới xe. Tiếng gọi rất quen thuộc:

"Tâm Tuệ, Tâm Tuệ!"

Chú Tâm Tuệ thò đầu ra khung cửa sổ và thấy thầy mình. Tay thầy ôm một gói đồ, tay kia thầy cầm hai cái phong bì, vừa đi quanh xe vừa cất tiếng gọi. Tâm Tuệ mừng quá reo lên:

"Con đây, bạch thầy!"

Thấy ba chú rồi, thầy xin phép tài xế lên xe để dặn dò các chú. Ba chú cùng đứng dậy chấp tay vái chào thầy. Thầy kéo chú Hữu đến gần, ôm chú vào lòng, rồi xoa đầu chú. Chú không ngờ trước được sẽ có sự cố này xảy ra. Chú chỉ biết khóc, gục mặt vào chiếc áo nâu bao dung của thầy mà khóc. Thầy hiền hòa nói:

"Đây là hành lý thầy gói cho con. Phong bì này là thư giới thiệu của thầy, con mang lên trình Thượng Tọa Giám Viện thì Thượng Tọa sẽ cho con ở lại Phật học viện mà tu học. Thượng Tọa là bạn cũ của thầy đó. Còn phong bì này là chút tiền thầy cho để con mua sắm thêm các thứ linh tinh. Trong gói đồ này có vài cuốn kinh và mấy xấp vải để con may đồ. Con cố gắng tu học nghen. Có gì không hiểu thì nhờ chú Tiến và Tâm Tuệ dìu dắt. Thầy không kịp thời giờ để căn dặn, dạy dỗ con. Con nên tự biết con đường cao đẹp mà con chọn để tiến tu. Không còn con đường nào cao quý hơn. Thôi các con đi bình an và thành công há."

Thầy xoa đầu các chú rồi xuống xe. Ba chú nhìn theo thầy rồi nhìn nhau. Không chú nào biết tại sao thầy biết có chú Hữu trốn chùa đi theo chuyến đi này. Chỉ có chú Hữu là thầm đoán được rằng có thể lúc khuya lên về chùa Nghĩa Trung thăm cây đa, thầy đã thức và thấy chú... Bỗng thầy lại xuất hiện ở dưới, bên khung cửa sổ, thầy ngược lên gọi chú Hữu. Tâm Tuệ nhường chỗ cho chú Hữu chen ra cửa sổ.

"Bạch thầy gọi con?" chú Hữu cảm động hỏi.

Thầy cười cười nói:

"Khi nào thầy đi ngang chùa con thầy sẽ vẫy tay với cây đa, nói rằng con rất dễ thương, và con đang siêng năng tu học ở xa, nhé!"^a

Những ván cờ

Viết tặng Th. Tâm Quang, em "song sinh" của tôi

Đánh cờ tướng là một trò tiêu khiển thú vị lắm. Dàn binh bố trận, đưa quân mình sang xâm lấn nước người, đánh cho tan tác đội ngũ của đối phương, đánh cho tướng địch phải chấp tay đầu hàng. Vừa công vừa thủ, tiền quân hậu quân phối hợp chặt chẽ, chặn đánh quân thù trên từng tấc đất. Lúc thì xe pháo công thành, khi thì tốt ngựa bắt tướng; lúc thì thương tiếc quân sĩ, bảo vệ cá con tốt mọn, khi thì thí mạng bỏ cả xe tượng để giữ lấy chủ soái tối cao. Chẳng lúc nào là không thú vị.

Nhưng thú nhất là khi thắng. Vì thắng thì có thể vỗ đùi đánh đét một cái để tự ban thưởng sách lược chinh đông chinh tây tài ba của mình. Ngoài ra, còn là để mục kích cái đau khổ của kẻ đại bại. Còn thua ư? Ồ, quê lắm. Hai khóe miệng tự nhiên chảy xệ xuống, không sao nhích lên nổi. Nhưng cũng phải ráng cười, vì không cười thì có vẻ như muốn mặc nhiên thừa nhận mình dở mà cũng là tự công nhận cái tài giỏi của thằng khi đối phương đáng ghét đang cười hí hửng ngay trước mặt. Nếu không cười gượng được thì cũng nói đôi lời vớt vát, chẳng hạn "tại tui sơ hở để chết mất con xe" hoặc, "tại tao lo tấn công quá nên quên thủ con tướng". Cười không nổi, nói không được, im lặng cũng chẳng xong thì chỉ có nước xách bàn cờ mà đập cho đối phương một trận. Anh rượt em, cha đuổi con có khi cũng chỉ vì thua một ván cờ (làm như thế

đánh cờ với anh với cha thì phải làm bộ thua hoài vậy!). Sự thắng bại trong một bàn cờ có thể làm thay đổi nhiều thứ.

Tôi không phải là kẻ đánh cờ tướng chuyên nghiệp. Tôi chưa hề bỏ công để học cờ thế. Tôi biết đánh cờ, vậy thôi. Nhưng, có thể nói là do đánh cờ nhiều năm mà tôi có chút kinh nghiệm trong thế công cũng như thế thủ để bày được những ván cờ không mấy tệ. Đánh với kẻ cao tay thì dù thắng hay bại tôi cũng học được những nước cờ táo bạo mà tôi chưa dám áp dụng với kẻ ngang cơ hay trên cơ mình. Nhưng trong suốt mười mấy năm, kể từ khi bắt đầu tập đánh cờ — lúc mười tuổi — chỉ có hai lần đấu cờ làm tôi nhớ đời. Hai lần đó đều là những bài học ý nghĩa và thú vị cho tôi. Những bài học này không nằm trong thế cờ mà nằm ở cái tâm. Đúng, cái tâm của người đánh cờ.

Lần thứ nhất xảy ra vào năm tôi hai mươi hai tuổi. Đối thủ của tôi — phải sòng phẳng mà gọi như vậy — là một vị Thượng tọa lãnh đạo giáo hội Phật giáo có tiếng tăm. Trong khi chờ đợi thầy tôi (đi vắng chưa về), ông bảo tôi bày cờ ra. Nghe danh ông, tôi đã thấy khớp rồi, nói chi dùng trí mà đấu với ông, dù chỉ là qua những quân cờ. Nhưng đánh thì cứ phải đánh. Trận địa, nếu không bày thì thôi, bày thì phải đánh và đánh thì phải đánh để thắng, không thể nương tay. Vài nước dạo dẫm, tôi lấy được tự tin rồi tấn công tới tấp. Quân tôi ồ ạt sang sông, bắt con tốt, chụp con xe, phá đại pháo, không chừa một mạng. Thành không cung trống, quân tôi ba mặt vây kín, bắt bí tướng già trong tướng phủ. Ông cười vang, khen rằng: "Khá lắm, khá lắm!" rồi bày ván khác. Tôi tự hỏi: "Sao lại có thể dễ dàng như vậy? Nghe nói ông là một trong các vua cờ mà... hay là ông thả mình ván đầu?" Nghĩ vậy, tôi dè dặt và bắt đầu lưu ý cách đánh của ông. Nước cờ của ông thật là kỳ quái. Mỗi con cờ mang cả sức mạnh của sự im lặng chịu đựng, con trước con sau hòa hợp nhịp nhàng trong một khối đồng nhất nhưng lại đa dạng, biến hóa. Ông dụng cờ trong thế thủ, nhưng thế thủ đó lại chính là thế công, chặt chẽ, kỳ bí, lúc ẩn lúc hiện, khi tấn khi thoái, không nước nào mà không chứa đựng tiềm lực của sự chinh phục, cảm hóa. Thế đi của ông như nước chảy, như mây trôi, trong khi lối đánh của tôi như lửa chụp, như núi đổ. Chận bắt, phủ đầu, tôi đuổi theo ông như cọp vồ rồng. Ông ung dung tự tại đưa đi những quân cờ khoáng đạt, bao dung; tôi hùng hổ, háo thắng đẩy tới những tinh binh hung tợn. Và cuối cùng, tôi lại thắng; thắng một cách không ngờ; thắng trong sự ngỡ ngàng, kinh dị. Tôi muốn nhìn lại thế cờ tàn trước mặt nhưng ông đưa tay xóa đi và nói: "Khá lắm, con lại thắng thầy rồi!" Nhưng, không thấy có dấu hiệu gì trên nét mặt ông cho thấy ông bị thua hai ván. Mắt ông sáng lên và ông buông một tràng cười sảng khoái y như khi người ta vừa làm được một điều gì đặc ý trên đời. Tôi lui về phòng riêng mà thất thần, giao động. Không, tôi không thắng gì cả. Tôi như một đấu thủ quyền anh đấm vào hư không những cú đấm thôi sơn cực mạnh; và những cú đấm không có đối tượng đón nhận đó chỉ làm cho kẻ đấm thêm mệt nhọc, khó thở mà thôi. Không thể đón bắt được hư không; không thể thắng được sự tịch lặng bằng những âm thanh thịnh nộ; không thể chinh phục được cái không bao la bằng cái có nhỏ mọn. Và, không thể thắng được một cái tâm rộng, sáng.

Tôi hầu như bỏ cờ tướng từ lúc đó. Nhưng bốn năm sau, ở trong tù, thời giờ rộng rãi, tôi bắt đầu đánh cờ lại cho khuây khỏa. Trong phòng giam hơn sáu mươi người, tôi không gặp tay cờ nào ngang sức. Tôi chịu khó đánh cờ với cả những người mới tập chơi và đôi khi tôi thua họ mà lòng tôi vẫn hững hờ như không. Một năm sau, tôi mới gặp được đối thủ của tôi. Và đây chính là lần đấu cờ thứ hai mà tôi nhớ mãi trong đời.

Ông ta ở vào tuổi bốn tám hay bốn chín (có người đoán là trên năm mươi), nhưng trông mặt thì còn trẻ lắm. Ông bị giam ở phòng 6, bị các bạn cùng phòng trù mèn đánh cho một trận vì tội làm ăng-ten, tức là tội làm công việc báo cáo mọi sinh hoạt của phòng giam cho cán bộ trại. Lá bài ăng-ten bị lộ ở phòng 6, ông được cán bộ chuyển qua phòng 7 chúng tôi. Sự liên lạc qua lại

giữa phòng 6 và phòng 7 rất dễ dàng, vì vậy, phòng chúng tôi nhận ra nhanh chóng tín hiệu của một cây ăng-ten mới. Ông được đón chào và tiếp xử một cách không mấy thân thiện cũng vì lẽ đó. Tuy nhiên, ông cũng tỏ ra là kẻ khoe khoang, khoác lác ngay từ những ngày đầu mới nhập phòng nên được đặt cho biệt danh là ông Bô (cái miệng nói bô bô) chứ tên thật của ông là Dự. Ngoài biệt danh Bô, hai yếu tố khác làm nổi bật cá tính của ông là: thứ nhất, sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, chức vụ thiếu tá, binh chủng không rõ ràng (lúc thì Thủy quân lục chiến, lúc thì Pháo binh, lúc thì Bộ binh, chẳng biết đâu mà mò); thứ hai, vô địch cờ tướng của trại giam B5, Biên Hòa. Ông có là vô địch cờ tướng của trại giam hay không thì phòng 7 này cũng chưa xác định được vì ông mới vào đây lần đầu; còn ông có là sĩ quan thứ thiệt hay không thì chỉ có cán bộ trại giam mới rõ mà thôi. Tôi thì nhận thấy mấy anh sĩ quan Cộng Hòa thực sự thì ít khi nào đi rao với bạn đồng phòng rằng mình là sĩ quan cả, trừ khi gặp kẻ tâm đầu ý hợp. Cho nên chuyện ông là sĩ quan này nọ, xuất thân từ đâu, chẳng làm tôi quan tâm lắm. Nhưng chính cái đại danh "vô địch cờ tướng của trại B5" đã cho tôi chút hứng thú để lưu ý tới ông ta. Một cái gì đó ngủ yên trong tôi bị đánh thức dậy.

Trong vòng mấy ngày đầu tiên vào phòng, ông Dự đã dò hỏi ngay những ai là người cao cờ nhất phòng. Người ta nói chỉ có vài cao thủ thôi, trong đó có tôi. Ông đã tìm được đủ cơ hội để ra chiêu dẫn dắt những cao thủ đó và cũng đã chứng tỏ cái chức vô địch cờ tướng của ông không phải là ngoa cho lắm. Nhưng ông và tôi vẫn chưa có dịp đấu cờ với nhau. Trong khi tôi đang đánh cờ với người khác, thỉnh thoảng ông đến gần, im lặng quan sát. Tôi chỉ ngang cờ với những kẻ thấp nhất mà ông chấp cả xe pháo ngựa — có lẽ đó là nhận xét của ông khiến ông chưa có ý rủ tôi đấu cờ. Những tay cao cờ ít khi chịu hạ mình hay tốn thì giờ để đánh với kẻ mới tập chơi vì làm như vậy sẽ hư nước cờ. Tuy vậy, những người trong phòng vẫn cứ thừa nhận tôi là một cao thủ. Điều này khiến cho nhà vô địch hiếu kỳ, háo hức muốn đọ trận với tôi. Tôi bắt được cái nôn nã, bồn chồn của ông trong nhiều ngày. Ông nghĩ là tôi sẽ như những tay chơi cờ khác: ước mong được tiếp cờ với một vô địch (để học hỏi thêm hoặc nếu may mắn, biết đâu lại đoạt giải vô địch), nên ông chịu khó chờ tôi. Nhưng phần tôi, tôi biết sẽ có lúc ông tự mở lời thách đấu với tôi. Và tôi cứ chờ đợi ông.

Cơ hội đó đến vào dịp Tết. Ông Dự đứng ngoài gà — mách nước — cho một đối thủ của tôi (đây là cách để dò nước cờ của tôi mà chẳng thiệt thòi gì cho ông nếu lỡ thua). Tôi đánh thắng và ngay lúc đó, tôi muốn ông cắn câu, tôi đùa với đối thủ của mình, làm như không biết có ông đứng bên cạnh:

"Thấy chưa, nước đó thắng là thắng, dù có Đế Thiên Đế Thích xuống cũng gỡ không nổi nói chi người phàm!"

Nghe vậy ông chen vào, đẩy đối thủ của tôi sang bên, nói với giọng ra vẻ tự nhiên:

"Mày dở quá, để tao đánh thử với ông thầy này coi."

Rồi ông tự động sắp cờ, mắt chẳng nhìn tôi:

"Thử vài ván đầu năm nhé ông thầy?"

Tôi chỉ cười và sắp cờ. Ông tự ý bỏ một pháo một ngựa của ông ra ngoài, chấp tôi. Một sự khinh địch thái quá. Tôi nén bất bình. Tôi biết nếu tôi đánh cờ với một cái tâm đầy tự ái và tức giận, tôi sẽ không thắng được ai, tôi nói:

"Tôi nghĩ là chú chấp tôi thêm con xe nữa mới ngang cờ đó."

"Con xe nữa? Giỡn hoài, ông thầy cũng thuộc loại khá, tôi đâu dám bỏ xe. Hay là để thử vài ván rồi hãy tính, nhé!"

Trong phòng, người ta thấy ông đấu cờ với tôi liền tụ lại, xầm xì:

"Cao thủ gặp nhau rồi."

Nhiều người còn quảng cáo to hơn:

"Đến coi, đến coi! Kỳ phùng địch thủ. Tranh giải vô địch cờ tướng trại B5."

Nhờ trống pháo ngựa mà xe ông tiến nhanh, tấn công chớp nhoáng. Biết ông sở trường nơi cặp xe, tôi tập trung hai pháo hai ngựa của mình để hạ hai con xe của ông. Ông thua ván đầu, mất cả bình tĩnh. Ván kế tiếp ông cũng thua nốt, nóng nảy nói:

"Thôi đánh đồng đi, không chấp nữa!". Rồi ông lượm con pháo con ngựa ở ngoài vào. Hai ván kế tiếp đánh đồng mà ông vẫn cứ thua. Cả phòng giam la hét cổ vũ tôi:

"Ông thầy hạ vô địch cờ tướng rồi!"

Ông tiếp tục sắp ván cờ khác nhưng đã đến giờ phát cơm, phải nghỉ. Ông miễn cưỡng rời bàn cờ để đi lãnh cơm. Bưng cơm đến chỗ tôi, vừa ăn ông vừa nói:

"Bữa nay tôi không được khỏe lắm. Hơn nữa tại tôi dễ người, khinh địch nên thua. Chốc nữa ta lại bày ván khác nhé?"

"Đánh thì đánh. Minh rảnh rồi mà, đánh cho đỡ buồn."

Tôi cười đáp ngay, không suy nghĩ, không từ chối. Ông đánh cờ rất hay, đánh với ông hào hứng lắm. Kể từ nhiều năm rồi, tôi ít khi nào thấy cao hứng với cờ tướng như khi được đánh với ông.

Thấy tôi đồng ý rồi, ông quay đi chỗ khác. Chờ ông đi rồi các bạn tù quanh tôi mới nói:

"Ông thầy đánh thẳng tay nghe, cho ông biết mặt. Vô địch, hừ, kỳ này cho chừa cái tật nói trạng nói dóc."

"Phải cho hắn biết thế nào là phòng 7!"

"Ông thầy mà hạ được hắn dài dài thì phòng 7 mình đoạt chức vô địch B5 đó."

"Hạ rồi, hồi nãy hạ xính vính rồi!"

Tôi im lặng quan sát chính nỗi lòng mình. Cái háo thắng của tôi chưa chết. Cái tôi nhỏ mọn này đang có vẻ đặc ý với những thắng lợi tầm thường. Danh dự của tôi, danh dự của phòng 7, đó là cái gì nhỉ? Nhưng, trong ván cờ, không ai mong đợi sự bại trận. Đấu là để phân định sự cao thấp, thắng bại. Người ta chỉ có thể vui lòng thua trong một trận đấu mà chính mình cho phép và trường hợp này chỉ có thể xảy ra khi họ thương hay nhường nhịn đối thủ, hoặc coi đối thủ như một kẻ tầm thường không đáng để so tài. Nhưng đối với một đối thủ cao cơ, tự đại, sự cho phép đó có vẻ như bất khả. Tôi phải thắng, đó là ý muốn tự nhiên. Thắng được một kẻ vô địch khoáng lác lúc nào cũng tự xưng mình bách chiến bách thắng là điều nên làm. Tôi hầu như quên

mắt mình là một tu sĩ.

Bàn cờ lại được bày ra. Sáu mươi mấy người trong phòng giam đều ủng hộ tôi, xúm xít quanh bàn cờ hoặc tùm nãm tùm ba bàn tán, chờ đợi kết quả. Mọi sinh hoạt khác trong phòng giam đều trở nên thứ yếu. Tất cả đều như tập trung vào cuộc đọ sức ly kỳ trên bàn cờ. Ông Dự trở thành một chiến sĩ cô đơn, nhưng tôi có thể đọc thấy sự quyết tâm của ông hiện rõ trên nét mặt.

Phải công nhận là nước cờ của ông thật lão luyện. Không nước nào thừa, không nước nào làm lỡ. Quân ông tiến nhanh như vũ bão giành thế chủ động. Quân cờ ông vùng vẫy ngang dọc như những hổ tướng tàn bạo, chém giết chẳng nương tay. Ông vây chặt cung cấm của tôi với sự phối hợp tinh diệu của các cánh quân lạnh lùng, vô cảm. Và tôi nhìn rõ, thật rõ, vẻ sắt máu dữ tợn trên những quân cờ màu đỏ của ông. Ông là một tay tinh tường về cờ thế. Vừa đánh ông vừa hô to tên những thế cờ y như người ta hô khẩu lệnh để điều binh ngoài trận địa. Điều này sẽ bắt lợi cho ông nếu tôi cũng sành về cờ thế và binh pháp. Nhưng ông biết rõ tôi chẳng am tường gì về nó cả nên ông dùng nó để áp đảo tinh thần tôi, vừa để chứng tỏ ông đánh có bài bản, có kỹ thuật chứ không đánh một cách tài tử, lơ mơ như tôi. Tôi chẳng biết là tôi đã bày những thế trận gì. Có lẽ trong sách cờ thế không có tên gọi cho các nước cờ của tôi. Tùy theo thế công của ông mà tôi thủ, tùy theo chỗ hở của ông mà tôi phản công. Tôi đánh trong thế bị động, ứng biến. Cờ ông cao thì tôi cao theo, cờ ông thấp thì tôi thấp theo. Vì thế, cả ông lẫn tôi đều không ngờ là đôi lúc tôi lại có những nước cờ kỳ quặc, lạ lùng nhưng uyển chuyển và không kém phần bí hiểm. Tôi sực nhận ra rằng trước đây vị Thượng tọa kia đã từng đem cách đánh vô chiêu thức này để đánh với tôi. Sự khám phá đó làm tôi thích thú, hứng khởi. Nhưng chính cái hứng khởi này đã lấn áp ý niệm hơn thua trong tôi. Tôi rơi vào trạng thái mặc tình, tha hồ (nhậm vận — một thuật ngữ của Thiền học), bỏ mặc tất cả với một cõi lòng thanh thang, sáng khoái. Tôi thấy trước mắt mình, chính cái bàn cờ với những ô vuông ngăn chia hai cõi hai nước, một cánh đồng bát ngát mở ra dưới vòm trời cao xanh phẳng phất những sợi mây trắng mỏng. Qua những cành lá xanh um của hai hàng cây chen bóng nghiêng ngã bên bờ sông tĩnh lặng, gió từ đâu kéo đến, đưa lên mùi hương ngai ngái êm nhẹ của ngàn hoa nội cỏ.

Tôi thua ván cờ đó. Cả phòng la ó, có ý trách tôi chệnh mảng. Họ nói, lý ra tôi phải thắng; từ thế thắng tôi đã rơi vào chỗ bại một cách vô lý.

Ván thứ hai cũng vậy, sắp thắng tôi lại thua. Ông Dự có vẻ đắc ý lắm nhưng vẫn chưa thỏa dạ. Ông hăm hở sắp ván khác rủ tôi đánh tiếp. Tôi từ chối. Anh trưởng phòng 7 kéo tôi lại một góc phòng, nói hành nói hạ:

"Ông thầy thả hấn ta hả? Sao sắp thắng rồi lại thua? Ông thương hại hấn ta phải không? Làm ơn làm phúc đánh đàng hoàng giùm tôi đi. Ông phải nhớ rằng danh dự phòng 7 đặt vào tay ông đó. Đánh lại đi."

Nhiều người khác cũng xúm lại, thúc đẩy tôi. Ai cũng nhắc đến danh dự của phòng 7. Tôi trở lại bàn cờ. Ông Dự vẫn còn ngồi đó như muốn tận hưởng niềm vui chiến thắng. Thấy tôi trở lại, ông hiểu ý ngay và sốt sắng sắp bàn cờ khác. Tôi im lặng ngồi xuống, cầm cờ. Lần này, tôi xua quân ào ạt, mũi tiến quân nhọn hoắc như dao găm, chọc thủng mọi thành trì, phá tan quân cấm vệ, xông vào bắt tướng. Một ván, hai ván, ba ván, rồi bốn ván, tôi đều thắng. Thắng vẻ vang. Thắng vì danh dự của phòng 7. Cả phòng reo hò tán thưởng, ca khúc khải hoàn. Ông Dự méo mặt đau khổ, rút về góc phòng. Tôi cũng im lặng rút về một góc. Tự nhiên thấy buồn.

Người ta thường nhân danh tập thể này để áp đảo, đánh bại tập thể khác. Nhưng thực ra, tập thể chỉ là một danh từ trống tuếch; nó chỉ là sự gá hợp gượng gạo của nhiều cái bản ngã nhỏ

nhên. Những bản ngã nhỏ nhên này vì không chịu giam mình trong cái vỏ hạn hẹp, đã tự đồng hóa mình vào cái tập thể lớn hơn để thỏa mãn nhu cầu vùng vẫy chiếm hữu của chúng. Danh dự của một tập thể chỉ là danh dự của cá nhân phóng đại ra chứ không gì khác. Cho nên, khi chiến thắng hay thất bại, tập thể vẫn cứ là tập thể, chỉ có từng cá nhân riêng lẻ kia mới thọ nhận được hạnh phúc hay đau khổ mà thôi. Nỗi khát khao hay ước vọng của tôi nhân danh một tập thể vẫn cứ là khao khát hay ước vọng của tôi: một sự vươn dậy của bản ngã.

Tôi đến chỗ ông Dự, định nói đôi lời gì đó để an ủi ông. Nhưng khi đến rồi, tôi chẳng biết phải mở lời thế nào để ông khỏi hiểu lầm là tôi chọc tức, hoặc sự việc tôi đến chỉ là muốn được xác nhận thêm rằng tôi đã thắng từ chính miệng ông ta. Quả nhiên ông ấy nghĩ vậy. Ông không thèm nói gì. Tôi hối hận là đã bước đến chỗ ông dù là với thiện ý. Ông vẫn chưa chịu thua. Ông không tin rằng lối đánh cờ rùng rú của tôi lại có thể thắng được kỹ thuật tinh vi trường lớp của ông. Ông nói:

"Chưa đâu ông thầy ạ. Ông tưởng rằng qua mấy ván cờ đó ông có thể được coi là thắng tôi sao? Chỉ tại tôi chưa quen cái lối đánh lung tung không có chủ đích, không hợp binh pháp của ông mà thôi. Đánh cờ nhiều năm hẳn ông phải biết rằng khi người ta đã quen thuộc nước cờ của nhau rồi thì sự thế sẽ diễn ra trong một kết cuộc khác hơn chứ, phải không? Hơn nữa, sau lưng ông có mấy chục người ủng hộ, cổ vũ, áp đảo tinh thần tôi."

"Dạ đúng, tôi đến đây để nói với chú cái ý đó. Rằng..."

"Không, không phải vậy. Ông đến đây để được nghe những lời ca ngợi của tôi đấy thôi."

"Chú Dự à, chú hiểu lầm rồi."

"Ông đừng nói nữa. Tôi nói ông nghe này, có ngon thì tối nay đánh ba ván nữa. Đánh độ đàng hoàng."

"Đánh độ? Nghĩa là sao?"

"Là đánh cá đó! Ai thua thì nộp cho người thắng một gói thuốc Samit và thua rồi thì coi như thua suốt đời, không cần phải đấu với nhau nữa. Sao, dám không?"

"Đâu có cần thiết phải làm như vậy, thưa chú. Chú biết mà, tu sĩ chúng tôi chơi cờ đã là quá trớn rồi, đâu nghĩ đến chuyện chơi bạc nữa!"

"Thấy chưa, ông sợ rồi. Điều đó cho thấy chuyện ông thắng tôi có vẻ như là may mắn, ngáp phải ruồi, chứ có hay ho gì!"

"Đúng, chớ ngáp phải ruồi. Nếu chú cho rằng đánh cờ không phải để giải trí và chỉ có đánh độ mới phân được cao thấp thì tôi xin chịu thua vậy."

Tôi nói với giọng bình tĩnh, pha một chút khinh bạc trong đó, rồi quay về. Nhưng, ngồi vào chỗ của mình rồi, tôi mới nghe máu nóng chạy trong người. Một cái gì đó bị tổn thương. Tôi tự nhủ: "Tầm phào! Chuyện có đáng gì để phải tự ái, bận tâm. Đâu có cần phải tranh đua với những tâm hồn cờ bạc tầm thường!" Tôi nằm xuống định ngủ, nhưng anh trưởng phòng lại trờ tới, to nhỏ với tôi:

"Này, ông làm sao mà để ông Bô nói xéo tùm lum vậy?"

"Kệ ông ấy, để ý làm gì."

"Ông nói gì mà chó ngáp phải ruồi đó. Ông còn nói gì mà vào chùa nghe sãi tụng kinh, còn ra trận thì chỉ nghe tướng chỉ huy thôi."

"Kệ ông, nói gì cũng được mà."

"Sao mà kệ, ông còn nói là sáu mươi người hội đồng một mình ông thì thắng là phải rồi."

"Ừ, là phải rồi."

"Tầm bậy! Ăn thua người cầm cờ chứ người ngoài đâu có tính."

"Tính cũng được, không tính cũng được."

"Không được, ông phải làm cho rõ chuyện này. Ông chưa phục, phải làm cho ông phục. Ông nói ông thách cá độ mà ông thầy sợ không dám phải không?"

"Tôi mà đi chơi cờ bạc với ông ấy à? Cho là ông ấy thắng đi, tôi thua. Vậy là xong."

"Không, ông không thể ngưng chiến. Phải đánh cho tới khi nào đối phương tâm phục mới thôi. Đối phương chưa phục thì cuộc chiến chưa ngã ngũ."

Tôi ngòì bật dậy:

"Hay, nói hay. Tâm phục, tâm phục. Vậy mà tôi không nghĩ ra kia."

"Ông thầy đồng ý rồi hả? Tôi nói với ông nghe?"

"Khoan, để coi lại đã. Tôi không thích đánh độ."

"Không sao, ông thầy chỉ đánh cờ thôi, còn tôi đánh độ."

"Không độ không được sao?"

"Ông nói không độ ông không đánh."

"Làm như là có độ mới kích thích được tinh thần chiến đấu vậy."

"Chứ sao! Tự cổ chí kim, không cuộc chiến nào bày ra mà không nhắm vào chiến lợi phẩm cả."

"Trừ cuộc chiến của thầy tu," tôi tùm tùm đáp.

"Niết bàn giải thoát không phải là chiến lợi phẩm của ông thầy sao?" anh trưởng phòng không chịu thua.

"Anh nói khéo lắm. Thôi được, tôi nhận lời."

Anh trưởng phòng hí hửng đi trao chiến thư và sắp đặt giờ quyết đấu. Giao ước được trọng tài đưa ra là im lặng đấu cờ; người ngoài không được mách nước hay hò reo cổ vũ cho bất cứ bên nào; cầm quân cờ nào thì đi quân cờ đó, không được đổi quân cờ khác; nước cờ đã đi rồi

không được đổi nước cờ khác; thời gian tối đa để suy nghĩ cho mỗi nước cờ là mười phút; ba ván cờ sẽ phân thắng bại; thắng hai ván liên tiếp coi như đã thắng, không phải đánh ván thứ ba; thắng bại đã phân thì không viện lý do gì để thách đấu ván khác nữa.

Bao cặp mắt chú mục ngó vào bàn cờ. Không khí trong phòng giam im lặng một cách đáng sợ. Tôi không ngờ cái im lặng này lại kích thích nổi háo thắng và quyết tâm chinh phục của mình hơn là những hò reo ầm ĩ.

Tôi chọn quân cờ màu xanh như mọi khi để tỏ ra tôi xem ông Dự là kẻ cao hơn mình (vì quân cờ xanh được quyền đi trước ngay ván đầu, thường dành cho những kẻ thấp cờ hơn như mọi người thường nghĩ). Ông Dự có vẻ đẹp lòng trước thái độ lễ phép của tôi, nhưng không vì vậy mà cái vẻ đặng đặng sát khí của ông giảm đi. Ông tiến quân thần tốc, chặn đông đón tây, nước nào cũng bí hiểm, độc địa. Tôi lại bị rơi vào thế bị động, chỉ biết ứng biến theo thế công của ông. Nhưng thế cờ tôi như lò xo, ông càng ép mạnh thì nó càng bung xa, phản ứng tùy nghi, biến thủ thành công, biến nguy cơ thành lợi thế, đột kích chớp nhoáng. Tôi thắng ông ngay ván đầu. Trán ông lấm tấm mồ hôi hột. Ông kinh ngạc một lúc mới lấy lại được bình tĩnh để sắp ván cờ khác. Ông nuốt nước bọt một cách khó khăn rồi đi nước cờ đầu. Ván này, ông càng thận trọng hơn, đi những nước thật chắc nhưng e dè và thụ động. Ông thủ kín cung thành của mình khiến cho thế cờ của hai bên có vẻ như đang đình chiến để nghị hòa. Ngay lúc ấy, tôi bỗng thấy rằng không bao giờ, không bao giờ ông có thể thắng tôi được.

Tôi đưa quân mình len lỏi vào thế trận thủ thành của ông, thí cả pháo ngựa để mở đường. Đường trống, quân tôi ồ ạt tấn vào, khép chặt hai mặt công kích như hai cái cày bò cạp; mặt chính diện thì chọc thủng vào với cái đuôi mang đầy nọc độc. Ông Dự kinh hãi, mặt biến sắc. Nhưng tôi bỗng bật cười lên vì thấy rõ chỗ sơ hở của mình. Nếu không có cái cười đó có lẽ ông Dự đã ngỡ rằng ông thua rồi. Nghe tôi cười, ông trấn tĩnh, nhìn kỹ lại cờ một lúc rồi mắt ông sáng lên, vỗ đùi một cái, phản công. Thắng. Ông thắng ván đó. Ông thở phào một cái rồi cười rạng rỡ. Tôi chụp vai ông, tán thưởng:

"Chưa có nước nào hay tuyệt như vậy!"

Ông bàng hoàng, sửng sốt trước sự thích ý của tôi. Đòi người ông có vẻ chết đứng trong vài khắc rồi lay động một chút trong nghi ngại.

Một huề. Phải có ván chung kết. Ván này sẽ là ván quyết định. Có vài tiếng xì xầm cho rằng tôi vờ thua để có một ván chung kết hồi hộp, gay cấn. Tôi biết không phải vậy. Tôi không vờ thua ván đó. Tôi chỉ không quyết chí thắng ván đó mà thôi. Trong một ván cờ mà cả hai bên đều không nhích đi được một bước nào thì hẳn nhiên chỉ có kẻ đã thắng được ván trước hoặc tự tin vào sức mình mới dám liều lĩnh để phá nước mở đường mà thôi. Tôi không đánh liều ván đó thì ván đó có thể kéo dài hai ba tiếng đồng hồ với một không khí rất chán.

Ván chót này ông Dự lại thay đổi thế đánh. Ông đã lấy lại chút tự tin. Hơn nữa, thế diện của ông cũng như sự cá độ — mà tôi nghe nói là rất cao — không cho phép ông đầu hàng. Ông tranh thế chủ động, tả xung hữu đột, tung cả một đội tinh binh hùng hậu tràn sang nước tôi. Nước cờ của ông mang đầy cơ tâm quyết thắng. Nhìn những quân cờ của ông, tôi thấy được cả một đội quân quyết tử, hò hét vang trời với sự hỗ trợ của chiến xa, phản lực cơ và những cỗ pháo khắc lửa. Tôi thấy quân tôi, dân tôi gục xuống, ngã xuống từng mạng một. Tôi thấy nước tôi bị oằn xuống theo sức ép của ác tâm, rồi bị cày lên bởi những tàn phá kinh hồn của bom, của đạn, của lửa hận thù. Nhìn lại thế cờ của mình, tôi thấy chỉ là nước. Nước. Nước của một con sông êm đềm, lững lờ trôi đi, chảy uốn khúc qua các lũy tre xanh, chảy từ đầu làng đến cuối làng, chảy một cách nhu thuận, uyển chuyển và hiền hòa, chảy mãi mà bất biến, bất biến

nhưng không dừng chết, không dừng chết mà lại đa hình, đa hình nhưng vẫn là một. Chỉ một thể đó thôi: chảy, chảy. Cờ tôi lần bên này, tránh bên kia, khi tiến tới, lúc thối lui, đều là để tự vệ và tự tồn. Không tấn công nhưng không tỏ uơ hèn; không tranh thế nhưng không bỏ thế đứng. Thế của nó là chảy, chảy bất tận.

Vậy mà cờ tôi lại dồn cờ ông vào một thế bí không sao gỡ nổi. Chỉ hai nước cờ nữa thôi là ông phải xếp giáo qui hàng. Và để thắng ván này, tôi chỉ có mỗi một cách đánh để chiến thắng chứ không có cách nào khác hơn. Tôi chỉ cần đi sai nước thứ nhất thì hồng nước thứ hai; hồng, không những không thắng được mà còn thảm bại nữa vì cờ ông cũng đang trong thế tranh thắng tối hậu với tôi. Nước cờ quá là độc đáo và hiểm hóc đến nỗi chỉ có ông và tôi, hai kẻ trong cuộc, mới nhìn thấy được mà thôi. Tôi không vội đi cờ. Tôi cũng không cần nhìn vào bàn cờ nữa. Nước thắng đã quá rõ ràng. Tôi nhìn ngắm ông. Trong ánh mắt ông, tôi đọc được sự xuôi tay, thất vọng. Hai má ông xệ xuống, đôi môi mấp máy run rẩy để lộ hai hàm răng đánh lập cập vào nhau. Nước da ông tái đi một cách bệnh hoạn. Con hổ hung tợn nay chỉ còn là một con hổ già hấp hối. Danh dự của ông, một thời oanh liệt vẫy vùng của ông bây giờ tùy thuộc vào nước cờ quyết định của tôi. Tôi nói khẽ, vừa đủ cho ông nghe được:

"Thắng bại đã rõ rồi."

Lời tôi buông ra làm ông xụi người xuống như thể nãy giờ ông vẫn còn hy vọng là tôi sẽ không đánh đúng được nước cờ thắng. Tôi cảm ca nước uống một hớp thoải mái, xong tôi tăng hắng một tiếng, nói tiếp:

"Chà, khó xử quá há!"

Nghe vậy, mắt ông sáng lên thấy rõ. Ông vẫn còn hy vọng. Cái hy vọng này vừa lú lên thì đã phát triển theo cấp số nhân một cách hồi hải để biến thành nỗi khát khao chiến thắng vừa bị đốn ngã trong ông. Sự hăm hở, ngoan cố của ông bỗng làm nẩy sinh trong tôi một chút nực cười và một chút ác ý. Tôi lại quên tôi là một tu sĩ. Trong tôi cũng có cái khát vọng chiến thắng như ông vậy. Trong một trận thư hùng quyết đấu, chỉ có sống hoặc chết, thắng hoặc bại. Cái bản ngã của tôi không muốn bại trận. Và vì nó biết trước nó sẽ thắng, nó bước đến chung cuộc bằng những bước lững thững kiêu bạc. Nó cố ý kéo dài thời gian kết thúc để lắng nghe nỗi bập bùng thống khoái của khát vọng chinh phục đồng thời là để tra tấn, hành hạ kẻ chiến bại hầu thỏa mãn cái ác tâm hiếu chiến của nó. Tôi lấy ngón tay gõ vào con xe xanh của mình — con xe quyết định ván cờ — nói bốn một câu:

"Mày đó nghe, đừng có đi bậy à. Ăn hay thua cũng là mày thôi đó."

Ông Dự xanh mặt và đàn người ra, rồi lẩm bẩm nói theo tôi một cách vô vọng:

"Ừ, ăn thua cũng là mày thôi."

Cả phòng giam chết lặng, im phắc. Tôi nghe hơi thở đứt đoạn và dồn dập của ông. Tôi từ từ nhấc con xe lên, tỏ cho ông thấy là tôi không chọn con cờ nào khác nữa. Cái hy vọng cuối cùng còn sót lại trong ông là tôi đi sai con xe đó. Chỉ một nấc xê xích thôi là sai bét cả. Tôi bật cười lên ha hả, sảng khoái như khi một mình bước lên đỉnh núi chót vót, khám phá cái đẹp vô cùng của đất trời thơ mộng. Trong khi đó, ông Dự không kìm hãm được sự run bần của mình. Ông ngược mắt nhìn tôi. Đôi mắt lạ lắm: có một chút thù hận và một chút khẩn cầu. Tôi tức khắc nhận biết tôi không thể thắng được ông bằng sự sát phạt sòng phẳng trong trận thế giữa hai cái bản ngã hiếu chiến và đầy khát vọng. Tôi từ từ đặt con xe xuống một cách nghiêm trang, cẩn trọng, như bước chân đầu tiên chạm nhẹ trên nền đá phong rêu của một ngôi đền cổ. Nhưng,

đó là nước cờ sai. Ông Dự chớp nhanh đôi mắt một cái, sững người, ngược nhìn lại tôi như muốn hỏi: "Thật vậy sao?" Rồi ông rơm rớm nước mắt trong một vẻ kinh ngạc khó tả. Ông không tin nổi rằng tôi có thể chủ định một nước cờ tất bại phi lý như vậy. Ông khiếp hãi và bối rối trong vài giây rồi bất chợt, nổi sung sướng tột độ của ông bùng ra, ông hét lên:

"Thắng rồi, tôi thắng rồi!"

Tôi lặng lẽ trở về góc phòng giam. Qua song sắt, tôi thấy hoàng hôn kéo xuống thật nhanh. Ngày Tết đã qua. Tuổi đời chồng thêm một lớp. Cuộc sống diễn ra trên một bàn cờ. Có kẻ thắng, có kẻ bại, có người hơn, có người thua; nhưng, bất biến hay không mới là điều thiết yếu.

Không. Không phải là một ván cờ, không phải là một bàn cờ phân ly những con người và những dòng đời mâu thuẫn đối nghịch, mà là cuộc sống. Cuộc sống là sự trôi chảy của một dòng sông êm đềm. Đôi khi có gợn sóng vào những chiều thu quạnh quẽ, nhưng đó cũng vẫn là những cái gì tất yếu về nên bức tranh muôn thuở của cuộc đời.

Ông Dự rón rén bước đến chỗ tôi như một tín đồ tội lỗi muốn xưng tội. Ông nói:

"Thầy đã thắng tôi."

Tôi cười, nói:

"Có ai thắng đâu."